

CHƯƠNG II: THƠ ĐƯỜNG

Khái quát xã hội Trung Quốc thời Đường (620-905)

Năm 581, Dương Kiên lật đổ triều đại cuối cùng của Bắc triều, tự xưng Hoàng Đế, lập ra nhà Tùy, đóng đô ở Trường An, rồi kéo quân về miền Nam, tiêu diệt Nam triều, thống nhất Trung Quốc. Tùy Văn đế Dương Kiên ổn định xã hội, chia lại ruộng đất, mở mang thủy lợi, tiết kiệm ... Chẳng bao lâu sau, ông bị đưa con thứ hai là Dương Quảng giết chết. Dương Quảng lên ngôi xưng là Tùy Dũ Đế - một tên vua hoang dâm và tàn bạo nổi tiếng, xây thành đào sông tiến hành xâm lược Đài Loan, Triều Tiên. Nhân dân vùng lên khởi nghĩa khắp nơi. Lý Uyên một viên tướng lợi dụng cơ hội, ép vua nhường ngôi cho con và năm sau phế bỏ nhà Tùy, tự xưng Hoàng đế, lập ra nhà Đường.

Nhà Đường tồn tại được ba trăm năm, như thế là khá bền vững trong lịch sử Trung Quốc. Tuy vậy, sự thịnh trị cũng chỉ là tương đối. Nhiều vụ đảo chính lớn xảy ra, tiêu biểu là vụ Võ Tắc Thiên phế truất Đường Trung Tông rồi Tuấn Tông, tước lấy ngôi Hoàng đế, đổi quốc hiệu là nhà Chu, sau đó nhà Đường giành lại ngai vàng. Giai đoạn Sơ Đường kéo dài một trăm năm (cũng gọi là Sơ - thịnh Đường). Nếu ở thời Tây Hán dân số trên năm chục triệu thì đến đầu Tùy chỉ còn hai mươi triệu (sau gần bốn trăm năm), cuối nhà Tùy, đầu nhà Đường dân số chỉ còn ba triệu hộ gia đình.

Cha con Lý Uyên (Đường Thái Tổ) và Lý Thế Dân (Đường Thái Tông) là những ông vua khôn khéo, ban hành nhiều chính sách phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp với giao lưu mậu dịch quốc tế rộng rãi, tiến hành cải cách giáo dục văn hoá.

Đến năm 740, dân số lên tới 48 triệu, các vua Đường thực hiện chính sách bành trướng qui mô lớn. Trước hết, lấn vùng Tân cương, Tây tạng (đặt là An Tây đô hộ phủ) rồi đến Triều Tiên (đặt là An Đông đô hộ phủ), vào năm 679 chiếm cứ Việt Nam (đặt tên "An nam đô hộ phủ").

Thời Khai Nguyên được coi là đỉnh cao thịnh trị của nhà Đường. Các giai tầng thống trị ra sức bóc lột nhân dân, đua đòi ăn chơi. Đường Huyền Tôn (tức là Đường Minh Hoàng) say đắm Dương Quý Phi, chính quyền trung ương dần dần bất lực. Xảy ra cuộc nổi loạn của tiết độ sứ An Lộc Sơn đánh chiếm kinh đô Lạc Dương, tiến về Trường An khiến Huyền Tôn phải bỏ chạy. Trên đường hành quân truy kích, An Lộc Sơn lại bị viên bộ tướng là Sử Tư Minh giết chết để lên ngôi. Lịch sử gọi sự biến này là "sự biến An - Sử" hoặc "loạn An - Sử" (755 - 763). Sau sự biến, dân số Trung Quốc chỉ còn hai mươi triệu! Tuy vậy, quan hệ sản xuất phong kiến rạn vỡ làm nảy sinh những yếu tố kinh tế tiền tư bản chủ nghĩa.

Từ năm 821 về sau gọi là thời Vãn Đường với vua Đường Mục Tôn. Cuộc khởi nghĩa nông dân khá lớn do Hoàng Sào và Vương Tiễn Tri lãnh đạo thất bại nhưng cuộc nổi dậy này là đòn nặng nề giáng xuống chế độ phong kiến. Trong khoảng 100 năm cuối có 11 ông vua nhà Đường lần lượt kế tiếp nhau, cuối

cùng một viên tướng tên là Chu Toàn Trung kéo quân về Trường An lật đổ triều đình , xưng hoàng đế, mở ra một thời kỳ hỗn loạn mới gọi là "ngũ đại thập quốc".

Tình hình Văn Học

Văn học thời Đường rất phát triển .

Bên cạnh thơ, văn xuôi tự do đã bị văn biền ngẫu nổi lên áp đảo. Hai nhà văn Hàn Dũ và Liễu Tôn Nguyên ra sức cải cách văn xuôi. Truyện ngụ ngôn phát triển . Tiểu thuyết truyền kỳ vốn xa rời thực tế ngày càng chú ý phản ánh trực tiếp sinh hoạt xã hội, nhất là sinh hoạt chốn đô thị. Ngôn ngữ người kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật đã tách ra khá rõ, các hình tượng nhân vật sinh động hơn và có cá tính hơn. Truyện nàng Thôi Oanh Oanh (còn gọi Hội chân ký) của nhà thơ Nguyên Chấn là tiêu biểu về đề tài tình yêu. (Sau này, đến đời Nguyên, nhà viết kịch Vương Thực Phủ sáng tác thành vở kịch thơ Tây Sương Ký - ở Việt Nam cách đây nửa thế kỷ được dịch thành vở kịch Mái Tây) . Biền văn là loại truyện tôn giáo được dân gian hoá (như truyện nàng Mạnh Khương thương chồng chết vì bị bắt đi xây Vạn lý trường thành, chuyện Vương Chiêu Quân cống Hồ, chuyện Ngũ Tử Tư...)

Từ : là một loại thơ kết hợp chặt chẽ với âm nhạc thời Đường.

Tuy thế, Thơ Đường vẫn là thể loại đạt được những thành tựu rực rỡ và có quan hệ mật thiết với nhiều thể loại khác.

Thơ Đường qua các giai đoạn

Đến nay, giới nghiên cứu văn học Trung Quốc đã thống kê sưu tầm được năm mươi ngàn bài thơ Đường của hai ngàn ba trăm tác giả.

Vì sao Đường thi phát triển mãnh liệt như vậy ?

Đời Đường, nước Trung Quốc độc lập và thống nhất sau thời gian dài bị chia cắt và lệ thuộc. Tình hình đó kích động cảm hứng sáng tạo cho nhà thơ. Đô thị phồn vinh tạo điều kiện truyền bá văn học và cung cấp cho thơ ca nhiều đề tài phong phú.

Thời kỳ Sơ - Thịnh Đường tạo điều kiện cho thơ phát triển về bề rộng thì đến Trung - Vãn Đường thơ càng đi sâu vào cuộc sống và có khuynh hướng hiện thực, mở đầu với Lí Bạch , lên đến đỉnh cao Đỗ Phủ và quật lên mạnh mẽ với phong trào thơ Bạch Cư Dị.

Thượng tầng kiến trúc đời Đường cũng phát triển, kéo theo sự xung động của thơ và văn học nghệ thuật nói chung.

Nhà Đường thực hiện chế độ thi cử để bổ nhiệm các bậc quan chức. Trong các kỳ thi, môn thi bắt buộc làm thơ và giảng thơ chiếm vị trí quan trọng, do đó kích thích mở rộng đội ngũ nhà thơ, trong đó có những người xuất thân nghèo hèn.

Giai cấp thống trị đời Đường không chủ trương độc tôn Nho giáo như đời Hán. Cả ba Nho, Phật và Đạo đều được tự do thịnh hành mặc dù có thời kỳ vua Đại Đường tỏ ra ưu ái đạo Phật (cử Đường Tam Tạng đi Ấn Độ du học và xin bộ kinh Phật mới) trong khi các tư tưởng Nho và Đạo không bị khống chế. Do đó, nếp suy nghĩ của thi sĩ không cứng nhắc, chân trời kiến thức mở rộng. Ba cảm hứng chủ đạo nói trên tạo ra hàng ngàn bài thơ khác nhau và tạo ra ba phong cách độc đáo: "thánh thơ Đỗ Phủ", "tiên thơ Lí Bạch" và "phật thơ Vương Duy". Tình trạng đó gây ra các luồng tư tưởng phức tạp trong thơ, tích cực xen lẫn tiêu cực và trong một hoàn cảnh nào đấy khó xác định bài thơ nào là tiêu cực hay tích cực . Văn hóa thời Đường chấp nhận tình trạng chủ nghĩa đa nguyên trung cổ).

Trong khi đó, các ngành nghệ thuật ở đời Đường cũng rất phát triển . Âm nhạc, Vũ đạo, nghệ thuật viết chữ đẹp (thư pháp) và hội họa đều có tác dụng nâng cao thẩm mỹ của nhà thơ. Đặc biệt mối quan hệ Hội Họa - Thi - Ca rất mật thiết. Nhà thơ Vương Duy được coi là " Thi trung hữu họa - Họa trung hữu thi " vì ông vừa là họa sĩ vừa là nhà thơ. Người ta cũng còn gọi hội họa là " vô thanh thi " (thơ không tiếng). Nhiều nhà thơ say mê hội họa và nhiều họa sĩ biết làm thơ .Thơ và họa Trung Quốc có chung một số qui luật thẩm mỹ chi phối như : " nhập thần ", " hư và thực " ...

Mặt khác, thơ Đường cũng tiếp thu, kế thừa cả quá trình phát triển lâu dài của thơ ca Trung Quốc (từ Kinh Thi, Nhạc Phủ, Thơ Kiến An, Sở từ..., dân ca hào phóng miền Bắc , dân ca uyển chuyển phương Nam và lí luận thơ ca của các thời đại trước).

Thơ Đường cũng chia ra bốn giai đoạn Sơ - Thịnh - Trung - Vãn (chất lượng thơ không đồng đều).

Sơ Đường là giai đoạn chuẩn bị mọi mặt cho thơ, còn mang nặng tính chất uỷ mị với bốn nhà thơ nổi tiếng : Vương Bột , Dương Quýnh, Lư Chiễn Tân và Lạc Tân Vương. Cuộc đời họ gặp nhiều bất hạnh nhưng trong thơ vẫn có những tình cảm tích cực lành mạnh. Sau đó, Trần Tử Ngang đề xướng chủ trương khôi phục tinh thần phong nhã và đặt nền móng cho thơ hiện thực. Nhược điểm của thời kỳ này là khi viết về chiến tranh, âm hưởng chủ đạo của họ là khẳng định, ca ngợi.

Thịnh Đường là giai đoạn rực rỡ nhất của thơ, đạt đến sự thống nhất hoàn mỹ giữa nội dung và hình thức với nhiều nhà thơ lớn.

Mặc dù thơ Đường khá đa dạng phong phú, ta cũng tạm chia họ ra hai trường phái dựa trên đề tài : phái điền viên và phái biên tái.

Vương Duy và Mạch Hạo Nhiên là đại biểu lớn của phái điền viên với nghệ thuật cao, đôi khi phản ánh được những nét chân thực của sinh hoạt nông thôn và vẻ đẹp của thế giới tự nhiên song nhìn chung còn xa rời cuộc sống thực (Bác Hồ có viết bài Cảm tưởng đọc Thiên gia thi : thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp, Mây gió trăng hoa tuyết núi sông...).

Phái biên tái : Hầu như nhà thơ nào cũng viết về chiến tranh, về cảnh biên cương khốc liệt, đặc biệt là miêu tả tâm trạng và đời sống của chinh phu, chinh phụ. Có người thiên về ca ngợi như Cao Thích, Sầm Tham , đa số thiên về phê phán như Vương Xương Linh , Lí Kỳ... và tiêu biểu nhất là Lí Bạch với cảm quan nhạy bén đã sớm phát hiện ra dấu hiệu suy vong của nhà Đường nấp sau vẻ phồn thịnh đương thời.

Đến thời Trung Đường, có thể coi Đỗ Phủ là chiếc cầu nối giữa Thịnh Đường và Trung Đường. Thơ ông phản ánh hiện thực xã hội một cách sâu rộng. Hiện tượng nổi bật sau này là phong trào thơ phóng dụ trữ tình của Bạch Cư Dị thể hiện sự đồng tình sâu sắc với nhân dân và phản ánh sinh động mâu thuẫn giai cấp gay gắt trong xã hội (nổi tiếng với bài " Tì bà hành "). Trong khi đó, một số nhà thơ vẫn sáng tác theo lối điền viên. Liễu Tôn Nguyên làm thơ ngụ ngôn rất sở trường, phản ánh nỗi khổ của dân chúng và phê phán bọn thống trị. Do bất mãn, u hoài, bức bối đôi khi ông rơi vào hư vô. Lí Hạ là nhà thơ có biệt tài xây dựng tứ thơ đọc đáo, hình ảnh kỳ lạ, từ ngữ mới mẻ.

Đến thời Văn Đường vẫn còn nhiều nhà thơ tài năng xuất hiện với cảm hứng Đạo giáo, có ít nhiều tiến bộ như Tào Nghiệp, Ôn Đình Quân , Lý Thương Ẩn và Đỗ Mục, chia thành nhiều nhóm " lãng mạn" khác nhau.

Hình thức của Thơ Đường

(Phân loại , cấu trúc , niêm luật , đối và vần)

Ngôn ngữ thơ Đường trong sáng, tinh luyện , tiết kiệm ngôn từ (bài ngắn nhất hai mươi chữ : ngũ ngôn tuyệt cú). Do thế, thơ Đường rất súc tích, cô đọng. Ít khi thơ chịu nói hết ý, và không nói trực tiếp, mà chỉ dựng lên hàng loạt mối quan hệ để cho độc giả tự suy luận, tức là " vẽ mây, nảy trăng " (chỉ tả đám mây, nhưng ta biết có vàng trăng bị che lấp ở phía sau), ý ở ngoài lời, ý đến mà bút không đến, bút dừng mà ý không dừng - lời hết mà ý chưa hết...

Thơ Đường luật có vẻ gò bó nhưng vẫn dung nạp nhiều thủ pháp khác nhau , sự năng động của mọi nhà thơ, đỉnh cao nhất là thủ pháp ám thị và gợi ý.

Nhìn chung, thơ Đường bị chi phối bởi ba cảm hứng chủ đạo :

Cảm hứng một : Thơ u hoài về thế sự, nặng niềm ưu tư. đó là cảm hứng của nhà Nho. Cảm hứng hai : hướng về tư tưởng Đạo giáo yêu thiên nhiên, thích xa lánh việc đời , tư tưởng Lão Trang Cảm hứng ba : hướng về Phật giáo xa lánh đời nhưng ít nhiều còn gần nhân thế

Hai cảm hứng đó đều lãng mạn .

Có những bài thơ lẫn lộn cả hai cảm hứng . Trong một đời thơ, thi sĩ phải nhiều lần đổi thay cảm hứng. Thông thường, thời trai trẻ " lập ngôn " bằng cảm hứng Nho giáo. Về già thì cảm hứng Đạo giáo lại giành thế chủ đạo.

Thơ Đường thâm nhập vào đời sống người Trung Hoa bao đời nay, từ sinh hoạt bình thường đến những lễ nghi long trọng . Thơ mừng cưới, chúc thọ, chia buồn, thơ kén chồng... thơ thù tạc. Có người cho rằng người Trung Hoa say mê

thơ như một tôn giáo. Bởi thơ Đường rất tinh tế, thanh nhã, không dài và không hùng mạnh, điều hoà và sinh động, với lối miêu tả "tả cảnh ngụ tình" là biện pháp phổ biến.

Thơ Đường tự nhiên thoải mái chan hoà vào đời sống tinh thần, văn hoá Việt Nam và giúp cho thơ ca cổ điển nước ta sinh ra biết bao áng thơ luật Đường đặc sắc của Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Bà Huyện Thanh Quan, Nguyễn Khuyến, Hồ Xuân Hương. Cho tới ngày nay, các nhà thơ hiện đại đôi khi vẫn viết được những bài thơ luật Đường đặc ý.

Phân loại:

Thơ Đường gồm thơ cổ phong và thơ cận thể (thơ Đường luật):

Thơ cận thể gồm hai dạng chính là:

"cách luật thất ngôn" và "cách luật ngũ ngôn" (phân loại dựa theo số tiếng trong một câu).

Nếu phân loại theo số câu trong một bài thì có ba dạng chính:

Thơ bát cú (8 câu), thơ tuyệt cú (4 câu / tứ tuyệt) và thơ bài luật (số câu vô hạn định, gồm nhiều khổ tứ tuyệt).

Trong ba dạng trên, thất ngôn bát cú là dạng cơ bản, vì từ nó suy ra các dạng khác.

1 THƠ BÁT CÚ:

Là hình thức chủ yếu với cấu trúc "thất ngôn bát cú" (8 câu x 7 chữ), từ đây suy ra các dạng khác.

a -Bố cục của bài thất ngôn bát cú gồm bốn phần: đề - thực - luận - kết (hoặc: khai - thừa - chuyển - hợp)

Đề là phần mở đầu có hai câu:

Câu 1 - phá đề (mở ý) giới thiệu.

Câu 2 - thừa đề tiếp ý để chuyển vào bài.

Thực: câu ba và bốn: giải thích rõ ý của bài

Luận: câu năm và sáu: phát triển rộng thêm

Kết: câu bảy và tám - kết thúc ý toàn bài

b - Luật Thơ Đường luật buộc phải theo sự qui định về thanh bằng và thanh trắc trong từng câu và trong cả bài.

Hệ thống luật được bắt đầu bằng âm thanh của chữ thứ hai của câu thứ nhất.

Nếu chữ thứ hai là thanh bằng thì gọi bài thơ luật bằng, ví dụ bài "Đề đô thành Nam trang" của Thôi Hộ và bài "Tiên tử tông Lưu Nguyễn xuất động" của Tào Đường. Chữ thứ hai là thanh trắc thì gọi là bài thơ luật trắc,

Ví dụ bài " Không đề" của Lý Thương Ẩn nhà thơ tình yêu nổi tiếng thời Văn Đường (luật trắc) và bài " Hoàng hạc lâu " của Thôi Hiệu (luật bằng) :

<p>Tương kiến thời nan biệt diệp nan Đông phong vô lực bách hoa tàn Xuân tà m áo tử ty phương tận Lạp cự thành hồi lệ thủy can Hiểu kính dẫn sầu vân mấn cải Dạ ngâm ưng giác nguyệt quang hàn Bồng Lai thử khứ vô đa lộ Thanh điều ân cần vị thám khan</p>	<p>Khứ niên dĩ thừa hoàng hạc khứ Thử địa không du hoàng hạc lâu Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản Bạch vân thiên tải không du du Tình xuyên lịch lịch Hán dương thụ Phương thảo thê thê Anh vũ châu Nhật mộ hương quan hà xứ thị Yên ba giang thượng sử nhân sầu</p>
--	--

(Khuông Hữu Dụng và Tương Như dịch)

Luật của bài thơ xác định rõ âm hưởng chủ đạo của toàn bài, giống như "gam" của một bài hát, bản nhạc hiện đại ..

Ngoài ra, mỗi tiếng là một âm thanh được qui định sắp xếp sao cho câu thơ không đơn điệu (xem công thức dưới đây).

Ví dụ : Công thức luật và niêm của một bài thơ

Bài thơ luật bằng vần bằng	Bài thơ luật trắc vần bằng:
1. b b t t t b b	1. t t b b t t b
2. t t b b t t b	2. b b t t t b b
3. t t b b b t t	3. b b t t b b t
4. b b t t t b b	4. t t b b t t b
5. b b t t b b t	5. t t b b b t t
6. t t b b t t b	6. b b t t t b b
7. t t b b b t t	7. b b t t b b t
8. b b t t t b b	8. t t b b t t b

Nếu cắt bớt hai tiếng đầu mỗi câu của bài thất ngôn bát cú thì sẽ sinh ra thể ngũ ngôn bát cú.

Lưu ý : Đối với thơ thất ngôn cần chú ý qui tắc sau : Nhất - tam - ngũ bất luận, nhị - tứ - lục phân minh . Với ngũ ngôn thì " nhất - tam bất luận và nhị - tứ phân minh".

Liên : Mỗi cặp câu đi liền nhau gọi là một" liên ", các chữ tương ứng của câu số lẻ và câu số chẵn trong một "liên" phải có thanh ngược nhau (ngoại trừ chữ thứ 5 và chữ thứ 7 của liên đầu). Liên có vai trò ràng buộc chiều dài của bài thơ khỏi xộc xệch .

c - Niêm Để cho bài thơ uyển chuyển, nhịp đi của "liên trên " phải khác nhịp đi của " liên dưới ". Muốn vậy, chữ thứ hai của câu chẵn thuộc " liên trên " phải cùng thanh với chữ thứ hai của câu lẻ thuộc " liên dưới ". Sự giống nhau đó gọi là Niêm - tức là sự kết dính hai liên với nhau.

Trong thực tế sáng tác, ít có người theo đúng hoàn toàn công thức trên, do đó sinh ra lệ " bất luận " như sau (tức ngoại lệ) .

- Chữ đầu mỗi câu là bất luận (bằng hoặc trắc tùy ý) .
- Chữ thứ năm nói chung ngược với chữ thứ bảy, song cũng có thể bất luận.
- Riêng chữ thứ ba nếu là "bằng " thì không nên đổi ra trắc (chỉ có thể đổi trắc ra bằng), nhất là ở các câu có vần (câu 1, 2, 4, 6, 8).

d - Cách đối Hai câu thực đối với nhau và hai câu luận đối với nhau. (Câu ba đối bốn, câu năm đối sáu).

Ba yếu tố : đối thanh , đối ý và đối từ loại .

Ví dụ : Bài " Không đề " của Lý Thương Ẩn

Câu ba : Con tằm đến thác tơ con vương

Câu bốn : Chiếc nền chưa tàn lệ vẫn sa

Tằm - nền : bằng - trắc, danh từ - danh từ. Vương - sa : trắc - bằng, danh từ - danh từ. Thác - tàn : trắc - bằng ,động từ - động từ.

Câu năm : sáng ngắm gương... đối với Câu sáu : đêm ngâm thơ...

Chú ý : Đối ý có hai trường hợp :

- ý đối lập chống lại nhau (đối lập / phản đối)
- ý bổ sung tăng cường cho nhau. (đối song hành)

e. Cách gieo vần: Thơ Đường luật chỉ gieo một vần là vần bằng gọi là bình , hiếm khi gieo vần trắc . Gieo vần vào chữ cuối của câu 1, 2, 4, 6 và 8. (ngoại lệ : riêng chữ cuối của câu 1 ngũ ngôn bát cú có thể không cần gieo vần cũng được).

Trong thực tế sáng tác, các nhà thơ đời sau đã sáng tạo thêm những biệt thể mới như tiết hạ (ý mỗi câu còn lơ lửng), yết hậu (câu cuối còn thiếu nhiều tiếng), thủ vĩ ngâm (câu một giống câu tám) v.v...

2 THƠ TỨ TUYỆT

Gồm hai dạng chính : Thất ngôn tứ tuyệt và ngũ ngôn tứ tuyệt. (gọi tắt : thất tuyệt và ngũ tuyệt .

Tứ tuyệt (hay là tuyệt cú) có ý kiến cho là được sinh ra từ thể thơ bát cú. Nó cũng gồm bốn phần : đề, thực, luận, kết , mỗi phần chỉ là một câu.

Từ một bài " thất ngôn bát cú ", có bốn cách chia cắt để tạo ra bốn dạng " tứ tuyệt".

Dạng 1 : Gồm bốn câu đầu (1, 2, 3, 4) Dạng 2 : Gồm bốn câu cuối (5, 6, 7, 8)

Dạng 3 : Gồm bốn câu giữa (3, 4, 5, 6) Dạng 4 : Gồm hai câu đầu và hai câu cuối (1, 2, 7, 8)

Chúng ta hãy xem xét về vần và đối của bốn dạng tứ tuyệt :

Dạng (1) : có ba vần, câu ba - bốn đối nhau Dạng (2) : có hai vần, câu một - hai đối nhau Dạng (3) : có hai vần, câu một - hai và ba - bốn đối nhau Dạng (4) : có ba vần, không có đối

Người ta thường làm thơ tứ tuyệt dạng (4) vì dạng này không có đối.

BỐN DẠNG THƠ TỨ TUYẾT CƠ BẢN :

(chọn một tiêu chí : câu đối / số câu có vần . . .)

Mỗi dạng gồm vài kiểu phụ thuộc)

Loại 1 - QUÂN HÀNH (Lí Bạch) ba vần - đối câu 3 và 4

Lưu mã tân khoa bạch ngọc an
chiến bãi sa trường nguyệt sắc hàn
thành đầu thiết cổ vang do chấn
hạp lí kim đao huyết vị can

Loại 2 - TƯƠNG GIANG (hai vần câu 2 và 4 - hai cặp đối)

quân tại Tương giang đầu
thiếp tại Tương giang vĩ
tương tư bất tương kiến
đồng âm tương giang thủy

Loại 3 - TUYẾT CÚ . (Đỗ Phủ) không có vần - 1 cặp đối

Hai cái oanh vàng kêu liểu biếc Một	Lưỡng cá hoàng li minh thúy liểu Nhất
đàn cò trắng vút trời xanh Ngàn năm	hàng bạch lộ thương thanh thiên S ong
tuyệt núi song in sắc Muôn dặm thuyền	hàm Tây Lĩnh thiên thu tuyết Môn bạc
Ngô cửa rập rình	Đông Ngô vạn lí thuyền

Loại 4 - ĐỀ CÚC HOA (Hoàng Sào) : ba câu vần - không đối (ô)

Táp tấp tây phong mãn viên tài Nhị hàn	Vi vút đầy vườn thổi gió tây Nhụy rầu
hương lãnh điệp nan tại T ha niên ngã	hương lạnh bướm khôn bay Nếu xuân
nhược vì Thanh Đế Báo dữ đào hoa	năm tới ta làm chúa Truyền với hoa đào
nhất xứ khai	nở cả đây

(chú thích : Thanh Đế - vị chúa loài cỏ cây)

Đọc thêm bài " ĐỀ ĐỒ THÀNH NAM TRANG " của Thôi Hộ :

Khứ niên kim nhật thử môn trung nhân	Cửa đây năm ngoái cũng ngày này má
diện, đào hoa tương ánh hồng nhân	phấn hoa đào ửng đỏ hây má phấn giờ
diện bất tri hà xứ khứ đào hoa y cựu	đâu ? đâu vắng tá ? hoa đào còn bốn gió
tiểu đông phong	xuân đây

Kết luận về tứ tuyệt

Khi viết tứ tuyệt , người ta thấy khó nhất là câu thứ 3 - câu này tạo đà cho câu chót xuất hiện . Câu thứ 3 dường như rẽ bước ngoặt - không nối tiếp ý của 2

câu đầu - mạch thơ dường như đứt gãy . Sự đứt gãy này tạo ra câu kết bất ngờ và bùng lên xúc cảm

Nhà thơ nhận thấy viết tứ tuyệt rất khó (ô) nhưng thơ tứ tuyệt vẫn được sáng tác .

3 THƠ BÀI LUẬT

Là bài thơ gồm nhiều bài thơ tứ tuyệt hoặc thất ngôn (thường là tứ tuyệt), số câu kéo dài vô hạn định , còn gọi là thơ đường luật trường thiên. .

4 THƠ CỔ PHONG (cổ thể).

Loại này không hạn định về số câu, chữ, không gò bó niêm luật, gieo vần, do đó có nhiều khả năng biểu hiện những sắc thái tình cảm phong phú và phản ánh được những vấn đề xã hội đời sống rộng lớn. Thơ cổ phong thường áp dụng lối tự sự dài

(ví dụ : Tì Bà Hành của Bạch Cư Dị gồm 88 câu x 7 tiếng = 616 tiếng).Thể "hành" là thể thơ tự sự, nhằm kể lại một câu chuyện , sự kiện hay một số phận nào đó.

Cổ phong cũng gồm hai loại :

Loại có hấp thụ thơ Đường luật (như Tì bà hành)

Loại hoàn toàn tự do (Thạch Hào Lại - Đỗ Phủ , Trường tương tư của Lí Bạch)

LƯU Ý : khi đọc thơ Đường phải xem kĩ cả bản phiên âm Hán -Việt và phân dịch nghĩa , không nên trông cậy hoàn toàn vào bản dịch thơ .

Một số tác giả tiêu biểu

Nhà thơ Lý Bạch (701-763)

đỉnh cao của thơ trữ tình cổ điển

Lý Bạch lớn lên dưới thời thịnh vượng nhất của nhà Đường. Cũng như nhiều nhà thơ lớn, Lý Bạch có chí tiến thủ và bao hoài bão ước mơ. Xã hội lúc này bộc lộ đầy mâu thuẫn, nhiều chính sách bị vi phạm . Sinh hoạt hủ bại của bọn quý tộc quan liêu. Sự biến An Lộc Sơn - Sử Tư Minh đã làm thiệt hại bảy mươi phần trăm dân số.

Lý Bạch, tự là Thái Bạch, nguyên quán Lũng Tây (nay là tỉnh Cam Túc), sinh ở làng Thanh Liên, huyện Chương Minh, tỉnh Tứ Xuyên. Người ta dự đoán ông là con gia đình thương nhân nên ít chịu ảnh hưởng chi phối nặng nề của tư tưởng phong kiến chính thống.

Thời nhỏ, Lý Bạch được học nhiều , tư chất lại thông minh, ngoài ra còn học kiếm . Thanh kiếm là bạn thân suốt đời, và cũng là vật ký thác lý tưởng của nhà thơ họ Lý. Mười tám tuổi, lên núi Đới Thiên Sơn đọc sách và giao du với một số đạo sĩ (Đạo giáo). Sự giao du này làm phát triển tính cách phóng khoáng vốn có, đồng thời gieo vào nhân sinh quan của Lý những yếu tố tiêu cực như tư

tường " xuất thế ". Hai mươi tuổi, Lý đi du lịch khắp đất Thục, rồi từ già cha mẹ, xách kiếm đi viễn du.

Mười sáu năm tiếp theo, Lý Bạch đi du ngoạn nhiều nơi, thường lãm phong cảnh và tìm tiên học đạo, nhưng chủ yếu nhằm quảng giao tên tuổi, tìm cơ hội tham gia chính trị, lập công danh sự nghiệp. Ông tự cho mình là kẻ hùng tài, tin tưởng một ngày kia có thể nhảy lên hàng khanh tướng, đem trí tuệ giúp nhà vua bình thiên hạ, giúp cho bốn bể thanh bình. Ông thường chơi thân với những người có thanh thế, nói rõ chí nguyện mình mong họ tiến cử. Song ông đã thất vọng. Bọn chúng không thể hiểu hoài bão chính trị của ông mà có lúc còn mưu hại ông vì ghét tính ngang tàng phóng túng của Lý. Và Lý đã bước đầu hiểu được bộ mặt thật của giới quan lại đương thời. Ông lại tiếp tục giao du với một số đạo sĩ để nhờ họ tiến thân. Lúc này, Đạo giáo rất thịnh hành, nhiều đạo sĩ và tín đồ được nhà vua tôn trọng. Năm 742, Lý Bạch được đạo sĩ Ngô Quân tiến cử lên vua Đường Huyền Tôn.

Được triệu về kinh , Lý phấn khởi vì sắp đạt chí nguyện. Lúc đầu, được ưu đãi. Lý viết một số bài thơ ca ngợi cảnh sinh hoạt cung đình. Nhưng Lý không chìm đắm trong xa hoa, nhục dục. Dần dần ông biết rằng nhà vua dùng ông để làm một thi nhân bồi bút mà thôi. Lý Bạch bàng hoàng vỡ mộng. Tâm tình bi phần, ông cùng bạn bè uống rượu ngâm thơ giải sầu. Thơ ông bắt đầu " ngông " để biểu lộ nỗi bất bình. Chưa được ba năm, ông xin vua ra khỏi triều đình. Sau đó ông viết được nhiều bài thơ có giá trị phê phán mạnh mẽ sự hoang dâm của vua chúa , sự bất tài và lộng quyền của bọn gian thần ngoại thích.

Rời Trường An sang Lạc Dương, Lý gặp Đỗ Phủ , kết bạn, rồi lại cùng nhà thơ Cao Thích đi săn bắn, ngao du ở vùng Sơn Đông. Chia tay Đỗ Phủ về Trường An, Lý Bạch tiếp tục đi du lịch. Tiếng tăm lừng lẫy, đến đâu Lý cũng được người tiếp đón. Tâm tư ông lúc này phức tạp hơn bao giờ hết. Xuất thế hay nhập thế, Đạo hay Nho ? Xã hội Thịnh Đường nay chuyển qua suy thoái, nhân dân càng thêm điêu đứng. Những vần thơ Lý nhuộm màu xuất thế xen lẫn những bài thơ chan chứa tình đời. Khi sự biến An - Sử xảy ra , ông lại hăm hở, xông vào môi trường chính trị.

Khi Huyền Tôn chạy vào đất Thục, Lý Lâm mời Lý Bạch ra giúp, nhưng Lý Hanh (Đường Túc Tôn) vừa lên ngôi thay cha liền giết Lâm, còn Lý Bạch bị kết tội mưu phản, nhờ người xin can, ông mới được giảm tội và bị đày đi Quý Châu. Ở đó một năm , Lý được ân xá. Năm 761, vì nhiệt tình chính trị và khát vọng lập công, ông xin nhập ngũ, giữa đường bị bệnh phải trở về và năm sau thì mất , để lại gần một ngàn bài thơ và một số văn xuôi khác. Câu chuyện Lý Bạch nhảy xuống sông ôm trắng mà chết có lẽ chỉ là một giai thoại của dân chúng ngưỡng mộ thương tiếc ông mà thôi .

Tuyệt đại bộ phận thơ Lý Bạch là lãng mạn trữ tình . Đọc thơ ông, ta có thể dựng lại hình ảnh, tâm tư một trí thức có hoài bão, có tài năng sống giữa một chế độ chuyên chế đang từ ổn định thịnh vượng đến thời suy thoái.

Ông từng tự hào : " Tài tôi có thể giúp nước, cứu đời, khí tiết tôi có thể sánh với Sào Phủ, Hứa Do. Văn tôi có thể biến đổi phong tục, trí tôi có thể hiểu mọi lẽ

của trời đất và con người " . Trong bài " Phú đại bàng ", cảnh đầu và cảnh cuối đã ứng nghiệm ngay vào đời tác giả của nó :

Đại bàng một lúc lên theo gió
Chín vạn dặm cao vút tận trời
Dấu khi ngừng gió sa xuống đất
Chân còn lê tới tận biển khơi

(...)

Giữa trời gầy cánh sức kiệt dần
Hơi gió còn chuyển lay vạn thế.

Người đọc có thể nhận ra cảm hứng chủ đạo của mỗi bài trong các đoạn đời khác nhau của nhà thơ.

Lý Bạch sớm chịu ảnh hưởng tư tưởng Lão - Trang nên đã phê phán Nho giáo:

"Ông đồ nước Lỗ học ngũ kinh
Bạc đầu nhai hết từng chương cú
Hỏi ông giúp đời thế nào đây ?"

Đúng như một thi sĩ lãng mạn, ông cũng mắc phải trạng thái "phân cực", chạy qua chạy lại giữa hai cực Nho và Đạo, băn khoăn giữa xuất thế và nhập thế, giữa tiên và tục, giữa lạc quan và buồn chán (Bài :Trên lầu Tà thiếu , xứ Tuyên châu , tiễn biệt quan hiệu thư Thúc Vân) :

Bỏ ta ra đi là ngày hôm qua , không sao giữ lại được Làm rối loạn lòng ta là ngày hôm nay , nhiều nỗi lo phiền Trần gió dài muôn dặm đưa tiễn chim nhận mùa thu Trước cảnh ấy , ta có thể say sưa trên lầu cao Quan hiệu thư Thúc Vân có văn chương sánh bằng văn chương của cung Bồng Lai , có cốt cách như thời Kiến An . Trong khoảng từ Hán đến Đường ,Tiểu Tà lại nổi lên với ý thơ trong sáng . Chúng tôi đều có hứng thú phiêu dạt , tứ thơ hùng mạnh bay cao muốn lên trời xanh , nắm vàng trắng sáng

Lấy kiếm chém nước , nước lại trôi mạnh Nâng chén tiêu sầu , lại càng thêm sầu Người ta ở đời , sống chẳng như ý thì sớm mai hãy xóa tóc , bơi thuyền đi chơi . Sau cùng ông đã tìm ra cách dung hoà hai lý tưởng trên bằng lối sống độc đáo, gọi là " công thành thân thoái" - nghĩa là khi thành công thì trở về ở ẩn .

"Nguyện một phen tôn thờ minh chủ khi công thành, quay trở về rừng cũ" hoặc

" Công thành từ giả đời về buông câu từ đây "

Nhưng bi kịch của đời Lý Bạch chính là ở chỗ ông không thực hiện được lối sống mà ông đã tâm đắc và ký thác trong thơ. Cứ mỗi khi có dịp, ông lại hăm hở nhảy ra tham chính. Lý Bạch là nhà thơ nhạy cảm, sớm nhận ra sự suy thoái của Nhà Đường nên đã viết ra những vần thơ có giá trị hiện thực cao. Trong thơ trữ tình, Lý Bạch chủ yếu bộc lộ trực tiếp và gián tiếp tâm tư của mình:

- Đề tài lịch sử: Các bài thơ Vịnh Sử, Hoài Cổ như:

" Từ phú Khuất Nguyên còn treo cao cùng mặt trời mặt trăng Lâu đài vua Sở đã thành núi gò trơ trụi..."

Đó là nhận thức của nhà thơ về thi nhân , vua chúa và lịch sử.

- Đề tài thiên nhiên miêu tả cảnh đẹp kỳ diệu và phóng túng như "thác nước Lư Sơn" "Đường đi Thục khó..." với một cánh chim, một bông hoa tuyết, và đặc biệt ánh trăng đẹp trong sáng như có hồn luôn luôn chia sẻ tâm sự với thi nhân.
- Thơ ông có hình ảnh người nông dân và người lao động, ông miêu tả cảnh sống khổ sở của nhân dân do chiến tranh phi nghĩa nhà Đường gây ra. Đây là giá trị hiện thực của thơ Lý Bạch . Ông còn phát hiện và khắc hoạ vẻ đẹp lộng lẫy của người thợ rèn giữa đêm khuya thanh vắng (Thu phổ ca). Ông cũng miêu tả vẻ đẹp cô thôn nữ hái sen trong bài "Khúc hát hái sen" (Thái liên khúc).
- Đề tài phản đối chiến tranh phi nghĩa
- Thơ ông bộc lộ tình bạn thắm thiết , sâu sắc

HOÀNG HẠC LÂU TỔNG MẠNH HẠO THIÊN CHI QUẢNG LĂNG

Cổ nhân tây từ Hoàng hạc lâu Yên
hoa tam nguyệt há Dương Châu Cô
phàm viễn ảnh bích không tận Duy
kiến Trường Giang thiên tế lưu

Bạn cũ dời chân Hoàng Hạc lâu (từ phía tây)
Tháng ba hoa khói , xuống Dương châu Bóng
buồm chìm lẫn trong trời biếc Chỉ thấy Trường
giang vẫn chảy mau tới tận chân trời

Chú thích : quận Quảng Lăng (còn gọi Dương Châu) nay là huyện Giang Đô ,
tỉnh Giang Tô . Hoàng hạc lâu thuộc huyện Vũ Xương tỉnh Hồ Bắc .

- Hình ảnh người phụ nữ được Lý Bạch miêu tả khá nhiều (Xuân Tứ, Ô dạ đề, Đảo y thiên, Xuân oán, Trường tương tư, Giang hạ hành ... đã ca ngợi cả ngoại hình và phẩm chất của họ)i.

Tóm lại nội dung thơ ông rất phong phú, đa dạng. Đề tài nào cũng có bài xuất sắc. Tuy có yếu tố tiêu cực nhưng toàn bộ thơ ông hướng về điều thiện, khơi dậy những tình cảm trong sáng, tình yêu cái đẹp và khát vọng chính nghĩa.

Người ta thường gọi ông là nhà thơ lãng mạn vì điệu thơ phóng túng không bó buộc. Quả thật, một ngàn bài thơ mà trong đó chỉ có 70 bài ngũ luật ,12 bài thất luật, còn lại là thơ tự do.

Ông có năng lực hư cấu mạnh mẽ, táo bạo. Với Lý Bạch, chân trời nghệ thuật thơ Trung Hoa đã được rộng mở. Thế giới nghệ thuật của ông thật là bao la, rộng rãi với trí tưởng tượng phong phú mạnh mẽ. Ông đã vận dụng sáng tạo những thủ pháp quen thuộc từ Kinh Thi qua Sở Từ như khoa trương, ẩn dụ, nhân cách hoá... Đặc biệt ông miêu tả thiên nhiên như người bạn tâm tình dù lặng lẽ vô tư nhưng chứa đựng đầy sức sống. Tâm hồn ông như cuốn sách khổng lồ rộng mở có thể ghi hết được khung cảnh cao rộng của cả biển trời, lại có những nét tinh tế của một nhành hoa. Tầm vóc nhân vật trữ tình của ông thật

khổng lồ, phẳng phất như hình tượng người khổng lồ thời Phục hưng Châu Âu sau này. Tuy thế thơ ông lại rất bình dị, tự nhiên và đượm chút dân ca.

Thơ Lý Bạch có ảnh hưởng lớn đến đời sau ở Trung Quốc (xem ghi chú ở trang 149) và cũng có ảnh hưởng khá sâu đến Việt Nam. Như tác phẩm "Chinh phụ ngâm khúc" của Đặng Trần Côn rất gần gũi với "Xuân oán", "Xuân tứ" của ông.

Đỗ Phủ (712-770)

đỉnh cao của thơ hiện thực cổ điển Trung quốc

Đỗ Phủ, tự là Tử Mỹ, sau còn gọi là Thiếu Lăng, quê tỉnh Hà Nam, Ông nội là một nhà thơ có tiếng thời Sơ Đường (Đỗ Thảm Ngôn). Bố ông từng giữ chức Tư Mã. Hồ Chủ tịch đã từng gọi ông là "một người làm thơ nổi tiếng đời nhà Đường" (Di chúc).

Sử sách không ghi nhiều về ông, đời sau chỉ biết cuộc đời nhà thơ lúc còn niên thiếu. Chúng ta có thể hình dung một số nét qua tác phẩm thơ của ông:

Đây là hình ảnh thời trai trẻ nghịch ngợm, hiếu động:

Nhớ năm mười lăm còn thơ ngây Khoẻ như bê vàng, chạy như bay Ngoài sân tháng tám táo lè chín Một ngày ngàn lần trèo lên cây Đỗ Phủ đã sáng tác từ thời niên thiếu: Bảy tuổi ý nghĩ đã thấy mạnh Mở miệng làm thơ vịnh phượng hoàng Chín tuổi đã viết được chữ lớn Văn chương đã thành phong cách riêng.

Cũng giống như Lý Bạch lúc còn trẻ, Đỗ Phủ có tính hào phóng, cương trực và sớm có hoài bão lớn "sẵn chí dong buồm vượt biển".

Hai mươi tuổi, anh từ giã quê hương lên đường du lịch. 24 tuổi trở về kinh đô Lạc Dương thi tiến sĩ. Vì trái ý các quan giám khảo nên anh bị đánh rớt. Thi trượt, anh lại đi săn bắn ở nước Tề, nước Triệu (thuộc vùng Sơn Đông, Hà Bắc, Hà Nam bây giờ) kéo dài 8, 9 năm. Sau đó lại về Lạc Dương, gặp và quen Lý Bạch. sống chung ít lâu. Đôi bạn chia tay, Đỗ Phủ về Trường An - thủ đô nhà Đường sau này.

Những bài thơ đầu viết về cảnh núi non, chim ưng, ngựa hồ... là những bài "ngôn chí" (tức là những bài thơ bày tỏ ý chí, lí tưởng của cuộc đời mình). Ông cũng làm những bài thơ, văn tặng những người có thể lực mong họ tiến cử mình với triều đình, nhưng vô hiệu. Nhân một dịp đại lễ, Đỗ Phủ làm ba bài phú dâng lên vua. Vua tán thưởng, ghi tên ông để về sau bổ nhiệm, nhưng bọn gian thần dẫu gièm đi. Đến năm xảy ra sự biến An Lộc Sơn (tức là 4 năm sau -755) một đứa con trai của Đỗ Phủ bị chết vì đói, chúng mới giao cho ông một chức quan nhỏ quản lý kho vũ khí. Trước đó, gia đình ông sa sút cực khổ về vật chất và tủi nhục về tinh thần, phải nhờ vả bạn bè và trồng cây thuốc kiếm sống. Càng ngày, ông càng hiểu rõ hiện thực đen tối, càng thông cảm nỗi khổ của nhân dân và biết rõ tội ác của giai cấp thống trị, Đỗ Phủ càng sáng tác nhiều bài thơ nổi tiếng.

Tiếc thay mảng thơ đề tặng của ông lúc đầu vừa nêu khát vọng công danh lại vừa khiêm tốn hạ mình đến mức khúm núm cầu cạnh. Tuy vậy thơ Đỗ đã vẽ ra

được cảnh nghèo khổ cơ cực của nhà nho nghèo và sự bất mãn thời cuộc và về bất lực :

" Giữa khoảng trời xanh chim đàn rũ cánh Cá lờ đờ không chỗ giương vây "
Có khi Đỗ Phủ viết những bài thơ thanh thoi hy vọng , thoáng chút bối rối như

Tuyệt cú

Lưỡng cá hoàng li minh thúy liễu Nhất hàng bạch lộ thương thanh thiên Song hàm Tây Lĩnh thiên thu tuyết Môn bạc Đông Ngô vạn lí thuyền	Hai cái oanh vàng kêu liễu biếc Một đàn cò trắng vút trời xanh Ngàn năm tuyết núi song in sắc Muôn dặm thuyền Ngô cửa dập dềnh
---	---

Bộ phận chính là những bài thơ trực tiếp lên án giai cấp thống trị và phản ánh sâu sắc đời sống cực khổ của nhân dân, đặc biệt là những tai họa của chiến tranh, cảnh sống bất công giữa hai giai cấp đối lập. Như các bài Lệ nhân hành, Binh xa hành, Thạch hào lại và Từ kinh đô đến huyện Phụng tiên.

Cảm hứng chủ đạo của những bài đó là mĩa mai, xót xa, căm giận, u uất nhưng bề ngoài như là " ghi chép khách quan ".

Từ kinh đô đến huyện Phụng Tiên là tác phẩm đặc sắc của thơ Đỗ Phủ, vừa tự sự vừa trữ tình, miêu tả , tường thuật và dự cảm tiên đoán về xã hội . Ở đây, cái Tôi thi sĩ và cái Ta quần chúng xích lại gần nhau :

Khi loạn An Lộc Sơn xảy ra quyết liệt , ông đưa gia đình về quê lánh nạn. Ông bị An Lộc Sơn bắt, giam lỏng ở Trường An, lại vượt ngục đến với vua Đường Túc Tôn, được giữ chức giám quan. Khi nhà Đường lấy lại Trường An, ông đưa cả nhà về đó, tiếp tục làm quan, nhưng bị vu khống và bị giáng chức. Sau 3 năm làm quan, Đỗ Phủ từ chức. Đem gia đình về Cam Túc, sống nghèo khổ. Lại chuyển đi nữa. Có khi phải đào khoai rừng sống qua ngày. Gia đình lại chuyển về tỉnh Tứ Xuyên. Mười năm phiêu bạt cuối cùng đầy cực khổ. Mùa đông năm 770, gia đình đang ở trên một chiếc thuyền nhỏ phiêu bạt trên dòng sông Tương, Đỗ Phủ qua đời, để lại khoảng 1400 bài thơ. Thời kỳ cuối, thơ ông chủ yếu là thơ trữ tình . Nỗi lòng thương nhớ quê hương da diết, khi tỉnh khi mơ, lời thơ dạt dào tình cảm . Ước mơ mãnh liệt về một cuộc sống hoà bình hạnh phúc khiến thơ ông bớt phần ảm đạm, u tối (Thu hứng) .

Nghệ thuật thơ Đỗ Phủ là đỉnh cao của phương pháp hiện thực .Lòng yêu nước yêu dân và tinh thần phản kháng ngun ngút trong thơ. Tuy nhiên hạn chế tư tưởng của Đỗ Phủ là lòng trung quân quá nặng, ảnh hưởng phần nào đến cảm hứng phê phán của thơ ông. Nếu xét một số giai đoạn thì thơ ông là thơ trữ tình, nếu nhìn toàn bộ thì thơ hiện thực chiếm phần lớn. Ngôn ngữ thơ Đỗ Phủ rất điêu luyện, tinh xảo, như ông đã viết : Làm người tính thích câu văn đẹp Đọc chẳng kinh người, chết chữa nguôi.

Ông được gọi là " thánh thơ " , là " thi sử " (viết sử bằng thơ). Nguyễn Du nói về ông là "thiên cổ văn chương, thiên cổ sử". Ngay đời nhà Đường, thơ ông đã được coi là tấm gương sáng, là ngọn cờ và còn ảnh hưởng mãi đến mai sau.

Bạch Cư Dị (772-846) và thơ phóng dụ trữ tình

Khác với Lí Bạch, Đỗ Phủ chứng kiến cảnh Thịnh Đường, cả đời ông sống gọn trong giai đoạn Trung Đường. Lúc này , chế độ phong kiến trên đà suy thoái, địa phương cát cứ chống lại Trung ương và mặc sức bóc lột, khủng bố dân chúng. Trong triều đình mâu thuẫn gay gắt, bè phái tranh quyền. Cuộc khởi nghĩa nông dân do Hoàng Sào và Vương Tiễn Chi lãnh đạo nổi lên. Về văn học, sau Đỗ Phủ, tiếp tục nhiều nhà thơ có xu hướng tiến bộ và hiện thực, đến Bạch Cư Dị thì trở thành phong trào Tân nhạc phủ mà ông là ngọn cờ đầu.

Bạch Cư Dị hiệu là Lạc Thiên, quê tỉnh Thiểm Tây , sinh trong một gia đình quan lại nhỏ ở tỉnh Hà nam. Từ bé, Bạch Cư Dị phải theo gia đình chạy loạn về tỉnh Giang Nam. Ông sớm hiểu biết về đời sống cực khổ của dân chúng. Cậu bé chăm học, chăm đọc (đến mức tay và cùi tay thành chai , lưỡi mọc mụn nhọt). Do khổ công học tập đến năm 802 thi đỗ tiến sĩ. Giai đoạn đầu sáng tác chỉ có bài Trường Hận Ca là đặc sắc (nỗi hận tình của Dương Ngọc Châu với vua Hán nhưng ám chỉ Dương Quý Phi với vua Đường Minh Hoàng). Ông trải qua các chức vụ huyện úy : trị an và thu thuế, sau đó về triều nhận chức Hàn Lâm học sĩ , Tả thập di - gián quan. Ông đề xuất giảm thuế, ngừng bớt chiến tranh xâm lược, giải phóng bớt cung nữ .v.v. Dần dần ông bị triều đình ghét bỏ. Ông chủ động xin thôi việc để đi giữ chức quan khác. Đây là thời kỳ sáng tác rực rỡ nhất của ông. Năm 802, mẹ mất, ông nghỉ việc , để tang ba năm và lâm vào trạng thái "bàng hoàng"(về tư tưởng) , chất tiêu cực tăng lên trong thơ. Mãn tang, ông trở lại Trường An nhận một chức quan nhỏ. Do một lần vượt quyền can vua, bị giáng chức làm TƯ MÃ ở xứ Giang Châu, nhàn rỗi đến mức "chỉ biết rửa mặt, chải đầu và tắm", chẳng có việc gì làm . Thời này, thơ ông nói chung buồn chán, có hai kiệt tác là Tỳ Bà Hành và Thư gởi Nguyên Chấn . Ngoài sáng tác, Bạch Cư Dị còn là nhà lý luận văn học đặc sắc với tinh thần cải tạo văn học, chủ trương viết bình dị- nâng cao tính nhân dân của thơ, mạnh dạn phê phán tiền bối, đề cao tính hiện thực và chức năng xã hội của văn học. Ông là nhà thơ sáng tác nhiều nhất thời nhà Đường, với khoảng ba ngàn bài. Tính chất thơ đa dạng phức tạp. Nếu nói phong cách Lí-Bạch là hào phóng, Đỗ Phủ trầm uất bi tráng thì rất khó nói gọn một chữ về phong cách Bạch Cư Dị. Ông là một trong các nhà thơ Trung Quốc nổi tiếng nhất về mặt trữ tình và châm biếm, quan sát và tường thuật sắc sảo. Tạm chia bốn loại : thơ phóng dụ, thơ cảm thương , thơ nhàn thích và thơ tạp luật (tạp cảm) . Có 170 bài phóng dụ có giá trị hiện thực phê phán cao, đặt ra nhiều vấn đề xã hội nóng bỏng, tỏ ý quan tâm thiết tha đặc biệt đến số phận người phụ nữ.

Bài thơ Lão bán than (Mại than giả) là bài phóng dụ hay nhất . Bài Lãng viên thiết nói về người cung nữ tóc bạc ở cung Thượng Dương. Còn Tỳ Bà Hành là bài thơ cảm thương tiêu biểu nhất , một trong những bài hay nhất trong văn học cổ điển Trung Quốc. Câu chuyện trong bài thơ thật đơn giản mà cảm động thấm thía. Giữa cảnh mùa thu buồn man mát, cuộc chia ly giữa nhà thơ và bạn bè ngậm ngùi. Có tiếng đàn tỳ bà vắng vắng bên sông khiến khách (bạn của nhà thơ) không nỡ đi, chủ (Bạch Cư Dị) không thể quay về, liền tìm hỏi người gảy đàn. Đó là một người phụ nữ ngồi chơi đàn một mình trong một con thuyền. Họ

xin nàng gảy đàn cho nghe. Bữa tiệc nối tiếp. Gảy đàn xong, nàng kể lại cuộc đời chìm nổi của mình. Xúc động trước tiếng đàn và cuộc đời cay đắng của cô gái xưa là kĩ nữ, nhà thơ cũng trút bầu tâm sự. Cảm động vì mối quan tâm của thi nhân, nàng đàn lần nữa. Tiếng đàn càng réo rắt xao động hơn. Chàng tư mã Bạch Cư Dị hứa sẽ làm bài thơ để tặng nàng đàn. Đó là bài " Tì bà hành " .

Bài thơ chủ yếu tả tiếng đàn , cảnh nàng đàn và thuật vắn tắt cuộc đời kĩ nữ. Tả cảnh chen tả tình, tự sự và trữ tình, bài thơ cóu giá trị hiện thực và tinh thần phê phán sâu sắc,ù tình nhân đạo thấm thiết với nghệ thuật cao . Đây thực là mẫu mực của thơ tự sự cổ điển. Trong cuộc đờn ca, thính giả và kĩ nữ đồng cảm hoàn toàn. Diễn biến tâm tư theo sát cung đàn , tri âm và tri kỷ , dấy lên tâm trạng bất bình đau xót, như giải bày tâm sự. Ba lần chơi đàn được miêu tả tuyệt vời linh động.

Cảm hứng nổi lên trong Tỳ Bà Hành là nỗi oán giận " tài năng bị vùi dập đổ kị" - một thực tại ở đời Đường. Nguyên tác bài thơ theo thể hành cổ phong, gọi là thất ngôn trường thiên, gồm 88 câu x bảy chữ. (616 tiếng) Bạch Cư Dị còn ghi thêm bài Tự (Tựa) - đề tặng người kĩ nữ ông gặp trên bến sông Tầm Dương. Bản dịch Tỳ bà hành ở Việt Nam của ông Phan Huy Thực rất đặc sắc, là mẫu mực của việc dịch thơ. Bản dịch tiếng Việt có đủ 616 tiếng theo thể song thất lục bát dân tộc (7.7.6.8.) hay gọi là lục bát gián thất.

Nghiên cứu thơ Đường

Những lời bình chọn lọc về thơ Đường

Nhà nghiên cứu Hữu Ngọc (trong cuốn thơ Đường song ngữ Anh - Việt) đã nói về sức sống của thơ Đường " Thơ Đường - những mũi tên bắn đi bay vĩnh viễn cùng thời gian đến mai sau"

Dịch giả Phạm Liễu viết:

"Tôi nghĩ rằng nếu triết gia cho ta biết phương pháp sống thì thi nhân cho ta được say sưa sống. Hơn nữa, trong lúc thiên hạ đua đòi vật chất quá, khoa học hiện đại quá, số người quan tâm đến cổ ngữ nếu không nói là rất hiếm, thì thử hỏi mai kia một nọ, chúng ta sẽ về đâu khi chúng ta cần nghiên cứu văn chương cổ điển Việt Nam ?"

Lê Hữu Kiều - trong bài tựa tập thơ "Tàng Thuyết" có nhận xét: "Đến thơ cận thể nhà Đường thì đúc kết thể tỷ, thể hứng nằm trong tự sự, mô tả đường nét bề ngoài mà nổi lên cái thần, nói một câu có thể tỏ được trăm ý, xem kỹ lưỡng có thể biết được muôn cảnh. Nghệ thuật thơ văn đến thể thật là thần diệu".

Nhà thơ Ngô Thì Sĩ (trong Ngô gia văn phái) nhận xét về thơ Bạch Cư Dị: "Lời nói không lời nào vụn vặt, tài khéo thực chẳng khéo thực chẳng dẻo gọt nhưng không lộ, dầu là ngọc chưa mài mà chẳng hề có dấu vết (...) chính khí thiêng của ông đã lặng lẽ giúp tôi đến tận ngày nay".

Tuy Lý Vương trong bài Tựa tập thơ "Tĩnh phố thi tập" viết: "thi liệu và thi tứ của cổ nhân do hiện tượng động mà hình thành và phát triển. Thơ do động, động mà thành thơ".

Thi sĩ Tản Đà một dịch giả thơ Đường xuất sắc ở nước ta đã nói về khổ công dịch thuật Đường thi:

" Trong khi dịch thơ Đường, đến chỗ nào khó - mà thường là chỗ hay- thì phải dùng sức hơn, khi đó phải dùng sức tưởng tượng. Trong bài Trường Hận Ca (của Bạch Cư Dị), đến một đoạn tả cảnh (sự biến An - Sử), phải gờ chỗ bài văn đó ra, ngồi chong mắt xuống mấy câu ấy mà nhận cho ra cái quang cảnh An Lộc Sơn đem quân vào Trường An mà Đường Minh Hoàng phải chạy"(An Nam tạp chí).

Học giả Lâm Ngữ Đường (Hoa kiều ở Mỹ) phát biểu về nét đặc sắc của thơ Đường: "Trong thơ Trung Hoa, điểm chúng ta thích nhất là kỹ thuật tinh thần và nguồn cảm hứng của nó" (theo sách Nhân sinh quan và thơ văn Trung Hoa).

Kim Thánh Thán nhà phê bình văn học (đời Thanh) nhận xét: "Ôi luật thi đời Đường chẳng phải chỉ là sự cấu tạo tốt đẹp của một thời mà vốn là tuyệt xướng của ngàn bậc thánh". Theo nhận xét của Trần Trọng San, Kim Thánh Thán phê bình thơ Đường thiên về tình cảm hơn là lý trí.

Trần Trọng Kim, dịch giả thơ Đường viết:

"Nói về thơ Hán văn thì có thơ Đường là hơn cả, tình tứ tao nhã, ý nghĩa sâu xa, có thể nuôi được cái khí hào thiên nhiên của người ta, tức là di dưỡng được cái tinh thần cao thượng và chân chính. Những bài thơ Đường tựa như những đồ chơi làm bằng ngọc ngà, chạm trổ rất tinh xảo, trau dồi bóng bẩy, càng ngắm càng thấy đẹp, chơi bao lâu cũng không thấy chán... thật là lợi cho tính tình biết bao(...) Thơ mà hay là cốt ở tình và văn. Tình sinh ra văn, văn sinh vì tình. Tình và văn dồi dào cả hai là thơ Thịnh Đường".

Thi hào Nguyễn Du đánh giá thơ Đỗ Phủ :

" Thiên cổ văn chương, thiên cổ sự "

Quan huyện Lâm Tri (Truyện Kiều) khen thơ của Thuý Kiều :

"Khen rằng - giá đáng Thịnh Đường

Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân"

Trần Trọng Kim lưu ý : "Biết rõ cái tài khí và thanh điệu của các thi nhân đời Đường là một điều rất hệ trọng và rất có thú vị".

Nhà văn, nhà báo , dịch giả Ngô Tất Tố viết:

"Muốn tìm những thơ hoàn toàn xứng đáng với tiếng mỹ thuật chỉ có thơ đời Đường (...) thơ của đời này, về chữ và câu đã có trật tự, cách điệu và rất tinh vi, chứ không lộn xộn. Thơ Đường phần nhiều hay về khí cốt".

Doãn Kế Thiện (Khảo lược thơ cổ Trung Quốc) nhận xét:

"Đến đời Đường, về phép thanh luật đối ngẫu càng thêm tinh mật... Lời văn giản ước, ngụ ý sâu xa"

Nhà thơ dịch giả Nam Trân nhận định:

"Đặc sắc nhất của thơ Đường là nội dung cực kỳ phong phú, phản ánh rộng rãi các mặt sinh hoạt xã hội (...). Phần đông kẻ sĩ đời Đường đều là nhà thơ; ta còn bắt gặp tác phẩm của những người cùng khổ, những nhà sư, đạo sĩ, kỹ nữ và cả những nhà lãnh đạo các phong trào khởi nghĩa (ví dụ Hoàng Sào). Thơ Đường nhờ đó trở nên phong phú chẳng những về nội dung mà cả về kỹ thuật nữa" (Thơ Đường NXB VH. Hà Nội 1987 tập I).

Nhà phê bình văn học Hoài Thanh so sánh Lý Bạch và Đỗ Phủ:

"Thơ Lý Bạch đưa ta vào tiêu dao trên mấy tầng mây, thơ Đỗ Phủ lại bắt ta đi sâu vào giữa tình đời cay đắng. Văn thơ Đỗ Phủ hình như chỉ riêng tả những nỗi đau thương. Đau thương vì thân thể mình, vì những biến cố của quốc gia và nhất là vì những nỗi đau thương của hạng cùng dân không tên tuổi"

Theo ý chúng tôi, nhận xét của Hoài Thanh về Đỗ Phủ thật là thoả đáng song rất giản đơn sơ lược về thơ Lý Bạch, chưa đánh giá được bi kịch cuộc đời Lý và sự giằng xé trong thơ ông .

Học giả Nguyễn Hiến Lê so sánh hai nhà thơ trên: "Lý tả cái ảo tưởng của chính mình, Đỗ tả cái chân tướng của xã hội" .

Hồ Sĩ Hiệp nhận xét về tập thơ Thiên Gia Thi :

"Cảnh bốn mùa gợi chút sầu vương. Dưới ngòi bút điêu luyện của các nhà thơ Đường Tống, cảnh đẹp thiên nhiên hiện lên với nhiều màu vẽ khác nhau gây cho người đọc xúc cảm mãnh liệt trước cảnh sơn, thủy, yên, hoa, tuyết, nguyệt, phong (Tập chí Tổ Quốc 1976).

Trong chuyên luận "Âm Vang Thơ Đường " giáo sư Lương Duy Thứ viết :

"Do truyền thống gắn bó giữa thi, nhạc và họa , một bài thơ Đường hay bao giờ cũng gợi lên âm thanh và đường nét, chính cái đó đã tạo nên âm vang sâu xa của thơ Đường " . Theo chúng tôi, có thể hiểu âm vang thơ Đường từ mấy đặc điểm sau:

- Trong cách cảm nhận, thơ Đường chú ý khám phá sự thống nhất, sự giao cảm mà trước hết là sự thống nhất giữa con người và thiên nhiên.
- Trong cách cấu tứ, cái "tôi" trữ tình thường hoà lẫn trong thiên nhiên và ngoại cảnh.
- Trong cách biểu hiện, ba yếu tố thi nhạc họa thường quán quện là một.

Giáo sư Nguyễn Khắc Phi (Văn học Trung Quốc tập I) nhận xét:

"Thơ Đường cũng như thơ nói chung, sử dụng rộng rãi phép đảo trang và phép tỉnh lược. Kết cấu, bố cục được đặc biệt chú ý (khai - thừa - chuyển - hợp). Dĩ nhiên, bản thân những đặc điểm về cấu tứ, kết cấu, ngữ pháp... nêu trên tự nó

không thể tạo ra giá trị gì cả. Không thể tuyệt đối hoá, cường điệu tính năng động của những yếu tố hợp thành thơ Đường luật như một số nhà ký hiệu học tư sản đã làm " .

Không gian nghệ thuật thơ Đường

Thơ Đường là một trong những di sản quý giá của ba thế kỉ thời nhà Đường còn giữ gìn được , hơn nữa, còn sống cùng thời hiện đại . Các nhà nghiên cứu đã sưu tập được 50.000 bài thơ của 2200 tác giả thời xa xưa ấy (con số tương đối) in thành bộ Toàn Đường thi . Đây là chưa kể biết bao bài thơ rơi rụng trong dân gian suốt hơn ngàn năm đằng đẳng

(Thời nhà Đường , thi nhân viết thơ gửi tặng nhau , viết lên góc bức tranh , viết lên quạt , đề vào vạt áo , viết lên vách tường , ở quán rượu quán trọ, thơ viết lên những danh lam thắng cảnh ...)

Nhà thơ Lý Bạch đã nói về thi hào Khuất Nguyên nước Sở thời Chiến Quốc :

Khuất Bình từ phú huyền nhật nguyệt Sở Vương đài tạ không sơn khâu (Giang thượng ngâm / Ngâm thơ trên sông)	Thơ Khuất Bình vẫn còn treo cao cùng mặt trời , mặt trắng Lâu đài vua Sở đã thành núi gò trở trọi
---	--

Đến lượt thơ Lý Bạch và nhiều nhà thơ thời Đường cũng còn lại mãi mãi với cuộc sống văn hóa của nhân dân Trung Hoa, với nhiều thế hệ người Việt Nam và trở thành di sản chung của nhân loại .

Từ vấn đề phân loại thơ Đường

Trước đây , giới nghiên cứu văn học thường phân loại Thơ Đường theo mấy cách sau :

Cách 1 - Hai loại :

Phái thơ điền viên (cảnh sống trong thời bình) Phái thơ biên tái (cảnh sống thời chiến tranh).
(Nguyễn Khắc Phi . Giáo trình VHTQ . Nxb GD . 1987)

Cách 2 - Ba loại :

Phái thơ điền viên Phái thơ biên tái Phái thơ xã hội
(Thơ Đường bốn ngữ - ĐHTH . Tp HCM .1990 - Trần Trọng San)

Cách 3 - Bốn loại :

Phái sơn thủy điền viên Phái biên tái Phái lãng mạn Phái hiện thực
(Bình luận văn học - Nxb Khánh Hòa 1992)

Theo ý chúng tôi , ba cách phân loại trên đều có những bất cập :

Cách 1 : quá đơn giản , không gợi ý về nội dung Cách 2 : loại gọi là xã hội lẫn lộn với biên tái (cùng mang tính xã hội) Cách 3 : thiếu nhất quán về tiêu chí phân loại . "Sơn thủy điền viên" và "biên tái" theo tiêu chí đề tài , còn "lãng mạn" và

"hiện thực" lại theo tiêu chí phương pháp sáng tác và khuynh hướng tư tưởng . Cách 3 thực ra đã bao gồm 2 cách (hai tiêu chí gộp một) .

Chúng tôi mạnh dạn tìm một lối tiếp cận khác sao cho cùng lúc cảm thụ cả cấu trúc nghệ thuật và nội dung cảm hứng của bài thơ . Theo cách này , chúng ta cần hiểu thấu ba cảm hứng chủ đạo và không gian nghệ thuật của Đường thi .

Chúng tôi thử đưa ra cách phân loại dựa theo tiêu chí cảm hứng chủ đạo. Theo đó , có thể chia thơ Đường thành 3 loại lớn :

Cảm hứng Nho giáo Cảm hứng Đạo giáo Cảm hứng Phật giáo

Theo thi pháp học hiện đại , văn chương bao giờ cũng khởi nguồn từ một quan điểm triết lý nào đó . Quan điểm này tạo ra cảm hứng chủ đạo , chi phối toàn bộ tác phẩm . Thời đại nhà Đường , có 3 hệ tư tưởng chi phối mọi nhà thơ là Nho , Đạo và Phật (cũng chi phối toàn bộ đời sống tinh thần , văn hóa và nghệ thuật của người Trung Hoa) .

Trong thơ Đường , số lượng bài thơ nho giáo chiếm lớn nhất . Cảm hứng nho giáo trong thơ rất đa dạng , đó là nỗi ưu thời mẫn thế, tình bạn , tình yêu, tình gia đình , quê nhà, ý chí tiến thủ , bồn phận , nỗi lo lắng , bất mãn , thái độ chế giễu phê phán .v.v . . . được gọi chung là tư tưởng nhập thế . Trí thức nho sĩ, nhà thơ đều học đạo Nho nên họ là những người ưu thời mẫn thế hơn ai hết . (Không Tử khuyên nhủ người quân tử : ăn không cầu no , ngủ không kê gối mềm và thấp . Ăn chỉ tạm đủ , nằm gối cao - như thế ắt phải trần trọc , xoay trở , suy ngẫm . . . Nếu ăn no ngủ say thì còn nghĩ gì tới thiên hạ nữa !) .

Số bài thơ theo cảm hứng Đạo giáo và Phật giáo có ít hơn , nhà thơ chỉ làm khi rơi vào khủng hoảng tư tưởng , bế tắc trên đường đời , sự nghiệp và tìm một lối thoát cá nhân . Ba nhà thơ được coi là đại biểu cho 3 khuynh hướng đó : Đỗ Phủ thánh thi , Lý Bạch tiên thi , Vương Duy Phật thi .

Mỗi cảm hứng chủ đạo tương ứng với một loại không gian thích hợp - người ta gọi đó là không gian nghệ thuật .Vậy là , chúng ta có thể bắt đầu từ việc quan sát cảnh vật (không gian trong thơ) rồi đi ngược lên đến ngọn nguồn - tư tưởng tình cảm của nhà thơ .

Đến không gian nghệ thuật trong thơ Đường :

Người xưa thường nhận xét về thơ Đường : " thi trung hữu họa " , cảnh vật thường xuyên có mặt trong thơ . Nhưng chẳng phải tả cảnh chỉ để " làm kiếng " qua loa cho có , cảnh vật cần phải nói thay người .(Thơ tối kỵ sự lộ liễu , nhà thơ nói kín đáo . Ý thơ chìm lẩn trong cảnh vật , cùng lắm họ mới thốt lên đôi lời trực tiếp) .

Tương ứng với ba cảm hứng chủ đạo là ba loại không gian nghệ thuật :

- Không gian nghệ thuật Nho giáo là những cảnh đời thế tục , có bóng dáng con người và ước vọng sống mang tính nhân văn - xã hội .Thơ Đỗ Phủ luôn luôn quan tâm trần trụi về cảnh sống khốn khổ của dân chúng, thơ ông đúng là " sự chảy máu của tâm hồn " .

- Không gian nghệ thuật Đạo giáo là những cảnh vật biệt xa khỏi cuộc sống xã hội , phiêu diêu hướng về thiên nhiên hoang sơ , hy vọng đến được cõi Bồng Lai , chốn Thiên Thai . Nhà thơ trải lòng với thiên nhiên , tìm niềm vui thoát tục .
- Không gian nghệ thuật Phật giáo hướng về cảnh khói nhang , tiếng chuông chùa đạo Phật , cảnh chùa miếu u trầm lặng lẽ .

Có những nhà thơ suốt đời chạy đi chạy lại giữa hai cảm hứng nên cuộc đời họ là những bi kịch dày vò , tiêu biểu là Lí Bạch :

Rút kiếm chém nước, nước càng chảy mạnh ,
nâng chén tiêu sầu lại càng sầu thêm .

Sự phân loại cảnh vật có vẻ đơn giản như thế , nhưng trong thơ , cảnh vật còn biến đổi tùy theo cảm xúc . Tạm chia hai loại không gian : không gian thực và không gian ảo

(hoặc hiện thực và tâm tưởng) .

Thử đọc và tìm hiểu không gian bài thơ Hoàng Hạc Lâu của Thôi Hiệu :

Ai cười hạc vàng đi mất hút (cảnh ảo) Trơ lầu Hoàng Hạc chốn này thôi (cảnh thực) Hạc vàng một đã đi , đi biệt (cảnh ảo) Mây trắng ngàn năm bay chơi vơi (cảnh thực pha ảo) Sông tạnh Hán Dương, cây sáng ửng (cảnh thực) Cỏ thơm Anh Vũ bãi xanh ngời (cảnh thực) Hoàng hôn về đó , quê đâu tá ? (cảnh ảo) Khói sóng trên sông náo dạt người (cảnh thực pha ảo)

Cảnh vật trong bài thơ trên đổi thay theo xúc cảm nhà thơ . Từ hy vọng gặp gỡ hạc vàng truyền thuyết để được theo về cõi Bồng Lai (cảm hứng Đạo giáo) đến thất vọng , nuối tiếc , ngẩn ngơ và rồi tâm trí tỉnh lại khi ngắm nhìn cảnh vật tràn đầy sức sống ở xung quanh , rồi cục nhà thơ quay nhìn hướng quê nhà - vẫn một nỗi sầu đời (cảm hứng Nho giáo) .

Trên đây là những nét phác thảo một hướng nghiên cứu Đường thi . Trong một đề tài nghiên cứu công phu hơn làm một tài liệu tham khảo cho sinh viên , chúng tôi sẽ khảo sát toàn bộ số bài thơ Đường trong sách Văn phổ thông trung học theo hướng tiếp cận đã trình bày .

Thời gian nghệ thuật Đường thi

TỒN TẠI nghĩa là : tồn - còn (thời gian) , tại - ở tại (không gian)

Thời gian cũng được coi là chiều thứ 4 của không gian :

Thôi Hiệu nghĩ về thời gian :

Hoàng hạc nhất khứ bất phục phản
bạch vân thiên tải không du du

Người Trung Hoa sùng bái quá khứ , coi đó là vẻ đẹp hơn hiện tại và tương lai , bởi nó hiện lên qua màn sương mù huyền ảo .

Trẻ con chẳng biết gì đến ý niệm thời gian . Người nhận biết được bước đi của thời gian thì rất đau khổ , lúc nào cũng tiếc . Trái lại , người hạnh phúc không chú ý đến thời gian .

THƠ ĐƯỜNG có hai kiểu thời gian nghệ thuật : thời gian vũ trụ và thời gian đời thường , tương ứng với con người vũ trụ và con người đời thường .

Thực ra , thời gian tâm lý đã chi phối thời gian nghệ thuật . Bên cạnh đó , quan niệm triết học và tôn giáo về thời gian cũng chi phối Thơ Đường :

Đạo Phật :

Thời gian là sự vận động vô thủy vô chung , tạo ra những vòng luân hồi liên tục không nghỉ . Mỗi chu kì gọi là một " kiếp " gồm sinh lão bệnh tử (4 giai đoạn) . Kiếp trước kiếp sau và nhân tiền / hiện sinh / hiện tồn , quan hệ giữa chúng là "nhân quả " . Thời gian đời người chỉ là khoảnh khắc trong thời gian chung .

Đạo Gia :

Thời gian là trường cửu , vô thủy vô chung và gắn chặt với không gian . Con người cứ thuận theo dòng sinh hóa mà sống theo lời " dạy bảo " của thiên nhiên .

Nho Gia :

Ngắm dòng sông , Khổng Tử than : "Thệ giá như tư phù , bất xá trú dạ " (cứ chảy mãi vậy thôi , chẳng kể ngày đêm) . Nhưng theo nền văn hóa nông nghiệp , Nho gia quan niệm thời gian có sự " tuần hoàn " theo luật âm dương liên tục , vừa biến động vừa vĩnh hằng (thường) . Nho gia chỉ quan tâm đến chính trị , xã hội , sự thành bại được mất của triều đại . Họ cho rằng hiện tại chẳng bao giờ bằng quá khứ , lịch sử đi xuống dốc . Vậy nên cứ theo đời trước .

Những quan niệm nói trên ảnh hưởng đến quan niệm thời gian trong thơ và tùy thuộc thi nhân có cảm hứng loại nào .

Thi thành thảo thụ giai thiên cổ

(Bài thơ làm xong thì cây cổ đã sống ngàn năm) - Lí Bạch .

CON NGƯỜI VŨ TRỤ LÀ CON NGƯỜI SIÊU CÁ THỂ . Nó luôn muốn đem cái " tiểu vũ trụ cô độc " của mình hòa hợp tương thông với đại vũ trụ , đó là cách làm cho giọt nước hòa vào biển cả , nhờ thế khỏi bị " khô " đi .

Nếu cảm nhận không gian , con người cho mình luôn ở trung tâm thì cảm nhận thời gian con người thấy mình luôn ở giao điểm của quá khứ và tương lai . Bài thơ Đăng U châu đài ca của Trần Tử Ngang than nỗi cô độc .

Trần Tử Ngang nhà thơ Sơ Đường viết :

Tiền bất kiến cổ nhân Hậu bất kiến lai giả Niệm thiên địa chi du du Độc thương nhiên nhi thế hạ

Nỗi cô độc của kẻ sĩ mất tọa độ , thấy mình không được quan hệ gì với không gian và thời gian . Đó là vũ trụ do Trần thi sĩ tạo ra cho thơ Đường .

Ta không thể vừa ở chỗ này vừa chỗ khác , không thể là người này và là người khác . Cái duy nhất ấy gọi là định mệnh , số phận . Nó sợ cô đơn nên cố bầu vịu vào những quan hệ khác để thoát định mệnh .

Vương Bột khi đến Đẳng vương các , buột miệng :

Các trung đế tử kim hà tại ? (trong gác , con vua có còn chăng ?)

Lạc Tân Vương đến bờ sông Dịch mà viết :

Thử địa biệt Yên Đan tráng sĩ phát xung quan tích thời nhân dĩ một kim nhật thủy do hàn

dịch nghĩa :

(Nơi này khi từ biệt thái tử Đan nước Yên tóc tráng sĩ dựng ngược làm nhô mũ người xưa đã khuất rồi nước sông Dịch nay còn giá lạnh)

Thôi Hộ ghi trên cánh cửa nhà thiếu nữ thôn Đào Hoa :

Nhân diện bất tri hà xứ khứ Đào hoa y cựu tiếu đông phong
và Nguyễn Gia Thiều :

Trăm năm nào có gì đâu chẳng qua một nắm cỏ khâu xanh rì .

Trong thơ Đường có rất nhiều bài thơ hoài cổ như Bạch đế hoài cổ , Tây Thi vịnh , Tây Thi thạch ,Vịnh hoài cổ tích . . . Anh hùng , tài tử đời xưa mới là đáng ca ngợi và ngưỡng vọng . . . Quê hương cũ , bạn cũ (cố nhân) , khóm hoa cũ (khóm cúc hai lần nở dòng lệ cũ - Đỗ Phủ) mới là đáng nhớ . Đó là cảm hứng Nho gia bảo thủ . Lý lẽ của họ là : những gì đáng ca tụng ấy đã được kiểm nghiệm rồi . Còn tương lai thì biết thế nào mà nói . Con người thích cái mới nhưng nó mơ hồ mù mịt chẳng thể hình dung , cái trong tay thì tầm thường , khi nó mất đi mới thành cũ và chừng đó sẽ tiếc nuối . . . Văn chương lãng mạn không thích cái bình thường gần gũi . Ngay Đỗ Phủ cũng tự hào về thời trẻ : Phủ tôi lúc còn nhỏ / Sớm dự khoa thi xuân / sách đọc thấu muôn quyển / hạ bút như có thần . Hoài cổ ấy chính là xót thương cho hiện tại .

Thời gian vũ trụ là quan niệm và cảm hứng chi phối con người vũ trụ .

Họ cũng nghĩ xa đến cả tương lai nhưng không mấy tin tưởng . Nhưng họ phải " lập ngôn " , ấy chính là hi vọng và quyết tâm đặt vào tương lai . Họ cũng tin tưởng ở hậu thế. Họ muốn lưu danh thiên cổ , để lại cái gì cho hậu thế .

Đỗ Phủ viết về Lí Bạch :

Thiên thu vạn tuế danh Tịch mịch thân hậu sự

(Danh tiếng để lại ngàn vạn năm sau , chỉ là việc âm thầm sau khi qua đời - Mộng Lí Bạch)

Nguyễn Du viết " Bất tri tam bách dư niên hậu , thiên hạ hà nhân khốc Tố Như ? " Ấy là một niềm mong mỏi của nhà thơ .

Đó chính là quan niệm thẩm mỹ về cái đẹp của thời gian của thi nhân thời Đường .

THỜI GIAN ĐỜI THƯỜNG - CON NGƯỜI ĐỜI THƯỜNG

Khi cuộc sống thực tại đòi hỏi người ta phải ứng xử ngay như : đói rét , chiến tranh xảy tới , bạn bè chia tay nhau .v. v . . . , thời gian gấp gáp , thời gian hiện thực . Ai còn có thời gian đâu mà chiêm nghiệm sự dài lâu . Đó là thời gian trực cảm , sinh hoạt , đời thường . Thi nhân nào không nghĩ tới thời gian đời thường là người thỏa mãn hạnh phúc rồi . Phần nhiều nhà thơ Đường đều có thơ hiện thực nhưng tỷ lệ không cao . Có những nhà thơ như Đỗ Phủ thường làm thơ về " những điều trông thấy " (thời gian hiện tại , đời thường) vì trái tim nhân thế của ông dào dạt chảy trong nhịp đập lo đời thương thân quá đỗi .

thời gian vũ trụ	thời gian đời thường
thiên về quá khứ thiên về tâm tưởng kỉ niệm rộng mở , trường cửu nhân nhĩ , khoan thai nhiều chất thơ cảm thấy buồn , trầm tư	thiên về hiện tại hành động sự kiện rút ngắn hạn hẹp vội vàng gấp gáp nhiều tính kĩ sự cảm thấy khổ , lo âu

Hai hình tượng không gian nghệ thuật và hai kiểu con người ấy đều là thành tựu nghệ thuật của thơ cổ điển Trung Hoa , thể hiện rõ nét nhất trong Đường Thi .

VẤN ĐỀ LÃO - TRANG

- Phân biệt 2 khái niệm : Triết lí Lão Trang và cảm hứng Lão Trang . Tư tưởng là Triết lí , Cảm hứng là lối sống thoát tục , phóng túng , yêu thiên nhiên . . .
- Lãng mạn , phóng túng ngây thơ , nhân đạo , thuốc giảm đau an thần , phủ định hiện thực .
- Xỉ mắng trí xảo , ca tụng vô tư ngây thơ , ưa đi chân đất , xõa tóc , dưỡng sinh hô hấp , luyện thuốc , tập võ nghệ tăng sức khỏe và di dưỡng tinh thần . . .

Phật giáo vào Trung Hoa bị " nho hóa / đạo hóa" nhưng thiên về Đạo hơn.

Vì sao Lí Bạch gác bút trước Thôi Hiệu ở lầu Hoàng Hạc ? - vì bài thơ đã đạt cổ điển / vì trùng hợp ý và tứ rồi .

Thơ phương Đông không thể cách tân nữa vì đã ổn định , khi cần thỏa mãn nhu cầu , người ta vẫn ngâm hoặc sáng tác theo đường luật .

TỨ TUYẾT TRONG TRUYỆN KIỀU

Theo nguyên tác Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm , khi ở bên mộ Đạm Tiên Kiều viết bài ngũ ngôn bát cú tặng nàng như sau :

Sắc hương đâu đó tá ?

Thăm viếng nào nùng thay

Chăn gấm trắng soi lạnh

Đài gương bụi phủ nhòa

Đất tuy vui ngọc ấy

Tuyết chưa lấp danh này

Rượu nhiều như sông đó

Nào ai tưới chốn đây ?

Khi giả từ Đạm Tiên , Kiều làm bài thứ hai (Kim Vân Kiều Truyện)

Gió tây đâu bỗng nổi Rào rào thật buồn thay Thảm thiết như hờn oán Thê lương
dạ chẳng khuây Xe loan đi cỗi khác Bóng hạc tưởng về đây Phảng phất hồn
thơm đó Rêu xanh rõ dấu giày.

Nhưng thi hào Nguyễn Du lại để Thúy Kiều làm một bài tứ tuyệt tặng Đạm Tiên :

Một vùng cỏ áy bóng tà

Gió hiu hiu thổi một và bông lau

Rút trâm sẵn dắt mái đầu

Vạch da cây vịnh bốn câu ba vắn

(bài thơ ấy không được ghi trong Truyện Kiều)

Câu hỏi :- Vì sao Nguyễn Du chọn tứ tuyệt ? Đó là loại nào ? Vì sao không viết bài thơ vào Truyện Kiều ?

Cũng theo nguyên tác Kim Vân Kiều Truyện của Thanh Tâm : Đêm hôm ấy ,
Kiều nằm mộng gặp Đạm Tiên , nàng bảo Kiều cũng có tên trong hội Đoạn
Trường , xin hãy làm 10 bài thơ theo đề cho sẵn để dự hội thi thơ do Giáo chủ
Đoạn trường tổ chức .

Đó là : Tiếc đa tài , Thương mệnh bạc , Buồn lối rẽ , Nhớ người xưa, Nghĩ em
xinh , Thương thanh xuân , Than lỡ bước , Khổ tan tác, Mộng vườn nhà và
Khóc tương tư . 10 chủ đề nói về số phận một hồng nhan bạc mệnh, về sau ứng
vào cuộc đời Thúy Kiều .

Nhưng Nguyễn Du chỉ viết :

Này mười bài mới mới ra

Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vờ

Kiều vâng lĩnh ý đề bài

tay tiên một vẩy đủ mười khúc ngâm .

Luyện tập thực hành

1. Những tính chất của Thơ Đường ?
2. Phân tích , bình giảng một số bài thơ . Luyện phân tích tác phẩm :
 - nhận dạng (tên thể loại , luật chính , đối . . .)
 - cảm hứng chủ đạo
 - không gian & thời gian nghệ thuật
 - cấu tứ (ý tưởng chủ đạo

1. Tập dịch bài " Quân Hành " của Lí Bạch :

Lưu mã tân khoa bạch ngọc an
Chiến bãi sa trường nguyệt sắc hàn
Thành đầu thiết cổ vang do chấn
Hạ lý kim đao huyết vị can

1. Thử dịch lại những bài đã biết nhưng thấy bản dịch chưa sát .
2. Luyện sáng tác : Làm một số bài bát cú và tứ tuyệt :

Thông thường người ta làm thơ Đường luật khi cảm xúc (cảm hứng) về những giá trị truyền thống , hoặc kỷ niệm , kỷ ức , ấn tượng quá khứ . . . trong thế tương phản với hiện tại . Tình cảm không hạn chế , có thể buồn vui , nhớ , băn khoăn , hi vọng , hối hận , triết lí , ý chí . . .

MỘT SỐ LOẠI ĐỀ BÀI SÁNG TÁC :

1. Cho một hoàn cảnh , ví dụ Tào Phi ra đề cho Tào Thực (huynh đệ) , cuộc thi vịnh Kiều của Lê Hoan - Nguyễn Khuyến .
2. Cho một câu đề , một phần câu đề , ví dụ Giáo chủ Hội đoàn trường ra đề , Đạm Tiên đưa cho Thúy Kiều (10 bước thăng trầm của thân phận hồng nhan)
3. Cho xướng họa (hai kiểu song hành và đối lập)
4. Cho vần , ví dụ làm bài thơ vần " oan " .
5. Và những kiểu khác .

Đọc thêm - văn học Tống

THƠ và TỪ

NHÀ TỐNG có hai giai đoạn : 960 - 1127 (Bắc Tống) và 1271 - 1279 (Nam Tống) đỉnh cao của chế độ phong kiến Trung Hoa . Thủ đô là quận Khai Phong . Năm 931 nhà Tống cho quân xâm lược Việt Nam , bị thất bại nặng , tướng Hầu Nhân Bảo bị giết , nhiều tướng bị bắt sống , chúng rút quân . Năm 1075 , nhà Tống lại xua quân sang , lần này bị tướng Lí Thường Kiệt đánh đại bại , rút chạy năm 1077 . Theo sách của Lí Đào , nhà Tống đã tiêu tốn cho cuộc xâm lược này 5 triệu lạng vàng , chết 8 vạn quân trong số 10 vạn kéo sang . Tai hại hơn nữa , địa vị nhà Tống lung lay , các bộ tộc phương Bắc tràn xuống . Khi bị lần lượt hai bộ tộc Khiết Đan và Kim / Nữ chân tràn từ phương Bắc xuống tấn công , triều đình Bắc Tống bỏ chạy xuống phía Nam Trường Giang , gọi là Nam Tống , tồn tại thêm 152 năm . Sau đó toàn bộ đất đai rơi vào tay đế quốc Mông Nguyên .

Thơ ca vẫn tiếp tục truyền thống thơ Đường . Đời sau thường ghép chung hai giai đoạn gọi là thơ Đường - Tống . Không có những tác gia lớn như đời Đường . Một số nhà thơ tiêu biểu thời Tống là Vương An Thạch , Âu Dương Tu , Lục Du , Văn Thiên Tường , Tô Thức (còn gọi Tô Đông Pha) .

Thời Tống còn có một thể loại văn chương mới là Từ .

Từ bắt nguồn trong dân gian , đã manh nha từ thời Văn Đường - Ngũ đại thập quốc , nhưng đến thời Tống thì phát triển mạnh .Từ nguyên là những bài hát phổ vào những bài thơ tuyệt cú của văn nhân hoặc bài hát dân gian . Nhạc công ca sĩ cải biên lời gốc tạo ra ngắn dài xen kẽ cho hợp nhạc . Do đó Từ trở nên thể loại độc lập , âm luật nhất định .Tư tưởng của Từ là " tạp" , bao gồm cả Nho Phật và Đạo (Lão) .

Tô Đông Pha là nhà thơ , nhà từ và văn xuôi nổi tiếng nhất thời Tống . Thơ từ Tô Thức phóng khoáng tài hoa , vừa hiện thực vừa trữ tình " như suối nguồn thác lũ . . . " như chính ông tự nhận xét . Về thơ cổ điển , ông được xếp sau Lí - Đỗ -Bạch và Đào Tiềm .Cuộc đời Tô Đông Pha gian nan như Bạch Cư Dị , - Đỗ -Bạch và Đào Tiềm .Cuộc đời Tô Đông Pha gian nan như Bạch Cư Dị ,

" Hoa Hải Đường":

Phe phẩy màu xuân ngọn gió đông
Bên thềm sương ngát ánh trăng lồng
Canh khuya những sợ rồi hoa ngủ
Khêu ngọn đèn cao ngấm vẽ hồng

" Đêm Xuân " :

Đêm xuân một khắc đáng ngàn vàng
Bóng nguyệt êm đềm hoa thoảng hương
Trên gác đàn ca nghe vắng vắng
Sân đu lặng lẽ suốt canh trường

" Sau Cơn Mưa Tạnh , Uống Rượu Trên Hồ " :

Dưới nắng long lanh màu nước biếc
trong mây phảng phất vẻ non tươi
Tây Hồ khá sánh cùng Tây Tử
Lộng lẫy đơn sơ thấy tuyệt vời .

(Chú thích : Tây Tử là nàng Tây Thi thời Chiến Quốc) .

Bài thơ Tây Hồ sau cơn mưa :

Mây đen trút mực chưa nhòa núi Mưa trắng reo châu nhảy rộn thuyền Trận gió
bồng đầu lồi cuốn sạch Dưới lầu nước gợn sóng thanh thiên .

Tô Thức là người mở rộng thể loại Từ , lấy thơ làm Từ , như các bài :

Thủy điệu ca đầu , Minh nguyệt kỷ thời hữu nổi tiếng , lại còn Niệm nô kiều , Đại giang đồng khứ làm khi bị biếm đi Hàng Châu . Ông còn viết những bài ký , tùy bút đáng chú ý như Siêu nhiên ký , Phóng hạc đình kí , Thạch chung sơn vị , Hí vũ đình ký được coi là bài văn cổ điển mẫu mực của Trung Hoa . Ông viết toàn diện cả thơ - từ - văn xuôi .

Ở Việt Nam , nhà thơ Nguyễn Công Trứ sống cuộc đời gian nan gần như Tô Thức , Là kẻ đồng điệu , đồng thanh tương ứng , ông đã sử dụng hai bài từ của Tô Thức viết lại thành hai bài ca trù : Vịnh " Tiền Xích Bích " và " Hậu Xích Bích "

Chương III: Giới thiệu văn học nhà Nguyễn

tạp kịch và hai tác giả

Suốt từ 1271 - 1368 , Trung quốc lần đầu tiên bị ngoại tộc thống trị : bộ tộc Mông Cổ. Một thế kỉ khổ đau vì áp bức bóc lột . Giới trí thức người Hán mất địa vị xã hội . Thơ văn sầu muộn còn vì nỗi khổ phân biệt chủng tộc, đẳng cấp . Một số thơ văn yêu nước , ca tụng anh hùng dân tộc , nhớ thương quá khứ độc lập tự do , hoài cổ

Người Mông chấp nhận Hán hóa, tiếp tục tôn sùng Khổng Mạnh , chiêu hiền đãi sĩ , mở lại khoa cử , mua chuộc nho sĩ . Thơ văn quý tộc trở nên vụn vặt , nhỉnh hót , màu mè Đến cuối Nguyên mới có văn thơ hiện thực . Hai thể loại tiêu biểu là tản khúc và tạp kịch gọi chung là khúc , cũng giống như phú đời Hán , thơ thời Đường , từ Tống . . Tạp kịch là loại ca kịch viết bằng tản khúc . Tản khúc là một thể thơ mới , gần với dân ca nhưng đặt lời tự do . Tạp kịch còn gồm cả nhảy múa , hóa trang . Tạp Kịch phục vụ nhu cầu đô thị phồn vinh như Hàng Châu , Bắc Kinh (đại đô) . Người Mông thích múa hát nên khuyến khích , coi trọng diễn viên ca sĩ hơn người Hán . Tuy nhiên các nhà soạn kịch lại bị coi rẻ vì xuất thân trí thức nghèo .

Hai nhà soạn kịch tiêu biểu -:Quan Hán Khanh và Vương Thực Phủ .

Quan Hán Khanh (1220 - cuối tk 13) vừa sáng tác tạp kịch vừa làm diễn viên , 36 vở nay chỉ còn 12 vở . Được truyền tụng nhất là Cứu phong trần , Bái nguyệt đình , Đơn đao hội . Nổi tiếng nhất là " Đậu Nga oan " . Nhà thơ Quan Hán Khanh được UNESCO phong tặng Danh nhân văn hóa thế giới .

Ông viết bài thơ tự đánh giá mình : Bất phục lão (Ông già bất khuất) , ông tự coi mình là chàng công tử bột tầm thường , say mê tửu sắc , tục tằn. Sống giữa ca lâu tửu quán , có tài " bẻ liễu hái hoa " nhưng nguyện đem tài mình soạn kịch phục vụ những nghệ nhân diễn kịch bị xã hội coi là thấp hèn. Ông tự bằng lòng với đời mình , thích ca tụng cuộc sống ngắm trăng đẹp uống rượu ngon thưởng hoa thơm , đánh cờ , săn bắn , diễn kịch ngâm thơ ca vũ gảy đàn , dù chết không hề thay đổi .

Vở kịch Đậu Nga oan phê phán chế độ xã hội tàn bạo , khiến con người oan khuất . Còn có tên khác là Tuyết giữa ngày hè . Dựa vào câu chuyện trong sách Liệt Nữ truyện của Lưu Hưởng đời Hán nhưng đưa vào nội dung hiện thực đời Nguyên , không đề cao nhân vật nho giáo như Lưu Hưởng . (Nàng Đậu Nga góa chồng khi còn trẻ , ở vậy thờ mẹ chồng là bà Thái . Bà sống bằng nghề cho vay lãi . Một hôm đi đòi nợ một ông lang , y không có tiền trả bèn lập mưu lừa bà ra đồng định thắt cổ bà cho chết . Vừa lúc , bố con Trương Lư đi qua . Lão lang bỏ chạy . Bà Thái kể lại cho bố con Trương nghe . Bố con y tâm địa lưu manh , đòi bà Thái đền ơn . Chúng đòi bà Thái cưới lão Trương và gả cô con

dâu cho con trai Trương . Đậu Nga không bằng lòng , chúng tìm kế ép . Khi bà Thái nằm bệnh , Đậu Nga nấu cháo cho mẹ , Trương Lự con bỏ thuốc độc vào cháo hòng giết bà Thái để nàng bơ vơ phải theo hắn . Không ngờ bà thái lại mời lão Trương ăn trước . Lão Trương lăn quay ra chết , Trương con uy hiếp Đậu Nga dọa đưa lên quan . Nàng không chịu . Ra tòa , quan hành hạ nàng . Nàng nhận bừa để mẹ chồng khỏi bị đòn man rợ . Ra pháp trường , nàng xin một cái chiếu sạch đứng lên , treo một dải lụa trắng lên cột cờ bên cạnh và nói lời nguyện : nếu nàng chết oan thì máu nàng phun lên dải lụa chớ không rơi xuống đất , tuyết rơi xuống che phủ thân mình nàng , Trời đất sẽ làm đại hạn ba năm liền đất Sở Châu để trừng phạt . Kết quả đúng như nàng nguyện rửa .

Đoạn kết : cha nàng được làm quan , về xử lại vụ án chỉ là an ủi khán giả và trật ra ngoài mạch của vở kịch - nhà thơ buộc phải thêm đoạn này để tránh bị triều Nguyên kết tội) .

Vương Thực Phủ - nhà thơ soạn kịch lãng mạn . Vở tạp kịch " Tây Sương Kí " nổi tiếng nhất . Dựa theo truyện ngắn "Oanh oanh truyện" (hoặc Hội chân kí) của nhà thơ Nguyên Chấn (Nguyên Vi Chi) thời nhà Đường . Ông cho kết thúc vở kịch với sự đoàn tụ Trương Quân Thụy và Thôi Oanh Oanh để chống lễ giáo phong kiến , cổ vũ tự do yêu đương với niềm tin tưởng mãnh liệt .

Tóm tắt nguyên tác truyện ngắn Oanh Oanh truyện (Hội chân kí) của nhà thơ Nguyên Chấn đời Đường (tự truyện) :

Chàng nho sinh Trương Quân Thụy sang đất Bồ chơi , ghé văn cảnh chùa Phổ Cứu , gặp Thôi Oanh Oanh ở đây . Thôi phu nhân , mẹ nàng cùng gia nhân đưa thi hài quan Thôi tướng quốc mới mất về quê nhưng tạm lánh nơi đây chờ quê nhà yên loạn . Say mê nàng Oanh , Trương xin ở trọ chùa Phổ Cứu . Chàng ngâm thơ tỏ tình , nàng họa lại .

Tướng cướp Tôn Phi Hồ đem quân vây hãm chùa , đòi cưới nàng Oanh . Thôi phu nhân tuyên bố ai giải vây chùa sẽ gả Oanh cho . Trương viết thư nhờ bạn là tướng quân Đỗ Xác đóng gần đó đem lính tới giải vây . Thoát nạn , bà Thôi nuốt lời hứa , chỉ cho hai người kết anh em , với lí do trước đây Thôi tướng quốc đã hứa gả cho Trịnh Hằng cháu bà . Thụy và Oanh đều đau khổ .

Trương ốm tương tư . Cô đầy tớ của Oanh là Hồng nương sang thăm . Trương viết thư nhờ Hồng đưa cho tiểu thư . Nhận thư , nàng mắc cỡ với cô hầu nên la mắng Hồng , làm bộ không nhận thư . Trương bệnh nặng hơn . Oanh gởi cho chàng bài thơ ngầm ý hẹn tối sẽ sang . Đêm ấy , nàng sang phòng chàng , họ chung chăn gối . Từ đó , thỉnh thoảng họ lại hẹn hò qua lại . Thôi phu nhân biết thì đã muộn , hai người thú nhận tất cả . Bà bắt chàng cam kết khi về kinh thi đỗ mới cho kết hôn . Hai người chia tay nhau , chàng tặng nhẫn .

Sau khi về kinh thi rớt , chàng tìm thú vui tình duyên mới mà lãng quên Oanh Oanh . Ở quê nhà , Oanh mỗi morn trông ngóng , rồi nản lòng , thất vọng , hối hận . Mẹ nàng ép lấy Trịnh Hằng . Nàng chấp nhận quên mối tình xưa . Hai kẻ bề bàng ân hận .

Vở tạp kịch Tây Sương kí của Vương Thực Phủ sửa đổi đoạn kết như sau :

Khi Trương Quân Thụy đổ trạng nguyên , còn phải vâng mệnh triều đình lưu lại kinh đô làm quan thì ở quê Trịnh Hằng phao tin Trương đã lấy vợ ở kinh .Thôi phu nhân tin thật liền cho Trịnh cưới nàng . Ngày đám cưới , chàng Trương tìm về , nhờ tướng Đỗ Xác can thiệp , đe dọa và xỉ mắng Trịnh Hằng ướp vợ người . Y nhục nhã đập đầu vào cây chết . Tướng họ Đỗ làm chủ hôn cho hai người .

Nhân vật Hồng nương nổi bật như một nhân vật chính đáng ca ngợi nhất , người tạo dựng hạnh phúc cho họ , dũng cảm khôn ngoan và đầy lòng tự trọng như một người bình dân cao thượng nhân đạo .

Tư tưởng Nguyên Chấn và Vương Thực Phủ đối lập hoàn toàn .

Chương IV: Tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc

(tiểu thuyết thời Minh -Thanh)

Nói về những thành tựu nổi bật của văn học cổ điển Trung Quốc người ta thường kể : Tản văn trước Tần, Thơ Đường, Từ Tống, Kịch Nguyên, và tiểu thuyết Minh Thanh.

Minh Thanh là thời kỳ hoàng kim của tiểu thuyết Trung Quốc. Với các bộ sách Tam Quốc, Thủy Hử, Tây Du Ký, Liêu Trai Chí Dị, Chuyện Làng Nho, Hồng Lâu Mộng ... tiểu thuyết chương hồi Trung Hoa đã đạt đến trình độ hoàn chỉnh. Bởi vậy, tiểu thuyết thời Minh Thanh được gọi là tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa.

Bối cảnh lịch sử

Sau gần một thế kỷ chịu sự đô hộ của người Mông Cổ, đến năm 1368, cuộc khởi nghĩa của Chu Nguyên Chương đã lật đổ vương triều Nguyên - Mông, lập nên nhà Minh.

Nhà Minh (1368-1644) là triều đại phong kiến Hán tộc cuối cùng của Trung Hoa. Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương là vị anh hùng xuất thân bình dân dấy binh khởi nghĩa dựng nên nghiệp lớn như Hán Cao tổ Lưu Bang ngày xưa. Ban đầu, họ Chu thi hành một số chính sách phát triển thủy lợi, hạn chế bọn cường hào, khôi phục công thương và thủ công nghiệp. Kinh tế - xã hội dần dần ổn định và có hướng phát triển phồn vinh. Nhưng càng về sau, giai cấp thống trị ngày càng hủ bại, ăn chơi xa xỉ, hoang dâm vô độ, đã mờ nhạt hình bóng người anh hùng họ Chu áo vải cờ đào. Chúng củng cố quyền lực bằng cách chặt bớt thủ hạ thay bằng con cháu họ hàng. Đối nội thì tăng cường áp bức bóc lột dân chúng, đối ngoại thì tăng cường bành trướng lãnh thổ đối với Mông Cổ và các nước ở vùng biển Indonesia.(Năm 1407, Minh Thành tổ sai tướng Trương Phụ dẫn tám mươi vạn quân sang xâm chiếm nước ta , đổi tên An Nam thành Giao Chỉ hòng sáp nhập nước ta vào Trung Quốc . Sau hai mươi năm chịu ách thống trị tàn khốc của chúng, năm 1427 nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Lê Lợi đã giành lại độc lập.)

Xã hội Trung Quốc ngày càng rối loạn, nhiều cuộc bạo động nông dân và tranh chấp bè đảng liên tiếp nổ ra. Cuối cùng cuộc khởi nghĩa nông dân do Lý Tự

Thành và Trương Hán Trung lãnh đạo đã lật đổ nhà Minh. Vua Sùng Trinh - ông vua Hán cuối cùng - phải thắt cổ tự tử.

Nhưng khi Lý Tự Thành chưa kịp củng cố chính quyền thì viên đại thần nhà Minh là Ngô Tam Quế đã rước quân Mãn Thanh vào cửa ải. Chúng đánh chiếm Bắc Kinh, đánh rộng ra toàn quốc và lập nên nhà Thanh.

Nhà Thanh (1644 - 1911) là triều đại ngoại tộc thứ hai, sau nhà Nguyên (Mông Cổ) đã thống trị Trung Quốc. Mãn Thanh cũng như Mông Cổ, là một nước nhỏ và lạc hậu so với Trung Quốc. Nhà Thanh phải áp dụng chính sách trấn áp nô dịch khắc nghiệt tàn bạo để cai trị một đất nước rộng lớn, người đông có nền văn hoá phát triển cao. Họ bắt người Trung Hoa theo phong tục Mãn Thanh. Tám mươi năm đầu, đất nước Trung Quốc ngập trong máu và nước mắt dưới chính sách cai trị bằng lưỡi gươm và tệ phân biệt chủng tộc.

Nhưng dần dần, giai cấp thống trị Mãn Thanh lại chịu Hán hoá, tức là họ học tập các nền chính trị, văn hoá Trung Hoa để cải cách kinh tế - xã hội. Càn Long (Kiền Long) là thời kỳ phồn vinh nhất của đế chế Mãn Thanh. Chính sách bành trướng lại được tăng cường. Năm 1788 tướng Tôn Sĩ Nghị đưa quân sang xâm chiếm Việt Nam nhưng bị thất bại thảm hại.

Việc bành trướng lãnh thổ càng làm cho mâu thuẫn giai cấp và dân tộc vốn có trở nên sâu sắc và phức tạp. Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa từ đời Minh nay càng phát triển, đối lập gay gắt với nền chuyên chế phản động đã bước vào buổi xế chiều.

Nhà Thanh trị vì được 267 năm, đến cuộc cách mạng Tân Hợi 1911 mới bị lật đổ. Nhưng ngay từ năm 1840 - năm Chiến tranh Thuốc phiện, các đế quốc phương Tây đã nhảy vào xâm lược Trung Quốc. Sau khi nhà Thanh sụp đổ thì Trung Quốc trở thành xã hội nửa phong kiến nửa thuộc địa.

Đó là chế độ chính trị chuyên chế lỗi thời và phản động. Mâu thuẫn xã hội ngày càng phức tạp và sâu sắc, người nông dân chịu đựng đủ các kiểu bóc lột của chính quyền các cấp, của tư bản thương nghiệp thâm nhập nông thôn và lãnh đủ tai hoạ chiến tranh bành trướng. Đến đời nhà Thanh, mâu thuẫn dân tộc lại nổi lên giữa người Hán yêu nước và kẻ ngoại bang Mãn Thanh. Giai cấp thống trị áp dụng một chính sách văn hoá tàn bạo. Họ ra sức đề cao "lý học" tức là Tống Nho - đạo Khổng được cải biên, giải thích lại nhằm phục vụ cho chế độ phong kiến tập quyền. Đề cao tư tưởng mệnh trời, khuyên nhủ an phận thủ thường, với các luân lý "tam cương, ngũ thường". Chế độ giáo dục thi cử xoay quanh các bộ sách Tứ thư và Ngũ kinh nhằm hạn chế tự do tư tưởng. Cách đào tạo nhân tài như vậy chỉ sản sinh ra những con "mọt sách" (như trong tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng, Giả Bảo Ngọc đã chế diễu cách học hành và thi cử thời đó). Ngoài ra, họ còn khuyến khích trí thức khảo cứu sách cổ để quên đi thời cuộc trước mắt. Chúng áp dụng chính sách kiểm duyệt và khủng bố văn nghệ sĩ trí thức.

Tình hình văn học

Ta có thể gọi chung là giai đoạn văn học Minh - Thanh vì cơ sở kinh tế , chính trị xã hội văn hoá hai triều này căn bản giống nhau. Giai đoạn văn học này chỉ tính đến 1840 khi Chiến tranh Thuốc phiện nổ ra (chứ không tính đến 1911 khi ông vua cuối cùng nhà Thanh là Phổ Nghi bị lật đổ). Bởi vì sau chiến tranh thuốc phiện, xã hội Trung Quốc đã thay đổi về bản chất. Văn học cũng bắt đầu chuyển sang thời kỳ cận - hiện đại.

Văn học Minh -Thanh là giai đoạn cuối cùng của văn học cổ điển Trung Quốc, có nội dung phong phú nhất và là giai đoạn đánh dấu sự chuyển mình sang khuynh hướng hiện đại.

Đây là lúc văn học dân chủ và tiến bộ trỗi dậy mạnh mẽ, phản ánh những yêu cầu và khát vọng của nhân dân, đặc biệt tầng lớp thị dân. Văn học chính thống suy tàn theo cùng chế độ phong kiến.

Văn học chính thống là thơ từ, tản văn (văn xuôi) chỉ nhằm ca ngợi công đức các bậc đế vương, ca tụng cảnh sống thanh bình yên ả của thời đại. Nghệ thuật bắt chước người xưa theo lối phục cổ. Số nhà văn " chính thống " này khá đông, sáng tác nhiều vô kể nhưng chẳng có mấy ý nghĩa. Tuy nhiên khi nhà Thanh mới lên, họ cũng sáng tác một số thơ văn yêu nước.

Hai thể loại mới là hí khúc và tiểu thuyết phát triển mạnh mẽ đáp ứng nhu cầu tinh thần của nhân dân , đặc biệt thị dân đông đảo. Hí khúc là ca vũ kịch dân tộc còn gọi là truyền kỳ, nội dung có nhiều màn, nhiều lớp, nhiều nhân vật. Hí khúc có ít nhiều giá trị hiện thực , có tính phóng dụ và dân chủ song không phát triển được vì tác giả chủ yếu là giới văn nhân quý tộc. Dần dần hí kịch dân gian ở các địa phương như Kinh kịch , Côn kịch , Việt kịch nổi lên thay thế.

Đáng kể nhất là tiểu thuyết chương hồi, tuy không được coi là chính thống nhưng đạt được thành tựu tiêu biểu cho cả giai đoạn này. Các nhà nho thường chỉ coi trọng thơ và tản văn, họ cho tiểu thuyết là thứ văn thô kệch của kẻ tiểu nhân. Tiểu thuyết dù là phi chính thống nhưng đáp ứng nhu cầu nhân dân, đã có hàng vạn tác phẩm lớn nhỏ, trong đó Tam Quốc, Thủy Hử, Tây Du , Hồng Lâu Mộng, Liêu Trai Chí Dị, Chuyện Làng Nho (Nho lâm ngoại sử) ... được nhân dân cả nước ưa chuộng. Thật ra tiểu thuyết Trung Quốc đã trải qua hàng chục thế kỷ phôi thai và hình thành dần mới đạt tới trình độ cổ điển như vậy.

Một số đặc điểm của tiểu thuyết Minh - Thanh

Tiểu thuyết này là dạng trung gian giữa truyện kể sử thi và tiểu thuyết (hiện đại). Ta thử so sánh với tiểu thuyết hiện đại :

Kết cấu : Theo trình tự tự nhiên (trình tự thời gian), cái gì xảy ra trước kể trước, xảy ra sau kể sau. Không đảo ngược thứ tự như tiểu thuyết hiện đại dựa theo diễn biến tâm lý nhân vật.

Tính cách nhân vật : Được thể hiện dần dần qua ngôn ngữ và hành động, không cần sự thuyết minh phân tích của nhà văn (như hiện đại).

Thủ pháp ước lệ và công thức : được dùng trong miêu tả, lý giải -đó là thủ pháp miêu tả điển hình của văn cổ - trung đại.

Thực ra, tiểu thuyết Minh và Thanh có khác nhau chút ít.

Tiểu thuyết Minh phần lớn là sáng tác dân gian được nhà văn bác học viết lại, có căn cứ theo sử sách và in rõ dấu vết chuyện kể dân gian.

Tiểu thuyết Thanh phần lớn là sáng tác cá nhân ít chịu ràng buộc bởi sử sách , gần với tiểu thuyết hiện đại hơn. Tiểu thuyết Thanh có bước tiến rõ rệt về nghệ thuật.

Ta có thể gọi tiểu thuyết Minh là tiểu thuyết anh hùng, còn tiểu thuyết Thanh là tiểu thuyết sinh hoạt (tâm lý xã hội). Tác phẩm Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân như là cái bản lề - trung gian giữa hai loại tiểu thuyết trên .

Một số tác phẩm tiêu biểu

TAM QUỐC DIỄN NGHĨA

Đây là bộ tiểu thuyết "giảng sử", thường gọi tắt là "tam quốc" xuất hiện vào đầu nhà Minh, của nhà văn La Quán Trung (1330 - 1400). Tác giả đã dựa vào những nguồn gốc, tài liệu sau:

- "Tam Quốc Chí " của nhà sử học Trần Thọ đời Tấn
- "Tam Quốc chí chú " của Bùi Tùng Chi thời Nam bắc triều.
- Một phần truyện kể "Tam Quốc Chí bình thoại" đời Nguyên.
- Truyền thuyết và dã sử do tác giả sưu tầm.

Với tài năng sáng tạo, La Quán Trung đã viết thành bộ truyện dài đầu tiên của văn học Trung Quốc. Đến nay, do tình trạng tam sao thất bản nên có nhiều bản Tam Quốc khác nhau. Nhưng bản lưu hành rộng rãi nhất cho đến ngày nay là bản do hai cha con nhà phê bình văn học đời Thanh là Mao Luân và Mao Tôn Cương sửa chữa và chỉnh lý.

Tam quốc tái hiện lại một thế kỉ loạn lạc điên đảo do tham vọng tranh giành quyền lực và lãnh thổ của các đế vương Trung Hoa gây ra. Tiểu thuyết này tuy có hư cấu song căn bản phù hợp với lịch sử. Đó là bộ mặt thời Tam Quốc (220 - 280) cũng là bộ mặt quen thuộc của xã hội phong kiến Trung Hoa ở mọi thời : phân rồi hợp, hợp rồi phân - đó là tình huống lặp đi lặp lại hầu như đã thành qui luật . Tham vọng bành trướng thế lực và lãnh thổ của vương hầu, khanh tướng khiến đất nước điêu linh, nhân dân khổ khổ. Nhà thơ Vương Xán cùng thời Tào Tháo đã viết câu thơ "ra ngõ toàn xương trắng. phủ kín cả bình nguyên". Chính Tào Tháo cũng làm thơ như sau : " áo giáp sinh chấy rận. Chết sạch trơn một nhà. Khắp đồng phơi xương trắng. Vạn dặm không tiếng gà. ". Cả ba tập đoàn Ngụy, Thục, Ngô đều muốn thống nhất quốc gia dưới quyền cai trị riêng của mình.

Mặc dù viết truyện lịch sử, tác giả cũng không miêu tả một cách khách quan mà vẫn bộc lộ thái độ tình cảm của mình . Ông đã vạch trần tội ác của giai cấp

thống trị đối với nhân dân và ngay cả với nội bộ của chúng. Đồng Trác tàn ác giết dân lành , Lã Bố hai lần giết bố nuôi. Hai anh em Gia Cát Lượng và Gia Cát Cẩn coi nhau như kẻ thù. Đặc biệt, Tào Tháo không từ một thủ đoạn nào cốt đạt được mục đích. Dưới ngòi bút sinh động của tác giả, các nhân vật hiện lên để chứng minh một qui luật đáng sợ của chế độ phong kiến Trung Hoa : cá lớn nuốt cá bé, người ăn thịt người. Nhà văn đã vượt qua tư tưởng chính thống của mình , để miêu tả đúng qui luật cuộc sống, Ông xứng đáng là nhà văn hiện thực vĩ đại.

GỢI Ý PHÂN TÍCH MỘT SỐ NHÂN VẬT CHÍNH

Tào Tháo là hình tượng nhân vật được xây dựng thành công nhất trong bộ tiểu thuyết. Tào Tháo quả là người có bản lĩnh khi ông ta yêu cầu một mưu sĩ đánh giá về mình . Quan Lộ đã nói thẳng : " Ông là năng thần thời trị , gian hùng thời loạn ".

Đó là một nhận xét sắc sảo về bản tính Tào Tháo. Thực tế, Tào Tháo chính là con đẻ của thời loạn Tam Quốc " tiêu biểu cho hàng ngàn Tào Tháo có thực của lịch sử "đại loạn " Trung Hoa. Tào Tháo đã trở thành một điển hình xuất sắc của giai cấp phong kiến Trung Hoa.

Tác giả cho Tào Tháo xuất hiện như sự kế thừa tên thừa tướng Đồng Trác vốn nổi bật ngay từ đầu tác phẩm. Khi Tào Tháo chưa lập được công trạng gì thì Đồng Trác đã làm mưa làm gió ở kinh thành Lạc Dương. Đồng Trác là tên đồ tể tham lam, độc ác nên không tránh khỏi số phận bị phanh thây đốt xác ngoài chợ. Tào Tháo thay chân y, không kém phần tàn bạo nhưng lại khôn ngoan quý quyết sống đời đế vương và chết với mồ yên mả đẹp.

Nhà văn đã bằng những sự việc cụ thể sinh động trong cuộc sống, dần dần vẽ lên bộ mặt trọn vẹn của nhân vật. Từ hồi nhỏ, Tháo đã dối chú, lừa cha đến nỗi thiên hạ đặt cho cái tên là Tào A Man (thằng bé họ Tào gian dối). Lớn lên trong cuộc loạn lạc, cái nết trí trá trẻ ranh đã phát triển thành cái nham hiểm, xảo quyệt. Tháo từng nói "ta thà phụ người chứ quyết không để người phụ ta ". - Câu nói nổi tiếng đó phát ra sau khi y nhẫn tâm giết oan cả nhà ân nhân Lã Bố Sa (Hồi 4) chỉ vì lòng dạ đa nghi và sự tính toán tàn bạo - phải triệt tận gốc mầm trả thù. Cách sống cực đoan đó sẽ chi phối suốt cuộc đời Tháo. Nào là mượn đầu quân kho Vương Hậu để an lòng quân sĩ , cốt giữ được quân đội khỏi tan rã. Tháo cố giết Dương Tu mà tha giết Nể Hành mặc dù Nể Hành đã từng cời trường chửi mắng Tháo trước mặt ba quân. Còn Dương Tu là một kẻ có tài , hiểu ý đồ Tháo nhưng không hề có va chạm gì với y. Y nói : "người chửi ta, ai cũng biết cả, tha chết Nể Hành, ta được mọi người cho là độ lượng. Nhưng người hiểu ý nghĩ của ta (Dương Tu) mà không giết thì nguy. Bởi khi có người biết ý mình thì không còn đánh lừa ai được nữa " (Hồi 13).

Ngòi bút của La Quán Trung đối với Tháo vừa khiển trách vừa diễu cợt, vạch ra ba tính chất điển hình của Tháo là: Đa nghi, nham hiểm và tàn bạo. Tuy vậy tác giả không hề đơn giản hoá, miêu tả một chiều nhân vật này. Lúc nào tác giả cũng miêu tả Tháo là con người thông minh, có chí và ngoan cường. Hồi 21 tả sự kiện y bày đặt ra cuộc " Uống rượu bàn luận anh hùng" với mục đích dò xét ý

đồ Lưu Bị , nói lên đầy đủ tầm mắt nhìn xa trông rộng cũng như bản lĩnh cao cường của Tháo vượt hẳn Lưu Bị . Những chuyện " Đánh Trương Tú gọi rừng mơ " , " cắt tóc thay đầu " (hồi 17) thể hiện khả năng nhanh trí tháo vát của Tháo. Tào Tháo có nhược điểm kiêu ngạo nhưng ông ta vẫn trội bật giữa bọn quân phiệt như con công giữa đàn gà.

Luôn luôn bị thôi thúc bởi khát vọng thống nhất toàn bộ lãnh thổ Trung Quốc, giành lấy uy quyền tuyệt đối về tay mình , Tào Tháo đã bỏn ba không mệt mỏi và nghĩ mọi cách để đạt được mục đích. Bắt sống Lã Bố ở Hạ Bì, phá tan Viên Thiệu ở Quan Độ, đánh đuổi Lưu Bị ở Lũng Hữu, tiêu trừ Ô Hoài ở Bạch Đằng... Đó là những chiến công lừng lẫy của Tào Tháo được lịch sử ghi nhận . Nhà văn vốn là nhà nho chủ trương " ủng Lưu phản Tào" cũng không thể không thừa nhận tài năng và công lao Tào Tháo .

Tào Tháo có tài năng, có chí khí , bản lĩnh nhưng tàn bạo quyết đạt mục đích bằng mọi giá. Tào Tháo vừa thông minh vừa đa nghi , có trí tuệ và nham hiểm, ngoan cường và tàn bạo. Lẽ nào đúng như thành ngữ dân gian : " bất độc bất anh hùng " (?!)

Tào Tháo có cách ứng xử cẩn thận , chu đáo , trọng kẻ tài năng quý người nghĩa khí . Nhiều khi Tào vượt qua cái tự ái của tiểu nhân mà làm người quân tử , hơn nữa được nhiều người khâm phục là bậc anh hùng .

Cái chất anh hùng và chất gian狡 kết hợp làm một . Tào Tháo là một điển hình lãnh chúa gian狡.

Bao đời nay, nhân dân Trung Quốc và Việt Nam vẫn hiểu Tào Tháo như một kẻ gian狡 và thường nói " đa nghi Tào Tháo " , " nham hiểm như Tào Tháo " , "cái cười Tào Tháo " , " Tào Tháo đuổi " v.v...

Nhân vật Tào Tháo của lịch sử có khác với Tào Tháo của tiểu thuyết. Với tư cách là một điển hình văn học, nhân vật Tào Tháo đã được chấp nhận là đại biểu của bọn phong kiến thống trị nham hiểm và tàn bạo. Với quan điểm " ủng hộ Pháp Gia " , mấy chục năm qua, có những người ở bên vực, thanh minh cho Tào Tháo (kể cả Tần Thủy Hoàng, Võ Tắc Thiên) hoặc viết kịch để chứng minh Tháo là người " nhân hậu, vì dân " , để uốn nắn cách hiểu " sai lệch " và " thành kiến " của quần chúng . Dù sao, chuyện Tam Quốc vẫn in sâu trong tâm trí nhân dân và nhân vật Tào Tháo vẫn khó tránh khỏi bị nguyên rủa . Bộ phim truyện lịch sử Tào Tháo vừa được chiếu trên truyền hình Việt Nam cho thấy một khuynh hướng khách quan hơn khi thể hiện hình tượng Tào Tháo trên điện ảnh hiện đại .

Lưu Bị là nhân vật đối lập với Tào Tháo cũng như nhà Lưu Thục đối lập với tập đoàn Tào ngụy. Còn Đông Ngô chỉ là lực lượng trung gian, là đối tượng co kéo tranh thủ của cả hai phía.

Lưu Bị là nhân vật lý tưởng của La Quán Trung. Dưới mắt tác giả, tập đoàn Lưu Thục là chính nghĩa, bởi nhà văn thấm nhuần tư tưởng Hán chính thống. Lưu Bị thuộc dòng dõi nhà Hán, không tỏ ra có tham vọng chiếm ngôi nhà Hán. Lưu Bị và tập đoàn của ông tương đối gần gũi nhân dân, có đường lối chính sách phù

hợp với nguyện vọng của nhân dân hơn. Dã sử và truyện dân gian dành nhiều cảm tình cho phe Lưu Bị .

Tác giả La Quán Trung cũng chịu ảnh hưởng khuynh hướng dân gian nên cảm tình và quan điểm của La Quán Trung phù hợp nguyện vọng của quần chúng về một ông vua tốt, thực hiện "nhân chính" (chính sách vì con người). La Quán Trung sáng tác Tam Quốc Diễn Nghĩa trong hoàn cảnh đất nước vừa thoát khỏi cảnh khốn khổ điêu linh dưới ách cai trị của Mông Cổ, một phong trào phê phán bạo chúa nhằm xây dựng một minh quân đáp ứng thời đại nhà Minh nổi lên . Cảm hứng chung của thời đại chắc chắn ảnh hưởng chi phối ngòi bút của La Quán Trung . Bên cạnh đó, tác phẩm còn có tinh thần yêu nước và ý thức dân tộc. Lưu Bị đã trở thành hình tượng của một minh chúa lý tưởng. Những nhân vật anh hùng có tính lý tưởng của nhân dân đều thuộc về phía Lưu Thục. Và Tào Tháo phải bị hy sinh trở thành mặt tương phản đối lập cho nhân vật lý tưởng họ Lưu .

Lưu Bị , người đứng đầu tập đoàn Thục Hán tiêu biểu của chữ "nhân". Lưu Bị được ưu thế "nhân hoà", Tào Tháo được "thiên thời" còn Tôn Quyền chỉ nhờ vào "địa lợi". Nhân vật Lưu Bị được mô tả như một minh chúa, lấy dân làm gốc, lấy tình nghĩa làm trọng, bốn ba bốn biển, thu phục hiền tài, long đông vì sự nghiệp khôi phục nhà Hán. Những sự việc như " kết nghĩa vườn đào" (hồi một), ba lần đến lều tranh mời Khổng Minh ra giúp nước (tam cố thảo lưu - hồi 26, 27, 28), không nỡ bỏ dân lành khi bị Tào Tháo đuổi, đóng quân ở Tân Dã mới vài tháng đã được dân chúng làm ca dao ca tụng (hồi 35) đều nói lên lòng nhân từ, thương dân, vì dân của ông. Lưu Bị như là con người đối lập với Tào Tháo. Ông như tấm gương trong suốt làm nổi bật lòng dạ phản trắc ,tâm địa xấu xa của kẻ gian hùng. Nếu Tào Tháo nói " Ta thà phụ người chứ quyết không để người phụ ta " thì Lưu Bị nói ngược lại " Ta thà chết chứ không làm điều phụ nghĩa ". Bất mẹ để dụ con , Tào Tháo đã không mua chuộc được Từ Thúc. Ngược lại, tạo điều kiện cho Từ Thúc về với mẹ, Lưu Bị lại được Từ Thúc tiến cử Khổng Minh. Bức tranh tương phản này là sự chiến thắng của nhân nghĩa đối với bạo tàn. Lưu Bị so sánh mình với Tào Tháo như sau " Tháo nóng vội, ta thông thả. Tháo dùng bạo lực, ta dùng nhân nghĩa. Tháo dùng âm mưu quỷ kế, ta lấy lòng thành đối đãi ". Chung qui đó là đường lối chính trị lấy chữ "nhân" làm gốc, gọi là "nhân chính".

Nhưng làm chi có một ông vua "nhân chính" như Lưu Bị trong xã hội phong kiến ? Do đó, ngòi bút nhà văn trở nên vẽ vờ, tô điểm, muốn tả Lưu Bị là người nhân đức mà nhiều khi tỏ ra giả dối, gượng gạo. Lưu Bị nhiều lúc nhu nhược, thiếu quyết đoán. Nhân vật Lưu Bị tỏ ra mâu thuẫn khi dốc toàn lực cuối cùng nhằm trả thù cho Quan Công để trọn nghĩa vườn đào. Đó là hành động mù quáng, không xứng đáng với trách nhiệm người đứng đầu Thục Hán - hy vọng của quần chúng nhân dân.

Khổng Minh - một nhân vật lý tưởng khác được coi là hình tượng bổ sung vào sự khiếm khuyết của hình tượng Lưu Bị , đó là một đạo sĩ trí tuệ tuyệt vời, lòng trung thành vô hạn, với ý chí sắt đá quyết tâm xây dựng cơ đồ nhà Thục. Khổng Minh biết được số trời, biết vận nhà Hán sắp mất mà vẫn tận tụy phò Lưu dù

chết không thay lòng đổi dạ. Khổng Minh đem lại vinh quang cho nhà Thục, khẳng định tính chất chính nghĩa của tập đoàn Lưu Bị. Nếu hình tượng Lưu Bị được chiếu sáng bởi chữ "nhân" thì hình tượng Khổng Minh lại rạng rỡ bởi chữ "trí". Nhân vật này là hoá thân của trí tuệ quần chúng mặc dù là nhân vật có thật.

Là người học vấn uyên bác, nhìn xa trông rộng, công lao lớn nhất của Khổng Minh là định ra sách lược "hoà Ngô kháng Ngụy" đúng đắn cho phía Lưu Bị, và do kiên trì thực hiện đường lối đó nên đã duy trì được cơ nghiệp nhà Thục trên ba mươi năm. Ông có khả năng dự đoán tình thế, biết địch biết ta, nhiều mưu mẹo, linh hoạt trong chiến thuật để đạt được chiến thuật đã vạch sẵn. Cuộc đấu tranh khi căng thẳng, lúc ôn hoà của ba tập đoàn phong kiến là cuộc đấu tranh quân sự và chính trị, Khổng Minh là nhân vật trung tâm của cuộc đấu tranh đó.

Trong cuộc đấu trí giữa ba tập đoàn, Khổng Minh hầu như chưa lần nào thua thiệt. Trên vũ đài chính trị, Tào Tháo chỉ sợ có một Khổng Minh. Có thể thấy rằng hình tượng Khổng Minh là thể hiện ước vọng của quần chúng về một trí tuệ hơn người, một mưu sĩ trác việt. Những mưu mẹo kế hoạch của Khổng Minh có dáng vẻ truyền thuyết dân gian, nghe rất hồn nhiên và bất ngờ như câu đo áyem. Nhà văn đã miêu tả sinh động phẩm chất bác học của Khổng Minh qua các đoạn "thiệt chiến quần nho" (Trận đánh bằng lưỡi - tranh luận, hùng biện với những nho sĩ xứ Giang Đông - hồi 43), Du thuyết Tôn Quyền (hồi 42)... Ông là lý tưởng của quần chúng về một mẫu người hiền sĩ, là nhân vật siêu phàm và lãng mạn.

Sự nghiệp của Lưu Bị sẽ không thành nếu thiếu Khổng Minh nhưng cũng sẽ không thành nếu không có Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân dũng cảm (và Mã Siêu, Hoàng Cáo). Quan Vũ là người đứng đầu "Ngũ Hổ Tướng". Nhân vật này xuất hiện từ khi kết nghĩa vườn đào, nguyện cùng sống chết với Lưu Bị, Trương Phi. Trong suốt cuộc đời tranh đấu vì sự nghiệp nhà Hán, ông luôn luôn là người anh hùng xuất chúng. Ba mươi năm xông pha trận mạc, văn võ song toàn, rồi cuối cùng vì ngạo mạn chủ quan mà bỏ mạng lúc 58 tuổi. Đó là ba mươi năm khí phách anh hùng và lòng trung trinh vô hạn của ông trải qua những hoàn cảnh thử thách gay go. Cái chết của ông đối lập với cái chết hèn hạ của Lã Bố. Khi Quan Công chết rồi, Tào Tháo mới nhẹ nhõm thốt lên "từ nay ta ngã lưng mới dính chiếu" (ngủ yên).

Nét nổi bật của Quan Công lại là tinh thần nghĩa khí. Đọc Tam Quốc, người ta thường nhắc nhở "tam tuyệt": Tào Tháo tuyệt gian, Khổng Minh tuyệt trí, Quan Công tuyệt nghĩa. Suốt đời, Quan Công đặt chữ "nghĩa" trên đầu, coi đó là phẩm chất hàng đầu của con người. Nghĩa ở đây bao gồm trung nghĩa (trung thành với lý tưởng chính trị) và tín nghĩa (giữ niềm tin trong quan hệ xã hội). Đó là trung thành mãi mãi với nhà Thục Hán và giữ trọn tình ba anh em kết nghĩa vườn đào. Nhà văn đã dày công xây dựng tính cách đó trong suốt các hồi 25, 26 và 27. " " thân tại Tào doanh, tâm tại Hán". () Quan Công sống theo đạo quân tử, "trung thần không thờ hai chúa". Nhưng mối quan hệ Quan Công - Lưu Bị thực ra không phải là vua - tôi mà là anh - em.

Thực chất Quan Công đã đặt tín nghĩa trên trung nghĩa . Nếu không có tình anh em, có thể Quan Công đã đi theo Tào Tháo.(Sau này, trong nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân, quần chúng đã dùng hình thức kết nghĩa vườn đào để tập hợp lực lượng. Nhà Thanh cũng lợi dụng hình ảnh Quan Công mà phong tặng ông là "Trung Nghĩa thần vũ đại đế" và cho dựng đền Quan Thánh ở khắp nơi. (()

Nhà văn lại xây dựng nhân vật Trương Phi có tín nghĩa rõ ràng , bạn - thù rành mạch, để phê phán tính mơ hồ lẫn lộn trong chữ "nghĩa" của Quan Công. Đó là con người bộc trực, ngay thẳng, trước sau như một, ít chịu ràng buộc của lễ giáo, không cần day dứt nghĩ trước nghĩ sau. Trương Phi rất nóng nảy nhưng lại biết phục thiện. "Nóng như Trương Phi" là nóng lòng xoá sạch bất công , nóng tìm kiếm lẽ phải và hành động chứ không phải kẻ thô bạo nóng nảy . Đặc biệt, Phi là một bức tranh đẹp về tinh thần thượng võ. Nhược điểm của Phi là có lúc tỏ ra cật lực , "hữu dũng vô mưu". Trương Phi là một nhân vật sinh động trong Tam Quốc.

Năm anh em Lưu Bị và nhiều người khác đều là những nhân vật sống sôi nổi, lập nhiều công tích trong thời Tam Quốc đầy biến động . Hình ảnh của họ hiện lên rạng rỡ trong tâm trí người đọc đủ mọi tầng lớp xã hội. Người đọc tìm thấy trong tài năng , đức độ và hành động anh hùng của họ một niềm an ủi cổ vũ cho cuộc đời gian nan của mình .



Tam Quốc là câu chuyện dài trăm năm, có hàng ngàn sự việc, hàng trăm trận đánh và hơn bốn trăm nhân vật. Tác phẩm có dung lượng thật đồ sộ. Tài năng của nhà văn trước hết thể hiện ở nghệ thuật kết cấu. Đó là một kết cấu hùng vĩ, mạch lạc rõ ràng. Người xem không bị rối loạn bởi nhiều sự kiện và hàng loạt nhân vật. Tính mạch lạc này là do khuynh hướng tình cảm của nhà văn tạo nên. Ông đã sắp xếp nhân vật thành các trận tuyến khác nhau, cho đan chéo vào nhau theo logique của đời sống và tình cảm của mình đặt ở nhà Thục Hán.

Đặc biệt, lối miêu tả chiến tranh cũng là một tài năng tuyệt vời của La Quán Trung. Chẳng hạn, trận Xích Bích , Thục - Ngô phá Tào Ngụy (từ hồi 43 đến 49) là một chiến dịch tổng hợp, thủy chiến và hoả công, đấu tranh ngoại giao, chiến tranh gián điệp, chiến tranh tâm lí... Trong trận Xích Bích giữa hai phe Tôn Ngô và Tào Ngụy, lại có trận Xích Bích giữa Gia Cát Lượng và Chu Du. Giữa Xích Bích gươm giáo lại có một Xích Bích trắng thơ. Nhà văn miêu tả quá trình hình thành trận đánh dài 6 hồi liền mà không nói gì về trận đánh. Chuẩn bị thì lâu dài, tốn công phu nhưng khi trận đánh bùng nổ thì kết thúc ngay. Nhà văn thiên Tài La Quán Trung rất am hiểu binh pháp, lại có công phu nghiên cứu tận tường địa hình, địa vật, thời tiết, con người .v. v... nên ông giúp người đọc như sống lại với thời kì lịch sử xa xưa.

Nghệ thuật xây dựng nhân vật của La Quán Trung có một số đặc điểm ảnh hưởng lớn đến đời sau. Đó là nắm chắc đặc tính cơ bản của nhân vật, dùng nhiều cách để tô đậm nó, gieo ấn tượng. Qua so sánh với nhân vật khác, tính cách nhân vật dần dần hiện lên. Đây là thi pháp tiểu thuyết cổ điển Trung Quốc: ít miêu tả ngoại hình và diễn biến nội tâm , chỉ chú ý miêu tả ngôn ngữ hành

động và sự nghiệp để dựng nên tính cách nhân vật. Tuy vậy, nhiều chi tiết phong phú đa dạng vẫn làm hiện lên được đời sống nội tâm của nhân vật.

Câu văn Tam Quốc dễ đọc , dễ hiểu nên được phổ biến rộng rãi, trở thành bộ tiểu thuyết đầu tiên cho thể loại. Người bình dân Trung Quốc, nhờ những bộ sách như thế mà hiểu được lịch sử nước nhà, học được cách đối nhân xử thế và nhận thức được âm mưu thủ đoạn của bọn thống trị. Tam Quốc diễn nghĩa như một bộ "sách giáo khoa nhiều mặt", nó được phổ biến ở nhiều nước, nhất là vùng Đông Nam Á . Nhiều nhân vật và sự kiện đã thành điển cố trong văn học Việt Nam. Đó là hiện tượng thông thường trong giao lưu văn hoá , đặc biệt trong quan hệ hai nền văn hóa Trung -Việt .

Chú Ý : Vào giai đoạn nhà văn La Quán Trung viết bộ sách , thời nhà Minh có phong trào trở về chính thống , ca ngợi hình mẫu minh quân . Theo quan điểm lịch sử chính thống và cảm hứng thời đại , ông đã kích Tào nghĩa là ca ngợi Hán , nhằm mục đích so sánh Chu Thành tổ dựng nghiệp nhà Minh tương tự như Lưu Bang dựng Hán . Ấy cũng là " văn học phục vụ chính trị " vậy - nhưng vấn đề này thuộc phạm trù văn học cổ điển phương Đông .

Chương V: Văn học hiện đại Trung Quốc

Nhà văn Lỗ Tấn (1881 - 1936)

Lỗ Tấn - người đặt nền móng cho văn nghệ cách mạng Trung Hoa
Thân thế sự nghiệp:

Lỗ Tấn tên thật là Chu Thụ Nhân, tự là Dự Tài, Lỗ Tấn là bút danh. Ông sinh 25-9- 1881 tại huyện Thiệu Hưng, tỉnh Triết Giang. Gia đình vốn là quan lại sa sút. Ông nội là Chu Giới Phu từng làm quan trong triều đình nhà Thanh, bị cách chức hạ ngục năm Lỗ Tấn 13 tuổi. Thân sinh là Chu Bá Nghi, đỗ tú tài cũng năm đó rồi lâm bệnh nặng, ba năm sau vì không có thuốc chữa trị mà mất. Mẹ là Lỗ Thụy người phụ nữ nông thôn trung hậu, kiên nghị, phẩm chất của bà có ảnh hưởng rất lớn đến Lỗ Tấn. Bút danh của ông đã chứng tỏ điều ấy.

Lỗ Tấn sống trong thời đại xã hội Trung quốc có nhiều biến động lớn lao nhất là sau năm 1919 với ảnh hưởng của Cách Mạng Tháng Mười Nga. Cuộc đời ông trải qua hai cuộc cách mạng : cách mạng dân chủ kiểu cũ - cách mạng Tân hợi (do giai cấp tư sản lãnh đạo) và cách mạng dân tộc dân chủ kiểu mới do giai cấp vô sản và Đảng cộng sản Trung quốc lãnh đạo.

Cuộc đời, sự nghiệp và quá trình tư tưởng của Lỗ Tấn có thể chia ra ba giai đoạn như sau:

THỜI KỲ TRƯỚC NGŨ TỬ (1881- 1918)

Thời thơ ấu từ 6 đến 17 tuổi, Lỗ Tấn học ở trường tư thực quê nhà . Ông học rất thông minh. Đọc hầu hết các thư tịch cổ Trung Quốc. Đặc biệt thích đọc dã sử, thích nghe truyền thuyết, xem hát tuồng và tranh dân gian. Thị hiếu và sở trường văn nghệ của ông được hình thành từ sớm. Mặt khác, vì gia đình sa sút, ông hay đi lại với con em nông dân lao động ở quê nhà. Tấm mình trong tình

cảm chân thành và hồn hậu ấy, Lỗ Tấn "bú được sữa sói rừng" mà lớn lên, dần dần trở thành "đứa con bất hiếu" của giai cấp phong kiến, "bề tôi hai lòng" của tầng lớp thân sĩ.

Xã hội Trung Quốc biến động kịch liệt, chính quyền Mãn Thanh quỳ gối đầu hàng trước sự xâm lăng của các đế quốc, phong trào yêu nước của nhân dân phát triển rầm rộ. Lỗ Tấn được cổ vũ mạnh mẽ. Ông giã từ gia đình và quê hương, đi tìm đường hoạt động.

Năm 18 tuổi, Lỗ Tấn đến Nam Kinh, thi vào Thuỷ sư học đường (đào tạo nhân viên hàng hải). Hai năm sau lại thi vào Khoáng lộ học đường (đào tạo kỹ sư mỏ). Đây là những trường tây học, dạy kiến thức khoa học mới, khác hẳn với các trường hán học chỉ dạy " tứ thư , ngũ kinh ". Tầm mắt anh mở rộng, thay đổi nếp tư duy. Hoài nghi truyền thống cũ và hướng đến sự cải cách , Lỗ Tấn rất say mê cuốn "thiên diễn luận " của Husley nhà sinh vật học người Anh - giải thích sự biến hoá vũ trụ và vạn vật theo quan điểm thuyết tiến hoá Darwin (nhà sinh học vĩ đại Anh). Lỗ Tấn chịu ảnh hưởng sâu sắc và từ đó, thế giới quan của ông chịu sự chi phối của thuyết tiến hoá trong một thời gian tương đối dài. Ông tin tưởng rằng " sinh mệnh lớp sau bao giờ cũng có ý nghĩa hơn, hoàn thiện hơn lớp trước, tương lai sẽ sáng sủa hơn hiện tại vì lực lượng mới sẽ thay thế lực lượng cũ. Từ đó ông ca ngợi sự đổi mới, kêu gọi phản kháng , căm ghét truyền thống trì trệ.

Năm 1902, sau khi tốt nghiệp Khoáng lộ học đường, Lỗ Tấn được chọn đi du học ở Nhật Bản. Trước tiên ông học ngành y. Ông muốn dùng y học để cứu dân, trước hết là chữa chạy cho những người nghèo đói, dốt nát, mê tín khỏi bị chết oan như bố ông. Học sinh Trung Quốc học ở Nhật khá đông. Quang Phục Hội là tổ chức lãnh đạo cách mạng Tân Hợi (1911) sau này, cũng hoạt động sôi nổi ở Tokio. Lỗ Tấn tham gia Quang Phục Hội với quyết tâm cứu nước. Về sau, nhân một lần xem phim , ông bị kích động mạnh mẽ và chuyển sang làm văn nghệ (ông thấy người Trung Quốc vui thú khi xem phim có cảnh người Nhật chém một người Trung Hoa vì tội làm gián điệp cho quân Nga thời chiến tranh Nga Nhật). Lỗ Tấn nghĩ rằng chữa bệnh cho họ về thể xác còn chưa quan trọng bằng chữa bệnh cho họ về tinh thần. Từ đó ông quyết tâm dùng ngòi bút để thức tỉnh tinh thần dân tộc và ý chí tự lập tự cường của người Trung Hoa. Ông ra sức phiên dịch giới thiệu các trước tác khoa học cũng như các tác phẩm văn nghệ thế giới. Đặc biệt ông viết tập " Sức mạnh của dòng thơ ma quỷ" giới thiệu những nhà thơ đấu tranh cho tự do như Byron, Shelli (Anh) Puskin, Lermontov (Nga) v.v... với hy vọng mượn ý chí phản kháng và quyết tâm hành động của họ để thức tỉnh tinh thần dân tộc.

Hai năm trước Cách mạng Tân Hợi, năm 1909 vì gia đình quẫn bách, Lỗ Tấn dờn Nhật trở về nước nuôi mẹ và em. Ông dạy học ở các trường trung học quê nhà và làm hiệu trưởng trường sư phạm Thiệu Hưng. Năm 1911, Cách mạng Tân Hợi bùng nổ, ông hưởng ứng sôi nổi. Nhưng ngoài cái danh hiệu "Trung Hoa dân quốc ", cuộc cách mạng tư sản này không đem lại cho xã hội Trung Quốc sự thay đổi nào đáng kể. Lỗ Tấn không khỏi thất vọng. Còn đối với Cách mạng vô sản , ông chưa có nhận thức rõ ràng, phần nào hoài nghi, giai cấp

công nhân chưa hình thành một lực lượng chính trị độc lập, ông rơi vào đau khổ, trầm tư.

THỜI KỲ 1918 - 1927

Cách mạng Tháng Mười Nga rung động , thức tỉnh dân tộc Trung Hoa và tâm hồn nhà yêu nước Lỗ Tấn. Ông đăng thiên truyện đầu tay "Nhật ký người điên " trên tạp chí Tân Thanh Niên. Đó là phát súng mở đầu của cuộc cách mạng văn hoá và tư tưởng Ngũ tứ ở Trung Quốc công kích lễ giáo và chế độ phong kiến. Hàng loạt các truyện khác tiếp nối ra đời. "Khổng Ất kỷ, AQ chính truyện, Cầu phúc ..." .Những truyện này sau được soạn thành hai tập " Gào thét" và "Bàng hoàng". Ông còn viết nhiều bài tạp văn sắc bén lên án xã hội đế quốc phong kiến và những tập quán xấu của xã hội cũ.

Lỗ Tấn còn tham gia chỉ đạo phong trào thanh niên yêu nước khoảng năm 1920 - 1925, ông là giáo sư các trường Đại học ở Bắc Kinh, và lãnh đạo sinh viên lập nhóm văn học, xuất bản báo và tạp chí cổ động cách mạng. Ông đã nhiệt tình ủng hộ cuộc đấu tranh của sinh viên trường Đại học nữ sư phạm Bắc Kinh chống lại tên Bộ trưởng Giáo dục phản động ... Ông trở thành lãnh tụ tư tưởng của sinh viên lúc bấy giờ.

Khoảng năm 1923 - 1924, phong trào Ngũ Tứ vỡ, hình thành mặt trận thống nhất văn hoá.

Năm 1926, bị chính phủ Quốc dân đảng bức bách, ông rời Bắc Kinh xuống Hạ Môn (tỉnh Phúc Kiến) . Làm giáo sư văn học ở Đại học Hạ Môn. Ông cảm thấy hưu quanh vì phải xa lánh cuộc đấu tranh. Đầu năm 1927, ông lại đến Quảng Châu - căn cứ địa cách mạng bấy giờ, làm trưởng phòng giáo vụ kiêm chủ nhiệm khoa văn trường Đại học Trung Sơn. Ông liên hệ chặt chẽ với các tổ chức cách mạng do Đảng Cộng Sản lãnh đạo .

Tháng 4 năm 1927, Tưởng Giới Thạch phản bội Cách mạng khủng bố Đảng Cộng Sản và các tổ chức do Đảng lãnh đạo. Chúng giết hàng chục vạn đảng viên và quần chúng. Lỗ Tấn đứng ra bảo vệ sinh viên không được , nên đã phẫn nộ từ chức. Sự thật tàn nhẫn đã giúp ông giác ngộ quan điểm giai cấp của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Kể từ đó, Lỗ Tấn đã không ngừng chiến đấu cho sự nghiệp giải phóng của giai cấp, của dân tộc dưới ngọn cờ quang vinh của chủ nghĩa Mác - Lênin và Đảng Cộng Sản Trung Quốc.

THỜI KỲ 1928 - 1936

Đây là thời kỳ của văn học vô sản với nhà văn cộng sản Lỗ Tấn. Tháng 10 năm 1927, do có nguy cơ bị ám hại, Lỗ Tấn rời Quảng Châu đến thành phố Thượng Hải và ở lại đây cho đến khi mất. Tham gia tổ chức và lãnh đạo phong trào văn học vô sản. Năm 1928, ông xuất bản tạp chí "Dòng nước xiết "(Bôn lưu), phiên dịch, giới thiệu hệ thống lý luận văn nghệ Mác - Lênin. Lỗ Tấn đứng ra thành lập và lãnh đạo Hội liên minh các nhà văn cánh tả (gọi tắt là Tả liên). Ông tiếp nhận đường lối Mác - Lênin qua một chiến sĩ Cộng sản chân chính lãnh đạo hội là nhà văn Cù Thu Bạch.

Những năm đầu Tả Liên, các tập đoàn văn nghệ phản động mọc lên như nấm, tiến công điên rồ vào nền văn học vô sản non trẻ. Lỗ Tấn đứng vững trên lập trường vô sản đập tan các cuộc "vây quét" trên mặt trận văn hoá tư tưởng Ông viết được 9 tập văn: "Giọng Nam điệu Bắc, Viết tự do, Chuyện cũ viết lại....".

Ngày 19 tháng 10 năm 1936, sau thời gian lâm bệnh, Lỗ Tấn từ trần ở Thượng Hải. Bất chấp sự ngăn cấm và đàn áp của chính quyền Quốc dân đảng, nhân dân và văn nghệ sĩ vẫn làm lễ an táng trọng thể Lỗ Tấn. Trên quan tài ông có phủ lá cờ đỏ thêu bốn chữ "Linh hồn dân tộc".

Lỗ Tấn mất đi đã hơn nửa thế kỷ.. Tên tuổi Lỗ Tấn vẫn mãi mãi được loài người tiến bộ và nhân dân cách mạng trân trọng.

Giới thiệu truyện vừa "AQ.Chính truyện"

"AQ. Chính Truyện" gồm 9 chương. Sau đây là sơ lược cốt truyện.

Chương I : TỰA.

Nhà văn châm biếm các loại truyện cũ kỹ lỗi thời và giới thiệu lai lịch nhân vật chính là anh nông dân khoảng ba chục tuổi tên là AQ (giải thích cái tên kỳ lạ của anh).

Chương II : NHỮNG CHUYẾN THẮNG LỢI

AQ. thân phận hèn mọn, đi làm mướn hàng ngày, tối về ngủ đậu miếu thổ thần. Anh thường bị trêu chọc, bắt nạt và thường bị thua, nhưng tìm cách thắng lợi bằng tưởng tượng, gọi là "phép thắng lợi tinh thần"

Chương III : NHỮNG CHUYẾN THẮNG LỢI (tiếp theo).

Anh đi bắt nạt những kẻ yếu hơn "thằng cu Đen và ni cô ở chùa Tĩnh Tu".

Chương IV : BỊ KỊCH YÊU ĐƯƠNG

Anh tỏ tình với vú Ngò là vú già của gia đình địa chủ họ Triệu. Bị phản ứng, đánh đập và bị phạt nặng.

Chương V : VẤN ĐỀ SINH KẾ

Sau vụ vú Ngò, anh bị thất nghiệp vì cả làng đều chê anh đạo đức kém. Đi ăn trộm củ cải ở chùa Tĩnh Tu. Rồi bỏ lên tỉnh kiếm sống.

Chương VI : TỪ VẬN "TRUNG HƯNG "ĐẾN BƯỚC ĐƯỜNG CÙNG

Khoảng sáu tháng sau, AQ trở về làng với nhiều của cải tiền bạc, bán quần áo cũ mốt lạ, kể chuyện thành thị, chế diễu thành thị. Các bà, các cô ngày trước khinh AQ ra mặt, nay tranh nhau cảm tình của AQ để mua được quần áo mốt mới. AQ còn báo tin cách mạng đã xảy ra và kể chuyện "chặt đầu bọn cách mạng" ở trên tỉnh.

Chương VII : CÁCH MẠNG.

Một con thuyền lớn của quan Cử từ trên huyện di tản về làng Vị trang , tiếng đồn quân cách mạng sắp sửa đánh tới. Thấy bọn địa chủ lo sợ cách mạng thì AQ hăng hái cổ vũ cách mạng và tự nhận mình là người cách mạng. AQ ước mơ cách mạng thành công, y sẽ trả thù, sẽ đoạt của cải, lấy vợ ... Anh đến chùa

Tĩnh Tu thì hai tên địa chủ Triệu và Tiền đã nhanh chân hơn - đến chùa gỡ bàn thờ nhà vua coi như đã "làm cách mạng".

Chương VIII : KHÔNG CHO CÁCH MẠNG.

Tin đồn cách mạng đã xong. Nhưng bộ mặt xã hội vẫn không thay đổi. Quan huyện vẫn là quan huyện cũ. Dân làng sợ nhất là bị cắt đuôi sam, họ đối phó bằng cách cuốn đuôi sam lên đầu (ý là khi cần thì lại buông thõng xuống). Bọn địa chủ chạy lên tỉnh xem cách mạng, trở về chúng khoe khoang đã theo cách mạng. AQ xin nhập bọn, bọn địa chủ không cho, anh về miếu thổ thần ngủ. Đêm ấy nhà họ Triệu bị cướp.

Chương IX : ĐẠI ĐOÀN VIÊN.

Cả làng vừa khoái chí vừa sợ hãi thấy nhà Triệu bị cướp. Bốn hôm sau, giữa đêm, AQ bị bắt lên huyện. Toà án tra hỏi, nghi anh ăn cướp nhà họ Triệu. AQ không hiểu chuyện gì. Họ đưa ra một tờ giấy bảo anh ký. Vì không biết chữ, anh lấy cây viết khoanh một vòng tròn. Cố ráng sức vẽ cho tròn vì sợ bị chế giễu nhưng hình vẽ vẫn méo mó. Đêm ngủ bị cùm nhưng vẫn hy vọng đời con cháu mình sẽ vẽ được vòng tròn. Hôm sau bị lôi ra pháp trường. Xe đưa AQ đi diễu khắp phố phường. Dân chúng reo hò ầm ĩ, anh cố nghĩ một câu khẩu hiệu để hô vang trước khi chết nhưng nghĩ không trọn câu. Anh thấy vú Ngò chen chúc giữa đám đông, anh nhìn mụ nhưng mụ không nhìn anh, mụ mãi ngắm nhiều thứ lạ như khẩu súng. AQ sợ hãi kêu cứu ... Dân chúng đều tin chắc rằng AQ vì hư hỏng nên đáng bị xử bắn, họ còn tiếc rẻ vì không chém đầu, lại đi bắn súng, xem không sướng mắt. Người ta lại chê AQ xoàng, không hô được một câu khẩu hiệu "có duyên" khiến họ uống công đi xem.

Lưu ý cái tựa đề "Đại đoàn viên" có ý chế giễu các loại truyện và kịch của văn học quá khứ Trung Hoa lúc nào cũng "có hậu"

PHÂN TÍCH "AQ CHÍNH TRUYỆN"

"AQ chính truyện" là tác phẩm tiêu biểu của Lỗ Tấn, một trong những kiệt tác ưu tú nhất của nền văn học hiện đại Trung Quốc và khá quen biết đối với nhân dân thế giới.

Truyện triển khai theo ba chủ đề lớn.

1- Bức tranh của nông thôn Trung Quốc nửa phong kiến , nửa thuộc địa.

Giai cấp tư sản Trung Quốc đã hình thành nhưng còn mờ nhạt, yếu ớt ở nông thôn. Thống trị nông thôn vẫn là giai cấp địa chủ (tiêu biểu là làng Mùì, còn gọi làng Vị Trang). Vẫn là không khí nông thôn thời trung cổ. Dân chúng vẫn quen nếp nghĩ tăm tối ngày xưa. Dư luận quần chúng là ngồi lê mách lẻo, nhưng dư luận cũng ghê gớm như một kiểu luật pháp. Bọn địa chủ vẫn ung dung bóc lột theo kiểu cũ. Sinh hoạt tinh thần văn hoá của họ rất nghèo nàn. Đó là một nông thôn cận đại, lạc hậu và trì trệ.

2- Phê phán tính chất nửa vờ của cách mạng Tân Hợi.

Cách mạng tư sản chỉ khiến cho bọn địa chủ lo sợ lúc đầu. Nhưng chúng mau chóng "bắt tay" được với những kẻ cách mạng nửa vờ để cùng lợi dụng nhau. Chỉ có dân chúng bị bỏ rơi (hình ảnh AQ). Tất cả vẫn như xưa, chỉ khác cái búi

tóc cuộn lên, tấm biển của nhà vua Mãn Thanh ở trong chùa bị dẽp đi. Không cho AQ làm cách mạng, không cho nông dân làm cách mạng, đó là bản chất của cách mạng Tân Hợi.

3- Phê phán "tinh thần AQ".

Đó là phép thắng lợi tinh thần của kẻ yếu hèn. Cho đến khi sắp bị giết , AQ nghĩ ai cũng phải chết một lần, thế là trấn tĩnh được. Đó là tâm trạng của kẻ thua nhưng không chấp nhận thất bại, cố trốn vào ảo giác. AQ rất bảo thủ nhưng lại thích cách mạng, thích cách mạng vì muốn trả thù. AQ cũng là điển hình của chủ nghĩa thất bại - đặc trưng của giai cấp phong kiến thống trị. Bởi đã tồn tại quá lâu nên tư tưởng ấy đã thấm đẫm tới cả quần chúng. Tuy nhiên Lỗ Tấn có nhược điểm là: ông miêu tả và chứng minh cái nhược điểm đó như là "quốc dân tính".

Đó là chủ đề chính của tác phẩm.

Thế giới cho rằng truyện này là điển hình của những nước đã từng trải trong nô lệ, có thể gặp ở mọi nơi, mọi lúc. Song trước hết, chúng ta cần lưu ý rằng AQ có cơ sở giai cấp của nó - giai cấp phong kiến Trung Hoa.

Và sau hết, AQ còn là điển hình của người vô sản ở nông thôn Trung Quốc vốn có khả năng cách mạng nhưng bị tư tưởng phong kiến và "phép thắng lợi tinh thần" trói buộc nên họ ngơ ngác trước tấn tuồng do giai cấp tư sản đạo diễn vụng về.

"AQ chính truyện" thật sự đã vượt xa chủ nghĩa hiện thực phê phán nói chung.

Cuộc đời và tác phẩm của Lỗ Tấn đi từ chủ nghĩa yêu nước và dân chủ đến chủ nghĩa xã hội, từ chủ nghĩa hiện thực phê phán đến chủ nghĩa hiện thực cao hơn. Nó tiêu biểu cho quá trình vươn tới của đội ngũ nhà văn cách mạng Trung Quốc trên con đường phát triển đúng đắn duy nhất của nền văn học Trung Hoa mới.

Quách Mạt Nhược

Sinh năm 1892 tại Tứ Xuyên , sau Lỗ Tấn 11 năm . Tuổi nhỏ đọc nhiều thơ ca cổ điển . Sớm đọc sách báo thế giới qua tiếng hán . Ba lần bị đuổi học vì phản ứng với sự giáo dục hủ bại . Sớm hào hứng vì cách mạng Tân Hợi nhưng lại thất vọng , rời bỏ quê Tứ Xuyên . Cuối năm 1913 ông đi Triều Tiên , năm sau đến Nhật bản , thi vào Cao đẳng số1 Tokyo . . Tốt nghiệp lại thi vào khoa Y đại học . Bất mãn với Nhật ông trở về Thượng Hải với nỗi căm giận đế quốc và lòng yêu nước . Qua 4 năm ở Nhật , ông đọc nhiều tác phẩm thế giới , chịu ảnh hưởng của Tagore , Goethe , Haine , Whitman . . .

Ông làm báo , làm thơ viết văn soạn kịch , truyền bá tư tưởng Mác , chống Tưởng giới thạch , đi lưu vong ở Nhật . Trở về , vào Đảng cộng sản do đồng chí Chu Ân Lai giới thiệu .

Sau khi nước Trung Hoa mới thành lập , ông làm nhiều công việc quan trọng của Đảng , Nhà nước đồng thời vẫn sáng tác . Tà thế 12-6-1978 .

Tác phẩm chính :

1.TẬP THƠ MỚI ĐẦU TIÊN " NỮ THẦN "

Xuất bản 1921 thành công nổi bật , gây ảnh hưởng lớn cho nền văn học hiện đại . Gồm 56 bài chưa kể bài thơ Tựa - tinh thần phá cái cũ - đạo đức lễ giáo cũ , nền chính trị chuyên chế cùng mọi thần tượng phong kiến bị đả kích dữ dội - để xây đời sống mới . Đó là khoa học , dân chủ , chủ nghĩa xã hội . Nhà thơ hòa vào đó tất cả nhiệt tình tự giác nồng nhiệt của mình , khát khao ca ngợi lí tưởng tốt đẹp là âm hưởng chủ đạo mạnh mẽ nhất trong tập thơ . Tiêu biểu nhất là hai bài : " Phụng hoàng niết bàn " và " Kiếp tái sinh của nữ thần ":

Truyền thuyết về phụng hoàng nhốt gỗ thơm để tự thiêu , rồi lại tái sinh từ trong đám tro xác : " cuối năm gần ba mươi

bay đi bay lại một đôi phụng hoàng

bay đi hát tiếng buồn thương

ngậm từng cành gỗ trầm hương bay về "

Trên núi Đan Huyet , cây ngô đồng chết khô , suối rượu thơm cạn hết dưới trời giá băng gió thét , đôi phụng hoàng sắp đặt cuộc hỏa táng cho mình . Trước khi chết , chúng bay lượn thấp cao , con phụng hót lên chít chít , con hoàng hót lên chít chít . Chúng nguyên rửa hiện thực , cái vũ trụ " lạnh lùng như sắt " , " tối đen như mực " , " tanh nồng như máu " , vũ trụ như cái " lò mổ , nhà giam , phần mộ , địa ngục" và hỏi nó - có sao người tồn tại ?

Từ trong nước mắt năm trăm năm nay lệ tuôn như dòng thác ,

năm trăm năm lệ tuôn như nén sáp

chúng giấu bầu bi phẫn

chúng nguyên rửa cuộc đời

năm trăm năm ngủ say thối mục như xác chết

suối lệ chảy khôn vơi nhớp nhơ khôn gột sạch

lửa tình khôn dập tắt

hổ thẹn rửa khôn trôi

Trong quãng thời gian dằng dặc ấy , chẳng tìm đâu thấy " tươi mát , dịu ngọt , sáng ngời , yên vui " và sức sống trẻ trung đã tiêu mất . Thế là chúng đau đớn chẳng thiết sống nữa , đi nhốt gỗ tự thiêu . Những lời lên án hiện thực đan xen nổi bi phẫn của nhà thơ .

Sự tự hy sinh , tự tái tạo của phụng hoàng hình thành nên bầu không khí bi tráng nồng đậm . khi chúng đồng thanh hát lên :

Đã đến rồi thời gian

Đã đến rồi giờ chết

Thì một ngọn lửa ngút trời rót cuộc thiêu ra tro bụi cả cái tôi cũ cùng mọi đen tối và phi nghĩa của thế giới cũ .

Thiêu trụi rồi , lại được cuộc sống mới , không chỉ có phượng hoàng mà còn có nhà thơ - một cách tượng trưng .

Hai ngày trước khi viết bài thơ này ông từng biểu lộ trong một bức thư rằng bản thân mình muốn như phượng hoàng , nhặt gỗ thối " thiêu hủy cái hình hài hiện hữu đi ... để sinh ra một cái tôi mới Đó là sự khắc họa một hình tượng tinh thần cách mạng triệt để , tự giác của đại chúng nhân dân trong phong trào Ngũ Tứ . Vừa vạch trần cái xấu xa dung tục của hiện thực , sự nông cạn bạc bẽo và bỉ ổi của bầy chim phàm tục , càng làm nổi bật nổi trâm thống và nét đẹp hùng tráng của cặp phượng hoàng tự thiêu .

Cặp phượng hoàng đã sống lại nhờ tinh thần cách mạng và thái độ lạc quan lịch sử . Bằng ngòi bút dạt dào cảm xúc và những dòng thơ trùng điệp , liên hoàn , nhà thơ Quách đã dựng công làm nổi bật cảnh tượng đại hài hòa , đại hoan lạc . Nhà thơ ca ngợi vận hội mới Ngũ Tứ , sự bắt đầu thức tỉnh của tổ quốc và bản thân nhà thơ , tràn trề nhiệt tình rực cháy hướng về ánh sáng , theo đuổi lí tưởng . Nhà thơ cho hay đã viết bài thơ trong một ngày chia ra hai lần .

Hai bài thơ đều dựa từ truyền thuyết Nữ Oa luyện đá vá trời nhằm chủ đề phản kháng , phá hoại và sáng tạo . Các nữ thần đồng thanh hát :

Chúng ta phải đi sáng tạo một vàng dương mới thẩm tươi

Không thể làm vị thần trong khám thờ này nữa !

Quách Mạt Nhược có tấm lòng yêu thiên nhiên tha thiết sâu sắc , trong Nữ Thần có nhiều bài vịnh cảnh thiên nhiên . Nữ thần có nét đặc sắc của chủ nghĩa lãng mạn cách mạng . Thể thơ tự do khí thế hùng hồn hào phóng là những bài đặc sắc xúc động nhất , đó là khởi đầu cho thơ tự do sau thời Ngũ Tứ . Trước hết đó là sự giải phóng cái tôi tự do phóng khoáng , mang tinh thần thời đại .

HAI TẬP THƠ : TIỀN MAO VÀ KHÔI PHỤC

Năm 1923 , Quách xuất bản tập " Tinh không " (trời sao) gồm thơ và văn xuôi . Bài " Hiến thi " (thơ dâng) trong tập đã viết :

Mình như con nhận phải tên

Người dưng sĩ bị thương

Nằm ngửa trên sa trường mù mịt

Mong tìm sự an ủi trong ánh sáng le lói đêm trời sao

Tập thơ " Tiền mao " (ngọn cờ phía trước) gồm có 23 bài , từ bỏ nỗi buồn khổ sâu sắc trong Tinh Không nhìn thẳng vào hiện thực và ca ngợi cách mạng bằng tiếng hát khỏe khoắn , ông quyết cùng " tất cả công nông ở trên đời cứu con người khỏi cảnh khổ , cho thế giới mới ra đời . Lúc này Đảng cộng sản lãnh đạo quần chúng ngày càng lên cao . " Mặt trời không còn nữa " là bài thơ truy điệu

Lê Nin , miêu tả nỗi đau thương vô hạn của nhân dân toàn thế giới khi mất người thầy cách mạng vĩ đại :

Sóng ánh sáng rừng rực của Người quyết xua tan ma quỷ
luồng hơi nóng cuộn cuộn của Người quyết nung chảy giá băng
những con người nghèo khổ không áo mặc cơm ăn
đã nhận được ngọn lửa thiêng người lấy trộm trên Trời về đây .

Tập thơ " Khôi Phục " viết năm 1928 có 24 bài viết trong thời kì cách mạng bị khủng bố trắng nghiêm trọng . Bọn phản động khủng bố tàn sát đẫm máu , nhà thơ bị bệnh , ông đáp lại bọn chúng bằng thơ đánh thép hùng hồn . Qua hai bài " Tôi nhớ Trần Thiệp và Ngô Quảng " (hai lãnh tụ khởi nghĩa thời nhà Tần) , và " Đối thoại giữa sông Hoàng Hà và Dương Tử " báo hiệu sự đổi thay về tư tưởng lí luận theo chủ nghĩa Mác :

Bay muốn giết thì mặc bay cứ giết
Bay giết một người ta đứng dậy một trăm
Khắp mình ta có lông khỉ Tôn Ngộ Không
Một hơi thổi thành muôn vạn " ta " mới
(Cuộc khủng bố bùng bùng ngùn ngụt)
Tôi đã sẵn sàng li rượu thọc đồ tể
Là nhiệt huyết đầy tim tôi bạn hỡi
Trong đêm đen gió tanh mưa máu này
Chiến đấu giành vàng dương vũ trụ mới !

2. KỊCH VÀ TIỂU THUYẾT THỜI KÌ ĐẦU :

KỊCH LỊCH SỬ :

Ông dành nhiều công sức viết kịch lịch sử . Ba vở kịch về ba nữ nhân vật

" phản nghịch " là Nhiếp Oanh , Vương Chiêu Quân và Trác Văn Quân xuất bản năm 1926 .

Theo lịch sử , Trác Văn Quân ở góa , bất chấp mệnh cha , chạy trốn theo Tu Mã Tương Như , nàng chống lại lễ giáo phong kiến " tông nhất nhi chung " (theo một người chồng đến cùng) .

Vương Chiêu Quân viết tháng 7 năm 1923 , hư cấu thêm nhiều nhân vật , Chiêu Quân từ bị kịch số phận đổi thành bi kịch tính cách . . Nàng cự tuyệt mọi vinh hoa của Mao Diên Thọ khi vẽ tranh đối nàng hí lộ , nàng còn mắng cả Hán Nguyên đế , phản kháng ý chí của hán vương nàng tự ý xuất giá lấy chồng Hung Nô ở vùng hoang vu cực bắc .

Nhiếp Oanh là kịch rút từ truyện Nhiếp Chính giúp Nghiêm Toại đâm chết tướng Hàn là Hiệp Lũy thời Chiến quốc. Chị em Nhiếp Oanh Nhiếp Chính xả thân

không chỉ vì trọng lời hứa cá nhân và nghĩa hiệp mà vì nghĩa lớn . Khi hai chị em vĩnh biệt trước Nhiếp mẫu cất tiếng hát : " Xin đem mạng sống mình cứu lấy đám dân đen " . Chị hành thích thành công xong tự sát . Em lại đi quảng bá sự tích anh hùng của chị , rồi đến chỗ Hàn Thị hoàn thành nốt nhiệm vụ của mình .

TIỂU THUYẾT

Mục Dương Ai Thoại (chuyện buồn chẵn dê) 11-1929 , kể câu chuyện bi kịch của người phụ nữ Triều Tiên phản đế . Phiêu lưu tam bộ khúc (bộ ba phiêu lưu) gồm ba truyện ngắn liên tục : Kì Lộ (Lối Rẽ) , Luyện ngục (Rèn luyện trong ngục) và Thập Tự Giá (cây thập tự) . Aùi Mâu trong Kì Lộ chính là hóa thân của tác giả , trải qua ba tác phẩm , anh từ Nhật trở về đất nước trải qua những biến động , vật lộn anh tỉnh ngộ cách mạng . Khí chất lãng mạn của nhà văn hào Quách Mạt Nhược thêm một lần nữa được khẳng định .

Văn hào Quách Mạt Nhược - người từng đánh giá cao Nhật Kí Trong Tù của Hồ Chí Minh là bậc đại nhân đại chí đại dũng - đã được UNESCO phong tặng danh hiệu danh nhân văn hóa thế giới

Những nhà văn dân chủ

(Ba Kim , Lão Xá và Tào Ngu)

Đây là ba nhà văn do bão táp cách mạng Ngũ Tứ làm chấn động tư tưởng của họ , khiến họ dấn thân vào con đường văn học vào những năm 20 và đến những năm 30 họ đã được hoan nghênh nhiệt liệt . Họ trở thành những nhà văn dân chủ , góp phần đẩy văn học hiện đại tiến lên một bước hướng tới gần nền văn học cách mạng .

BA KIM VÀ BỘ BA DÒNG XOÁY :

Ba Kim tên thật là Lý Phất Cam sinh năm 1904 trong gia đình địa chủ quan lại ở Thành Đô , Tứ Xuyên . Năm 1923 rời gia đình đi học ở Thượng Hải , Nam Kinh . Đầu năm 1927 anh đi Pháp , tiếp xúc những tư trào xã hội rộng rãi , nhất là phong trào dân chủ do đại cách mạng tư sản Pháp để lại . Ông từng nói " tất cả chúng ta là con đẻ của Đại cách mạng Pháp " . Ông còn chịu ảnh hưởng của một số đảng viên Đảng hủ vô nước Nga . Những dấu ấn ảnh hưởng ấy còn lưu lại trong tác phẩm của ông .

Ngay từ năm 1927 ông bắt đầu sáng tác ở Pháp . Những tác phẩm đầu tay bôn chồn ấy náy : Diệt Vong , Cuộc Sống Mới , Bộ Ba Tình yêu . . . viết về hoạt động của nhóm thanh niên Trung quốc , họ dũng cảm đấu tranh chống quân phiệt theo đuổi tương lai tươi sáng và dám hy sinh , hướng về nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến . Họ coi thủ đoạn khủng bố cá nhân là chính . Tác giả không phê phán sai lầm đó của họ .

Sống ở một khu mỏ , hai năm sau Ba Kim viết hai tác phẩm Manh Nha và Tuyết , mô tả khát vọng mãnh liệt của công nhân mỏ và tinh thần đoàn kết đấu tranh của họ . Tác phẩm tiêu biểu của ông là bộ ba Dòng Xoáy (tên chung của ba tác phẩm liên tục) bao gồm : Gia Đình , Mùa Xuân và Mùa Thu . Bộ ba miêu tả sự suy tàn và phân hóa của một gia đình phong kiến lớn qua đó thể hiện chế độ

phong kiến Trung Hoa tan rã và sự lan tỏa bất rỗi của phong trào và tư tưởng cách mạng . Gia Đình là tập đại chất lượng vượt trội , hay hơn cả :

Bối cảnh là Cách mạng Ngũ Tứ lan tỏa đến Thành Đô tỉnh Tứ Xuyên và gia đình họ Cao - một gia đình hiển hách quyền thế vốn dòng thi hương , thi lễ ngày càng đen tối , hoang dâm vô sỉ hủ bại . Họ cố gắng giữ gìn cho khỏi tan vỡ , thậm chí hy sinh cả lớp trẻ gây ra những thảm kịch . Cái chết uất ức của Mai , số phận bi thảm của Thụy Giác , Minh Phượng trầm mình , Uyển Nhi bị ép duyên và nhiều cô gái bất hạnh khác . . . Nhân vật Giác Tuệ biểu hiện nhiệt tình giác ngộ của tuổi trẻ trời dậy . Anh kiên quyết chống lại " chủ nghĩa bất đề kháng " và triết lí "chấp tay lạy" của anh cả Giác Tân .

Trong Lời Tựa của tập Chìm Đắm , Ba Kim nói tác phẩm của ông đều được " viết trong tâm trạng căm phẫn " . Lỗ Tấn từng ca ngợi " ba kim là nhà văn nhiệt tình , có tư tưởng tiến bộ , là một trong số ít nhà văn tốt có thể đếm trên đầu ngón tay " . Trong hơn 20 năm sáng tác trước khi nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời , Ba Kim để viết trên bốn triệu chữ , có ảnh hưởng quốc tế rộng rãi . Ba Kim còn dịch rất nhiều , trong đó có những tác phẩm nổi tiếng của Turgueniev . Tạp chí Văn học từng san do ông chủ biên đã xuất bản nhiều tác phẩm ưu tú có cả những tác phẩm đầu tay của nhà văn trẻ . Ba Kim đã đóng góp tích cực cho nền văn học hiện đại Trung Quốc

Mao Thuần

Tên thật là Thảm Nhạn Bằng , sinh năm 1896 tại Ô Trấn , huyện Đồng Hương tỉnh Chiết Giang . Người cha có tư tưởng duy tân , thích và tự học khoa học tự nhiên , qua đời năm hơn ba mươi tuổi . Mao Thuần sống trong gia đình có tư tưởng tiến bộ , người mẹ lại giáo dục ông rất nghiêm khắc . Từ nhỏ Mao đã đọc các bộ tiểu thuyết cổ điển Tam Quốc , Tây du ký . . .

Khi học trung học , Mao đã cảm thấy phẫn chấn với thời đại nhưng cuộc Cách mạng Tân Hợi không đem lại thay đổi cơ bản cho xã hội . Nhà trường chưa có không khí dân chủ . Anh bị đuổi học vì chống lại sự áp bức của ban lãnh đạo nhà trường . Ừ Những năm trung học chỉ để lại câu : "Không đọc sách sau Tần Hán ,thơ phải học Kiến An thất tử , thư phải phỏng theo cách viết Lục Triều , văn biên ngẫu là lối văn chủ đạo " . Lên Bắc Kinh , là người khởi xướng vận động tân văn học , ông viết tác phẩm " bàn về văn học mới cũ " . Năm 1920 , ông chủ biên tờ Tiểu thuyết nguyệt báo . Phiên dịch , giới thiệu văn học nước ngoài nhằm tiếp thu tư tưởng hiện đại , như nghiên cứu văn học Nga . Dạy trường đại học Thượng hải do Đảng CSTQ thành lập , tích cực tham gia Ngũ tạp 1925 . Viết bài " Bàn về nghệ thuật của giai cấp vô sản " ông cho rằng " nghệ thuật của g/c vô sản phải có nội dung thật phong phú , lí tưởng của giai cấp vô sản là xây dựng một đời sống nhân loại hoàn toàn mới " . Nghệ thuật vô sản cũng phải theo hướng đó để giúp giai cấp mình đạt mục đích lí tưởng cuối cùng . Đó là ảnh hưởng lí luận của Mác Lê Nin vận dụng vào Trung quốc .

Ông lại làm chủ bút tờ Dân quốc nhật báo . Tháng 4 năm 1927 tờ Giới Thiệu đại diện tư sản và địa chủ ra mặt chống lại cách mạng tại Thượng Hải . Phong trào CM suy yếu khiến ông dao động . Ông rời khỏi lí luận chuyển sang

sáng tác : tinh thần khủng hoảng bộc lộ trong bộ ba tiểu thuyết Thực (mục ruỗng) viết từ 1927-1928 . Thực gồm ba tập liên hoàn : Vỡ mộng , Dao động và Tìm kiếm viết về hiện thực và những thanh niên trí thức tiểu tư sản trước và sau đại cách mạng

(Ngũ tứ và Ngũ tạp) . Trong Vỡ mộng : cô Chương Tình gia đình khá giả được nuông chiều mơ mộng thiếu dũng khí . . . cố quyết tâm đi Vũ Hán trung tâm cách mạng . Vỡ mộng trong sự nghiệp khi thấy những tiêu cực mâu thuẫn trong CM là mâu thuẫn phổ biến không thể giải quyết . Cô tìm lánh vào tình yêu và cũng vỡ mộng . Trong Dao động , anh Phương La Lan phụ trách đảng bộ Quốc dân đảng trong liên minh cách mạng , dao động thỏa hiệp nên đã tiếp dầu cho ngọn lửa phản cách mạng . Anh biết rõ tội ác tên Hồ Quốc Quang kẻ cơ hội luôn lách vào hàng ngũ nhưng không dám vạch mặt y, sợ cả lực lượng quần chúng . Anh rời bỏ cách mạng . . . Tập ba : Tìm kiếm . Các nhân vật Trương Man Thanh , Vương Trọng Chiêu đều bế tắc , Chương Thu Liễu tự kết liễu đời mình và còn hại lây người khác bằng đấm say tự lực .

Tiểu thuyết Hồng năm 1929 sự bi quan mờ nhạt dần với nhân vật Mai Hàng Tố . Sau khi đi Nhật về 1930 ông viết các tác phẩm mới như Lộ , Tam nhân hành và những truyện ngắn khác . Rồi hàng loạt thành phố sung sức cảm hứng mới như : Nửa đêm , Cửa hàng họ Lâm , Tầm mùa xuân . . . có chiều rộng xã hội và chiều sâu tư tưởng hơn trước .

Ông còn viết về Lỗ Tấn , về văn học Nga Xô Viết và tiếp tục bàn về xây dựng văn học Trung quốc mới . . .

Giảng dạy ở Học viện nghệ thuật Lỗ Tấn , ông viết tản văn Nói chuyện phong cảnh và Ca ngợi bạch dương - một loại văn thú vị như tùy bút . Cuối năm 1948 ông đến vùng giải phóng , từ đó hoạt động chính trị , làm công tác lí luận văn nghệ , hướng dẫn nhà văn trẻ . Mao Thuần là người lính già trên mặt trận văn nghệ mới , có nhiều cống hiến cho sự nghiệp sáng tạo văn nghệ cách mạng

Lão Xá (1899 - 1936)

Sinh năm 1899 tên thật Thư Khánh Xuân , tự Xá Dư người Bắc Kinh , dân tộc Mãn Châu xuất thân nghèo khổ , quen sống trong dân nghèo thành thị . Ông căm ghét xã hội bất công xấu xa , cảm thông với người cùng khổ . Cuộc CM Ngũ Tứ khiến ông yêu thích văn học , tập viết tiểu thuyết . . . Năm 1924 sang Anh dạy học , ông mới thực sự viết văn . Do nhu cầu học tiếng Anh , Lão Xá đọc khá nhiều tiểu thuyết Anh . Nỗi buồn xa xứ khiến ông nhớ nhà và viết lại chuyện còn nhớ thành tập truyện dài Triết lý của lão Trương , sau đó là Triệu Tử Viết , Nhị Mã . Triết lý của lão Trương miêu tả một tên ác ôn tác quái rồi duyên cặp thanh niên yêu nhau , khiến kẻ chết kẻ bỏ nhà đi . Nhị Mã tả cảnh ở nước ngoài Hoa kiều bị kỳ thị qua so sánh hai tính cách Trung Hoa và Người Anh như những chuyện hài hước . Ông sáng tác Triệu Tử viết trên đề tài sinh viên , giọng trào phúng không thích hợp với sinh viên và phong trào của họ .

Trên đường về nước ghé lại Singapore , ở đây hiểu rõ hơn về thuộc địa của Anh và sự áp bức bóc lột của chúng , kì thị chủng tộc và cảm thấy được phong

trào cách mạng trào dâng của phương Đông . Câu chuyện đồng thoại Sinh nhật của bé Pha biểu thị đồng tình với dân tộc bị áp bức .Về nước ông dạy học ở Tế Nam . Tác phẩm mới viết là Hồ Đại Minh bản thảo bị cháy trong cuộc chiến Thượng Hải . Lại viết Miêu thành ký (1932) thất vọng vì việc nước .bộc lộ nhận thức sai lầm về cách mạng và người cách mạng . Ly hôn viết năm 1943 về một đám công chức phản động sống đời tầm thường , lên án bộ máy quan liêu thối nát , tội ác của chế độ đặc vụ . . Sau 1932 ông viết rất nhiều , phong cách thay đổi , đặc biệt Tường tử lạc đã chọn một người phu xe kéo làm nhân vật chính . Đây là tác phẩm ưu tú của Lão Xá .

Truyện miêu tả chân thực số phận bi thảm của một phu kéo xe Bắc Kinh . Tường tử từ nông thôn ra thành thị , thuê xe để kéo kiếm sống . Rồi anh quyết chí mua một cái xe làm người lao động độc lập . Anh trẻ khỏe cần cù , ba năm lao động cật lực anh đã mua được xe tay . Chỉ được ít hôm xe anh bị bọn quân phiệt cướp , bọn trộm sát tước nốt số tiền còn lại . . Người yêu anh là Hồ Nữ cô gái già con lão Lưu tứ chủ hãng xe (một tình yêu đầy xác thịt và thực dụng) góp tiền cho anh mua cái khác thì lại phải bán để chôn cất chị ta . Anh hoàn toàn tuyệt vọng và suy sụp .

Câu chuyện sinh động , miêu tả cố gắng phi thường của một người chỉ biết bằng sức cố gắng cá nhân để đạt mục đích . Anh bằng lòng với lí tưởng nhỏ hẹp , xa lánh bạn bè cùng cảnh ngộ . Anh là nhân vật thất bại - " con quỷ cùng đường của chủ nghĩa cá nhân " .

Kháng chiến chống Nhật bùng nổ , Lão Xá tham gia hội văn nghệ , đến Diên An được Chủ tịch Mao , Lưu thiếu Kỳ quan tâm săn sóc . Ông sáng tác mạnh mẽ nhiều thể loại thơ , kịch nói , truyện , tạp văn , dân ca . . .

Tác phẩm của Lão Xá phần nhiều viết về đời sống dân nghèo thành thị , chú ý đến tính phức tạp ly kỳ hấp dẫn của tình tiết và vận dụng khẩu ngữ Bắc kinh tinh xác . Một số tác phẩm của ông chịu ảnh hưởng tiểu thuyết Anh rõ rệt chủ yếu ở tính hài hóm hình và ngôn ngữ thông minh tinh nghịch.Về sau ông cố viết giản dị theo hướng dân tộc hóa . Độc giả chính của ông là dân thành thị . Sau khi Tường Tử lạc đã được dịch ra nhiều thứ tiếng , uy tín của ông lên rất cao , góp phần phát huy ảnh hưởng rộng rãi của văn học Trung Quốc .

Tào Ngu

Tên thật là Vạn Gia Bảo , sinh năm 1910 trong một gia đình quan lại sa sút quê gốc Tiềm Giang tỉnh Hồ Bắc . Ông là nhà văn có thành tựu lớn và có ảnh hưởng rộng rãi , nổi lên từ thời nội chiến cách mạng lần thứ hai . Năm 1934 viết Lôi Vũ , 1936 cho Nhật Xuất . Cả hai đều phản ánh tình trạng thối nát và tội ác của tầng lớp phong kiến tư sản lớp trên ở thành thị . Với tài năng kiệt xuất ông đã miêu tả sâu sắc cảnh sụp đổ tất yếu của chế độ cũ , giáng một đòn nặng vào giai cấp đang suy tàn hấp hối . Nhận định của tác giả cũng chưa đúng đắn do bị hạn chế về lập trường và tư tưởng : " vũ trụ như cái giếng tàn khốc , đã rơi vào đó thì gào khóc bao nhiêu cũng khó thoát khỏi cái hố tối tăm ấy " (Lời tựa Lôi Vũ do Tào Ngu viết) . Nhận thức đó làm hạn chế giá trị hiện thực và kể cả tư tưởng nghệ thuật của tác phẩm kiệt xuất này .

KỊCH LÔI VŨ của Tào Ngu

1. GIỚI THIỆU HOÀN CẢNH SÁNG TÁC :

Sau phong trào Cách mạng Ngũ Tứ (5-4-1919) đến trước phong trào Ngũ Táp (30-5 - 1925), khi thấy g/c công nhân , nông dân liên kết đấu tranh với hội sinh viên do trí thức lãnh đạo , giai cấp phong kiến và g/c tư sản Trung Quốc non trẻ bị cô lập bèn tìm chỗ dựa ở Nhật , Đức , Anh và câu kết với nhau bóc lột đàn áp họ . Vở kịch "Lôi Vũ" được sáng tác trong khí thế phục hưng văn học chưa từng có trong mấy thế kỉ qua đã miêu tả cuộc sống đồ vỡ hủ bại của một gia đình địa chủ - tư sản hóa xoay quanh những bi kịch tình yêu . Phong trào văn học thúc đẩy phong trào cách mạng chính trị ...(bãi khóa , bãi thị , bãi công) -mà công đầu là của phong trào SV học sinh Bắc Kinh ...

Cuộc Cách mạng Ngũ Tứ gắn với sự hỏng lại Hòa ước Versailles và Hội nghị Washington :

Đầu thế chiến I , Nhật về phe Đồng Minh , chiếm Giao châu - tô giới của Đức , mà Đức sắp thua (Đức Aùo Ý chống với Nga Anh Pháp Mỹ , sau thêm Nhật , Trung Hoa) . Hai chính phủ Bắc kinh (Viên Thế Khải) và Quảng Châu (của Tôn Văn) đều đi dự Hội với hy vọng họ trả tô giới Đức cho Trung Hoa . Nhưng thất vọng , họ ủng hộ quân phiệt Nhật giữ đất với lí do Viên thế Khải đã ký với Nhật . Dân Trung Hoa phẫn nộ , 3000 HSSV Bắc Kinh biểu tình đòi chính phủ trừng trị ba tên kí hiệp ước bán nước với Nhật , đòi hủy bỏ 21 điều ước khiến Trung Hoa thành thuộc địa của Nhật . Bị khủng bố , SVHS bãi khóa , kéo theo giới công thương bãi thị , thợ thuyền bãi công . Chính phủ nhượng bộ , bãi chức ba tên bán nước . Chính phủ phản đối hội nghị Washington 9 nước họp (1921-22) , đòi trả tô giới , đòi Nhật phải rút quân về nước . Hội nghị tán thành . Công lao ấy trước hết thuộc về SVHS .

Cuộc Ngũ Táp vận động 30 -5 -1925 (tấp hoặc tạp là 30) . Một người thợ ở xưởng dệt Thượng Hải bị nhân viên Nhật bắn chết . Lễ truy điệu và biểu tình chống Nhật trong khu vực tô giới Anh , bị cảnh sát Anh bắn : 12 chết 17 bị thương . Dân chúng phẫn nộ , khắp Hongkong tẩy chay hàng Nhật và Anh , trong đó cộng sản góp phần chỉ đạo , kéo dài 1 năm rưỡi , gây chấn động thế giới , tê liệt kinh doanh Anh ở Hoa Nam và Hongkong . Chiến hạm Anh Pháp Nhật Bò lại bắn vào biểu tình tẩy chay hàng ngoại . Dân chúng càng sục sôi . Phong trào cộng sản mạnh dần lên . Tôn Văn lấy lại ưu thế , chuẩn bị bắc phạt (chính phủ ngụy -Viên Thế Khải và đám cận thần thay thế khi y chết) . Ông Văn ảo tưởng khi muốn liên kết với Nhật. Chính phủ Bắc kinh đổ , họ mời ông về nhận chức , ông về , chưa kịp thì ngã bệnh mất , kịp để lại di chúc .

Trên đây là bối cảnh khiến cho giới văn nghệ sĩ mang trong lòng khí thế hừng hực sục sôi của nhân dân Trung Quốc chống cả phong kiến Trung Hoa lẫn quân phiệt Nhật và các tư bản phương Tây . Trong phong trào đấu tranh của dân tộc và khí thế văn học ấy , nhà văn Tào Ngu đã sáng tác vở kịch bất hủ Lôi Vũ xong năm 1934 , hai năm sau viết tiếp vở Nhật Xuất (Mặt trời mọc) .

2. NHÂN VẬT :

Chu Phác Viên - chủ vùng mỏ , chủ biệt thự Chu Bình - con trai
CPV (mẹ là Mai Thị Bình) Phồn Y - vợ sau của CPV Chu Sung

- con trai của CPV và Phồn Y Mai Thị Bình - vợ cũ của CPV Lỗ Quý - chồng của MTB , đầy tớ nhà họ Chu Lỗ Tứ Phượng - con gái của MTB và LQ, đầy tớ nhà họ Chu Lỗ Đại Hải - con trai của MTB và CPV, công nhân mỏ

3. BỐI CẢNH TRUYỆN KỊCH (không gian và thời gian) :

Hiện tại : khu biệt thự họ Chu ở cách vùng mỏ mấy giờ xe lửa , tỉnh Cáp Nhĩ Tân , miền Bắc . Câu chuyện xảy ra trong khoảng từ buổi sáng đến 2 giờ sáng hôm sau , phần lớn tại biệt thự họ Chu và một cảnh ngôi nhà Lỗ Quý (gần đó - một lúc đi bộ) xen kẽ những đoạn hồi tưởng về quá khứ 30 năm trước ở Giang Tô .

Quá khứ hồi tưởng (không gian bậc 2 thể hiện qua lời thoại của nhân vật) : huyện Vô Tích (quê gốc của họ Chu) và huyện Tế Nam (quê gốc của họ Lỗ) thuộc tỉnh Giang Tô , miền Nam .

4. CỐT TRUYỆN :

Màn 1 - (phòng khách biệt thự họ Chu , buổi chiều , khí trời oi bức ngột ngạt báo hiệu sắp có giông bão) .

Phồn Y mở tung cửa sổ phòng khách . Lão Chu về nhà , la rầy vợ , sai người đóng hết cửa sổ . Lão nhắc cô vợ trẻ uống thuốc tâm thần do bác sĩ người Đức cấp . Phồn Y phản đối . Chu Bình đang chuẩn bị hành lí để sớm mai đón xe lửa lên mỏ tập sự quản lí thay cha . Phồn Y với tình cảm tha thiết thương yêu năn nỉ mong Bình ở lại . Bình kiên quyết chối từ , khuyên dì ghê hãy quên và chấm dứt mối tình dan díu tội lỗi với anh thời gian qua . . . Phồn Y sai lão đầy tớ Lỗ Quý đi gọi vợ y - bà Mai Thị Bình - tới gặp nàng . Lỗ Quý kiếm chuyện đòi xin tiền bà chủ . Y gọi con gái là Lỗ Tứ Phượng , dọa mách mẹ Phượng chuyện cô đang yêu Chu Bình , đòi con đưa cho lão ít tiền hối lộ để uống rượu . Y lại kể chuyện Chu Bình dan díu với dì ghê để cản ngăn con đừng yêu Bình . . . Nhưng thiếu nữ Phượng đang yêu , không tin cha .

Màn 2:

Thị Bình , một thợ mỏ lam lũ , ngạc nhiên vào phòng khách chờ gặp bà chủ của chồng con . Ngạc nhiên nhìn thấy một căn phòng , tấm ảnh của mình hồi trẻ và những đồ đạc quen thuộc , Thị Bình sửng sốt , rồi nhìn thấy lão Chu đi ra , bà bàng hoàng nhận ra người tình - người chồng cũ . Giây phút nhìn nhau , lặng lẽ . Lão Chu trấn tĩnh , hỏi thăm Thị Bình . Hai người chuyện trò ngượng ngập , Thị Bình hỏi về Chu Bình . Lão Chu hứa cho bà gặp nhưng không được nhận con , lão nói vì Chu Bình được biết mẹ đã chết đuối ở dòng sông quê nhà Vô Tích khi anh còn nhỏ (ba mươi năm về trước) - bây giờ nói ra chẳng ích gì . Lỗ Đại Hải đại diện công đoàn mỏ xông vào biệt thự họ Chu để phản đối chủ sa thải thợ . Xung đột , lão Chu định bắn anh , bà Bình bảo vệ con , can ngăn . Chu Bình chạy ra , hai người cãi lộn mà không biết họ là anh em cùng cha cùng mẹ . Hải nghe mẹ bỏ đi . (qua lời thoại : 30 năm trước , khi bị nhà chồng xỉ nhục đuổi đi , bà Bình đã bỏ lại Chu Bình , nhảy xuống sông tự vẫn mang theo cái thai Lỗ Đại Hải . Sau được cha Lỗ Quý cứu vớt , Thị Bình lấy Lỗ Quý đền ơn , Hải mang họ cha dượng) . Bà Bình đau đớn xót xa lặng ngắm đứa con xa cách 30 năm ... Còn lại hai người , lão Chu đưa cho Thị Bình một số tiền bảo ra về . Bà cay

đăng từ chối . Phồn Y khuyên bà đem con gái (Phượng) về nhà , nói khích về việc Phượng và Bình yêu nhau , xỉ nhục thân phận đầy tớ . Bà Bình hứa đem Phượng về , Phồn Y cho tiền , bà lại chối từ . Thị Bình gặp Phượng , giận dữ bắt cô bỏ việc về nhà ngay . Phượng van xin mẹ . Chu Sung thầm yêu Phượng , năn nỉ xin nàng ở lại.

Màn 3 (cảnh nhà Lỗ Quý , Phượng) :

Trời tối , mưa to gió lớn , Chu Sung tìm đến nhà Phượng . Lỗ Đại Hải giận dữ mắng đuổi con trai của lão Chu . Chàng trai hiền lành đành phải quay về nhà . Chu Bình lại đến , anh trèo qua cửa sổ vào buồng riêng của Phượng . Hai người đang tâm sự , Hải nhảy vào đuổi đánh Bình , anh chạy ra cửa sổ nhưng cửa sổ đã bị ai cài chặt bên ngoài . Bình và Phượng thú nhận yêu nhau và hứa thành thực . Hải nguôi giận , tin tưởng em , thôi không đuổi Bình . Bình hứa sau khi lên mỏ , sẽ đón Phượng theo cùng . Bình ra về . Bà Bình bắt Phượng phải thề độc dưới cơn bão táp sấm sét sẽ cắt đứt với Chu Bình . Khóc lóc , thương mẹ , Phượng cất lời thề . Nửa đêm , Phượng bỏ nhà ra đi trong cơn mưa bão .

Màn 4 :

Chu Bình về biệt thự , Phồn Y lại năn nỉ anh đừng bỏ đi ... Bình biết Phồn Y đã đi theo dõi anh tới nhà Phượng và gài cửa sổ bên ngoài khiến anh bị Hải giữ lại , giận dữ , anh xỉ mắng dì ghẻ thậm tệ .

Chu Sung buồn bã về nhà , Phồn Y khuyên con muốn giữ được Phượng thì cần phải tuyên bố với mọi người rằng hai người yêu nhau , đã " ăn ở " với nhau.

Phượng trốn nhà đến ở biệt thự họ Chu tìm Bình , hai người ở phòng Bình , nàng đòi chàng đưa đi luôn cùng chuyến xe lửa sớm hôm sau .

Hai mẹ con bà Bình đợi mưa gió đến biệt thự tìm Phượng . Bà bắt con về , hai người quỳ van xin mẹ và thú nhận Phượng đã có thai với Chu Bình . Bà đau đớn nhục nhã tột cùng , tha thứ nhưng bắt hai con phải thề sẽ đi ngay , đi xa không bao giờ trở về gặp lại mẹ nữa . Đôi trẻ chiều ý mẹ , quỳ lạy sống và thề ...

Họ chuẩn bị đi , nhưng Phồn Y dẫn Chu Sung bước ra ngăn lại . Chu Sung không dám làm theo mẹ , anh buồn rầu chúc Phượng hạnh phúc . Cô bị mẹ xỉ mắng xối xả . Phồn Y xỉ mắng Chu Bình là kẻ bạc tình ! Sung đau đớn , ê chề , kêu gào . Phồn Y quay sang gọi lão Chu xuống cản ngăn . Lão Chu buộc lòng bảo Chu Bình ra nhận mẹ ruột . Bình kinh hoàng , đau đớn Phượng hoảng hốt , nhục nhã , bỏ chạy ra ngoài trời mưa gió , Sung chạy theo . Phượng vướng vào sợi dây điện đứt hồi sáng chưa ai nối , chết ngay , Sung kéo nàng ra , chết theo . Chu Bình chạy về phòng riêng , lát sau một tiếng súng vang lên . Lão Chu lão đảo , lê bước về phòng , lại một tiếng súng nổ . Trên sân khấu chỉ còn hai người đàn bà tê tái sống sờ trong đống đau ân hận , tuyệt vọng .

Lôi Vũ đã khái quát lịch sử sa đọa ba mươi năm của một gia đình phong kiến tư sản hóa hủ bại không lối thoát

Trung Hoa (Lưu Quang Vũ)

Gió bắc thổi về từ xứ xa Bên kia núi cao sừng sững Trung Hoa Trung Hoa của tuổi thơ Tiếng ngựa hí đêm khuya Đoàn xe Chiến quốc đi trong tuyết Rũ rượi tóc râu, đao thương sáng quắc Nào bạt thanh la xúng xoèng Dữ tợn mà sầu thương. Bờ sông trắng hoa dương Chia ly buồn đứt ruột Dậm chân hát mà từ biệt Đường Thi vắng vạc Áo ạt Hoàng Hà Quán núi đêm hàn rượu nóng Vạt áo xanh giang hồ Những mắt xéch Võ Tòng Những đầm sâu Thủy Hử Người đi như nước, đông như cỏ Sáng suốt và tối tăm Uyên thâm mà nhẹ dạ Tin ngay mọi điều, dám làm tất cả Cái người Tàu kỳ lạ ngồi đầm củ cải giữa đêm khuya. . . Lòng kiên nhẫn của người Trãi ra trên mặt đất Ở bất cứ nơi nào có khói Trung Hoa Nét bút vờn như cánh hạc vút qua Lóng lánh tay ngà rượu đỏ Bể thịt rừng xương Kiệt Trụ Những hôn quân bạo chúa Những hoàng hậu hồ tinh Những anh gàn và những triết nhân hái rau vi, mơ giấc bướm Trung Hoa Tây Thi , Trung Hoa Lý Bạch Cổ cung xưa bao đảo lộn kinh hoàng Như sóng biển không ngừng một phút Dưới liễu xanh, lũ quỷ đổi thay màu Tiếng chiêng trống, tiếng loa gào thét Chín trăm triệu người ồn ào mà nín lặng Trung Hoa muốn gì ? Nhân dân đi về đâu ? Đêm nay Trang sách tuổi thơ đưa tôi gặp lại Gian nhà nhỏ ven thành Vách lũng lằng cổ khô, lá thuốc Một người đầu trọc Áo bông đen khung vải cũ sờn Một người không râu lưng lửng ngồi im Giữa hũ lọ, mực tàu, chần rách Chồng sách dày, đĩa đèn dầu leo lét Tuyết rơi trắng xóa ngoài thềm Ông Tư Mã Thiên Một mình ngồi thức Ông Tư Mã Thiên mắt nhìn sáng quắc Hiểu đời, hiểu nước, hiểu dân mình Một ông Tư Mã Thiên Ngàn ông Tư Mã Thiên Muôn ngòi bút uy nghiêm Đang ghi sâu mọi việc “Hồn bạo chúa nghiêng rãng trong bụi cát mọi ngai vàng, theo lửa hóa tro than . . . Trung Hoa khổng lồ, Trung Hoa đau thương Mai tan hết mây mù mưa xám Trung Hoa Võ Tòng, Trung Hoa Lý Bạch lại là Trung Hoa từ tuổi nhỏ ta yêu .

Hà Nội - 1974 - L Q V

Ghi chú

Lí Bạch: Trong bộ phim Bao Thanh Thiên (Đài Loan) bài hát chủ đề (overture) được coi như một bài tựa , bài đề từ . Phần mở đầu dựa theo bài thơ Trên lầu Tà Thiếu xứ Tuyên Châu tiễn biệt quan hiệu thư Thúc Vân của Lí Bạch . Lời ca như sau :

Chuyện hôm qua như nước chảy về đông Mãi xa ta không sao giữ được Hôm nay lại có bao chuyện ưu phiền , làm rối cả lòng ta Rút kiếm chém nước , nước càng chảy mạnh Nâng chén tiêu sầu , lại càng sầu thêm Gió sớm mai thổi đi bốn phương

*

Xưa nay chỉ thấy người nay cười Nào có ai thấy người xưa khóc đâu Hai chữ ái tình thật cay đắng Muốn hỏi cho rõ hay giả vờ ngây ngô Chỉ có thể biết nhiều hay ít Khó có thể biết cho đủ Giống như đôi uyên ương bướm bướm Trong những năm tháng khó khăn này Ai có thể thoát được nỗi sầu nhân thế Trong thế giới phù hoa đó Đôi uyên ương bướm bướm ở trên đời đã là chuyện điên rồ sao còn muốn lên tận trời xanh Chỉ bằng hầy cùng ngủ yên trong sự dịu êm

Tổng kết văn học Trung Quốc

I. BỐI CẢNH VĂN HỌC TRUNG QUỐC

Đặc điểm lịch sử Trung Quốc : phân ròi hợp , hợp rồi phân . Ý thức bành trướng quốc gia từ cái lõi Trung Quốc (vốn chỉ là hai xứ Hà Nam và Sơn Đông) vừa coi rẻ vừa muốn thôn tính những vùng khác . Nhà Tần thực sự xây dựng một đế quốc đầu tiên với học thuyết Pháp gia (một kiểu phát xít cổ đại - bắt đầu xâm lược láng giềng : Đông Nam Á , Trung Á , Tây Bắc Á).Trước đây Nhà Chu chỉ lo bao chiếm thiên hạ của mình thôi .

Thủ lãnh xây dựng nước bao giờ cũng từ võ nghiệp (Tần , Lưu Bang , Lí Uyên , Chu Nguyên Chương) , tranh bá đồ vương , cải cách xã hội đủ lấy lòng dân , sau đó suy thoái .. .

Nho Học được coi là " tôn giáo nhà nước " , luôn luôn bị các giai cấp phong kiến chế tác , cải biến " dĩ bất biến ứng vạn biến" theo ý đồ củng cố quyền lực của mình và giữ đất nước quốc gia để chế ổn định.với Phật giáo (được Nho hoá, Trung quốc hoá) và Đạo Lão .

Quyền lực đế chế và văn hoá phong kiến rất bền vững , chế ngự được đô thị phát triển trong vòng phong kiến . Do vậy không thể canh tân, duy tân dễ dàng khi cái gốc phong kiến còn quá vững và sâu bền .

Trong 80 năm cận đại , nước Trung Hoa phong kiến chịu sự nhục nhã chưa từng có trong lịch sử và đến đây kết thúc trên hai nghìn năm phong kiến lâu dài nhất thế giới (từ

thế kỉ 3 trước công nguyên đến thế kỉ 19)

II. LOẠI THỂ VĂN HỌC TRUNG QUỐC

TRỮ TÌNH - Kinh Thi , Sở từ, thơ Khuất Nguyên , phú Hán , thơ Đường , từ Tống , thơ hiện đại tự do .

TỰ SỰ -Thần thoại truyền thuyết, , truyện cổ tích , truyện truyền kỳ thời Đường, tiểu thuyết Minh Thanh , tiểu thuyết hiện đại.

KỊCH - Hý kịch dân gian , kịch thơ thời Nguyên . Nhìn chung ba hệ Nho Phật và Đạo đề chống xung đột nên kịch không thể phát triển .Kịch hiện đại tiếp tục phát triển theo phong cách Tây Âu .

TẬP VĂN - sách bách gia chư tử , tạp văn hiện đại

NGHIÊN CỨU, LÍ LUẬN, PHÊ BÌNH :

- Kinh Thi (Khổng Tử sưu tầm ,biên soạn và phê bình giảng dạy) .
- Trần Tử Ngang mở cải cách , Bạch Cư Dị lí luận mở rộng nâng cao thơ Đường,
- Kim Thánh Thán , Mao Tôn Cương nghiên cứu phê bình tiểu thuyết Minh Thanh
- Văn Tâm Điều Long nghiên cứu văn chương cổ điển Trung Quốc của Lưu Hiệp.

- Một phần của Tứ khối toàn thư do nhà Thanh biên soạn tập thể (một loại từ điển bách khoa Trung Quốc)

ĐÚC KẾT BA TRUYỀN THỐNG : HIỆN THỰC - NHÂN ĐẠO - YÊU N ƯỚC .

III. HẠN CHẾ ÔN THI HỌC PHẦN

1. Đường Thi (phân nhóm chủ đề , cảm hứng chủ đạo . . . 55 bài đã cho)
2. Tiểu thuyết Minh -Thanh hai giai đoạn chính , tác phẩm chính .
3. Lỗ Tấn - truyện ngắn Cố Hương , Thuốc , AQ.chính truyện .

Phụ lục

Bộ tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng đã được dịch ra nhiều thứ tiếng Nga, Anh, Pháp, Đức, Nhật, ... Bản dịch tiếng Việt đáng tin cậy hơn cả do Vũ Bội Hoàng và Trần Quảng dịch, in thành 6 tập, Nhà xuất bản Văn hoá - Hà Nội 1963.

Phụ lục 1

CÂY GIA HỆ HỒNG LÂU MỘNG

Kim Lăng thập nhị kim thoa

(12 cô gái đẹp đất Kim Lăng).

<ol style="list-style-type: none"> 1. Lâm Đại Ngọc 2. Giả Tích Xuân 3. Giả Thám Xuân 4. Giả Nguyên Xuân 5. Giả Nghinh Xuân 6. Giả Xảo Thư 	<ol style="list-style-type: none"> 1. Vương Hi Phượng (Phượng Thư) 2. Vương Tam Thư 3. Uyên Ương 4. Tình Vãn 5. Anh Liên (Họ Chân). 6. Tiết Bảo Thoa
---	--

Một số nhân vật khác :

1- TIỂU THƯ : Hình Tụ Yên , Sử Tương Vân . . .

2 - A HOÀN :

Anh Liên (Hương Lăng) , Bé Năm , Bích Ngân , Bình Nhi , Bội Phương , Giai Loan , Hoa Tập Nhân , Hồng Ngọc , Hồ Phách , Khả Nhân , Kim Xuyên , Ngọc Xuyên , Nhập Họa , Oanh Nhi , Phiến Tuyết , Phong Nhi , Thái Hà , Thái Vân , Thị Thư , Thu Đồng , Thu Vãn , Thúy Lu ỗ , Thúy Mặc , Tiểu Hồng , Tình Vãn , Tĩnh Nhi , Tố Vân , Trụy Nhi , Tuyết Nhạn , Tư Kỳ, ỏ Tử Quyên , Tử Tiêu , Uyên Ương , Xạ Nguyệt , Xuân Yển , Ý Hà . . .

3 - CON HÁT :

Dược Quan , Đậu Quan , Linh Quan , Ngẫu Quan , Nhụy Quan , Phương Quan , Văn Quan và (Liễu Tương Liên - chàng nghệ sĩ giang hồ)

Người vẽ cây gia hệ : Phùng Hoài Ngọc

Phụ Lục 2

TIỂU SỬ 100 NHÀ THƠ ĐỜI ĐUỜNG

SƠ ĐUỜNG

(Từ năm Võ Đức vua Cao Tổ 620 đến năm Thái Đức vua Duệ Tôn 712)

1. DƯƠNG QUÝNH quê Hoa Âm , tỉnh Thiểm Tây nhỏ thông minh nổi tiếng thần đồng Làm quan nhưng cuộc sống long đong lận đận , cùng Vương Bột , Lô Chiếu Lân , Lạc Tân Vương gọi là " tứ kiệt Sơ Đường " . Để lại Dương doanh xuyên tập 10 quyển .
2. ĐỖ THẨM NGÔN cha Đỗ Phủ , làm quan nhỏ .
3. LẠC TÂN VƯƠNG (640-?) quê Nghĩa Ô tỉnh Chiết Giang , giỏi văn từ , làm quan đời Cao Tông Vũ hậu giúp Từ Kính Nghiệp khởi nghĩa , viết bài hịch đánh Vũ Tắc Thiên . Khi thất bại , ông đi tu hoặc bị giết . Bài thơ Tại ngục vịnh thiên .
4. THẨM THUYỀN KỲ đỗ tiến sĩ làm quan đời Võ hậu (Võ Tắc Thiên)
5. TỔNG CHI VẤN : làm quan đời Võ hậu
6. TIẾT TẮC làm Lại bộ thượng thư đời Duệ Tôn , thơ hay chữ tốt vẽ giỏi .
7. TRẦN TỬ NGANG (661 -701) : quê Xạ Hồng tỉnh Tứ Xuyên , tự Bá Ngọc , đỗ tiến sĩ năm 20 tuổi , làm quan đời Võ hậu chức Tả Thập Di gián quan , nhiều lần dâng sớ can gián , hai lần ra biên giới đánh ngoại tộc . Ở triều đình hai mươi năm bất đắc chí . Nhân có cha già, xin cáo quan . Bị tên huyện lệnh địa phương hãm hại , chết trong nhà ngục lúc 42 tuổi . Ông có vai trò tiên phong đổi mới thơ Đường .
8. VI THỪA KHÁNH làm quan thời Vũ hậu .
9. VƯƠNG TÍCH em Vương Thông , sống cuối Tùy đầu Đường , quê Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây , sống giàu sang nhàn hạ đến già , thích rượu và thơ không gì khác . Hồi trẻ muốn ra dẹp loạn kiếm công danh nhưng không được dùng , uất hận mãi . Sau theo tư tưởng vô vi Lão Trang về vui với thiên nhiên .
10. VƯƠNG BỐT tự là Tử An , 6 tuổi đã làm văn , đỗ cao , tính kiêu ngạo . Cha làm quan ở Giao Chỉ (Việt Nam) ông sang thăm cha , đi qua Nam Xương làm bài thơ Đền Vương các tự . Đi thuyền ra bể chơi bị đắm thuyền chết mới được 27 tuổi . Để lại một tập thơ 16 quyển .

THỊNH ĐUỜNG

(Từ năm Khai Nguyên 713 vua Huyền Tôn đến 765 Vĩnh Thái đời vua Đại Tôn)

1. CAO THÍCH : tự Đạt Phu , người Thương Châu , tuổi trẻ bất đắc chí , vất vưởng nửa đời mới ra làm quan và quá 50 tuổi mới bắt đầu làm thơ , chơi với Lý Bạch , Đỗ phủ . Thơ ông đủ loại , cảm hoài , vịnh cảnh , vịnh di tích , tặng biệt bạn hữu , nổi nhất là thơ biên tái , cảnh bi tráng ngoài chiến trường , lãng mạn tích cực và cũng có tính phê phán , như bài Yên ca hành vẫn truyền tụng . Ngang tiếng với Sầm Tham .

2. ĐƯỜNG HUYỀN TÔN, con vua Duệ tôn , dẹp loạn Vũ Hậu (Tắc Thiên) , làm vua 44 năm , hay thơ phú
3. ĐỖ PHỦ (xem phần sau)
4. HẠ TRI CHƯƠNG :hiệu Tử Minh Cuồng Khách , đỗ tiến sĩ làm chức bí thư giám .
5. LÍ BẠCH / Lí Thái Bạch (xem phần sau)
6. LÝ KỲ trước sau 725 , người Đông Xuyên sau đến Hà Nam , tiến sĩ , ra làm quan nhưng mãi không được thăng chức , bỏ về ở ẩn . Giao thiệp với Vương Xương Linh , Cao Thích , Vương Duy . Học luyện đan , bàn đạo Phật trong thơ . Một số bài thơ biên tải . Phong cách hào phóng , khẳng khái , gần Lý Bạch
7. LƯU TRƯỜNG KHANH (709-780) , tự Văn Phòng quê tỉnh Hồ Bắc , tiến sĩ giỏi thơ ngũ ngôn , làm quan chức Tùy Châu thứ sử , bị vu cáo , ngồi tù bị biếm nơi xa
8. MANH HẠO NHIÊN (689 -740) quê Tương Dương tỉnh Hồ Bắc . Trước 40 tuổi ở ẩn , đọc sách làm thơ . Sao đó đến kinh đô Trường An mưu cầu công danh nhưng không toại nguyện , lui về tìm an nhàn chốn núi non . Ông là nhà thơ áo vải suốt đời , giỏi thơ ngũ ngôn , bạn thơ Vương Duy . Ông làm nhiều bài sơn thủy đặc sắc . Ông lớn tuổi hơn Lý Bạch độ 10 tuổi (chết trước Lý 20 năm) nhưng thân với Lý và phong cách thơ của họ gần nhau . Lý Bạch rất ngưỡng mộ ông .
9. NGUYỄN KẾT 719-772 tự Thú sơn quê Lạc Dương tỉnh Hà Nam , tiến sĩ . Quan tâm chính trị , đời sống nhân dân , làm quan có thành tích . Một thời gian đi ở ẩn . Thơ phản ánh hiện thực giống như Đỗ Phủ , khoảng 69 bài . Đỗ Phủ khen thơ ông " mỗi chữ sáng chói như một vì sao trước vầng trăng thu " . Nguyễn Kết còn soạn một tập thơ 24 bài của bảy nhà thơ " chân chính không chức tước , trung tín nhưng suốt đời nghèo nàn " , gồm người lớp trước và đồng thời với ông , tiếp tục truyền thống Kinh Thi , phản đối hình thức thoát ly đời sống .
10. SÂM THAM 715-770 : quê Nam Dương , tỉnh Hà Nam , ông cha đều làm quan , mồ côi sớm , nhà nghèo tự học . Đỗ tiến sĩ năm 29 tuổi nhiều lần đi trận giúp việc quân ở Tân Cương , Cam Túc , Thiểm Tây .Thơ biên tải nhiều , chủ yếu ca tụng tinh thần chiến đấu anh dũng của quân lính biên phòng với văn phong lãng mạn , miêu tả phong cảnh lạ lùng . Tiêu biểu là bài Bạch tuyết ca và Tẩu mã xuyên hành , làm quan chức Gia Châu thứ sử .
11. THÔI HIỆU (Thôi Hạo) 704-754 , người Biên châu tỉnh Hà Nam , tiến sĩ . Cuốn Toàn Đường thi chọn tới hơn 40 bài của ông , thơ biên tải , thơ khuê tình , nhưng bài nổi hơn cả là Hoàng Hạc Lâu . Tương truyền Lí Bạch đến lầu Hoàng hạc , định làm thơ đề vịnh nhưng khi nhìn thấy bài thơ Thôi Hiệu thì khâm phục mà than rằng " cảnh trước mắt đẹp quá / chưa tìm ra lời thì đã thấy thơ Thôi Hiệu đề rồi " . Bèn không làm nữa .
12. THÔI QUỐC PHỤ chưa rõ thân thế
13. TỔ VỊNH chưa rõ thân thế
14. THƯỜNG KIẾN chưa rõ thân thế
15. TRỪ QUANG HI chưa rõ thân thế

16. TRƯƠNG CỬU LINH (673-740) người Thiệu Châu , tỉnh Khúc Giang đỗ tiến sĩ , giỏi văn học , làm tới tể tướng đời khai nguyên , bị bọn Lí Lâm Phủ , Ngưu Khách Tiên gièm pha , bị biếm đi làm trưởng sử Kinh Châu , bỏ về ở ẩn , bốn năm sau thì chết .Cùng với Trần Tử Ngang thúc đẩy thơ ca thoát khỏi ảnh hưởng Tể , Lương , dọn đường cho những người nối tiếp như Lý Bạch , Đỗ Phủ
17. TRƯƠNG DUYỆT (667-730) tự Đạo Tể ,người Lạc Dương ,thời Huyền tôn từng giữ chức Tập hiền điện học sĩ , bị biếm đi Nhạc Châu một thời . Nhiều thơ tả cảnh xuất sắc .
18. TRƯƠNG HỨC 675-750 . Quê Tô Châu , tỉnh Giang Tô , hay rượu , người ta gọi Trương điên . Viết chữ thảo đẹp .
19. TRƯƠNG KẾ : khoảng trước sau năm 756 , quê Tương châu tỉnh Hồ Bắc , đỗ tiến sĩ , có làm quan .Thơ phong cảnh là chủ yếu . Bài Phong kiều dạ bạc nổi hơn cả
20. TRƯƠNG NHƯỠC HƯ khoảng sau năm 711 , quê Dương chu . Có hai bài thơ lưu truyền trong đó Xuân giang hoa nguyệt dạ nổi tiếng
21. TRƯƠNG QUÂN chưa rõ thân thế
22. TRƯƠNG THUYẾT thi đỗ làm quan phong yên quốc công , nổi tiếng thơ
23. TRƯƠNG VỊ chưa rõ thân thế
24. TỪ AN TRINH chưa rõ thân thế
25. VƯƠNG CHI HOÁN (695 - ?) người Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây , nổi tiếng như Cao Thích ,Vương Xương Linh về thơ biên tái . Hai bài Lương Châu Từ và Đăng Quán Tước Lâu chứng tỏ ngòi bút ông rất tinh tế .
26. VƯƠNG DUY tự Ma Cật , đỗ tiến sĩ làm quan thượng thư hữu thừa , chuộng đạo phật , ăn chay trường , hay thơ chữ đẹp vẽ giỏi . Tô Thức nói : xem thơ Vương thấy có họa , xem tranh Vương thấy có thơ . Những bức tranh Vương Duy có âm thanh . Ông còn lập ra trường phái hội họa Nam tông . Sống an nhàn không ngó tới xã hội .
27. VƯƠNG HÀN 687-726 tự Tử Vũ quê Tấn Dương tỉnh Sơn Tây , nhà thơ biên tái . Thơ kín đáo phản đối chiến tranh phi nghĩa , như bài Lương châu từ .
28. VƯƠNG LOAN chưa rõ thân thế

1. VƯƠNG XƯƠNG LINH làm quan Long phiêu úy , bỏ về ở ẩn .

TRUNG ĐƯỜNG

(Từ năm Đại Lịch 766 vua Đại Tông đến Thái Hòa vua Văn Tông 836)

1. BẠCH CƯ DỊ (xem phần sau)
2. BÙI ĐỘ tiến sĩ , chức Tể tướng , phong Tấn quốc công , là một hiền tướng đời Đường
3. CHU KHÁNH DƯ :797- ? người Việt Châu tỉnh Chiết Giang , tiến sĩ , thơ ông được Trương Tịch thích thú , làm quan không thành công
4. DƯƠNG CỰ NGUYỄN chưa rõ thân thế

5. ĐÁI THỨC LUÂN 732-789 ,quê Nhuận Châu tỉnh Giang Tô , giữ chức Thứ sử , Kinh lược sứ , một số thơ tả cảnh sống nhân dân cụ thể có dấu ấn thời đại .
6. ĐỖ THU NƯƠNG người Kim Lăng , giỏi thơ . trước làm vợ lẽ Lí Kỳ tiết độ sứ Trần Hải . Khi Kỳ làm phản bị giết ,vua Mục Tông đem nàng về dạy học trong cung
7. GIẢ ĐẢO , trước đi tu , pháp danh Vô Bản , hay làm thơ , gò từng chữ . Một hôm cười lừa đi trên đường nghĩ được hai câu thơ : " điều túc tri biên thụ , tăng xao nguyệt hạ môn . Sau muốn đổi chữ xao ra chữ thôi nhưng còn phân vân . Rồi vừa đi vừa đưa tay ra hiệu gõ cửa (thôi) rồi lại đẩy cửa (xao) . Gặp quan Kinh triệu doãn Hàn Dũ đi qua , Dũ gọi lại hỏi và bảo nên viết "xao " . Từ đó người ta gọi văn gọt giữa / hoặc kĩ năng làm thơ là phép thôi xao . Thi tiền sĩ không đồ , làm chức quan Trường giang chủ bạ .
8. LỆNH HỒ SỞ : 766-837 , quê Quảng Tây từng làm Tiết độ sứ Sơn Nam , Tây Đạo , có một số thơ biên tái .5 tuổi đã làm văn , tiền sĩ , chức tể tướng
9. LÍ ĐOAN chưa rõ thân thế
- 10.LÍ HẠ 789-816 người Phúc Xương tỉnh Hà Nam , nhà thơ tài hoa , chết yểu với 27 tuổi . Thơ có ý tứ kì lạ , cảnh tượng quái dị . Hàn Dũ thích thơ ông . Hạ thích cưỡi ngựa có tên hề đồng mang túi gấm đi theo , nghĩ được câu nào đặc ý viết ngay bỏ túi gấm , tối về lọc lại chép thành bài .
- 11.LIỄU TÔNG NGUYỄN 773-819 người Hà Đông thuộc tỉnh Sơn Tây , tiền sĩ , chức Liễu Châu thứ sử , t ư tưởng tiến bộ bị biếm nhiều lần , yếm thế hướng về thiên nhiên
- 12.LÝ ÍCH 749-829 quê Cô Tàng tỉnh Cam Túc , tiền sĩ sống ở biên ải nhiều năm , thơ biên tái tả người chinh phu , lính thú lâu năm nhớ nhà , lòng mong mỗi nhân dân được hòa bình làm ăn
- 13.LÝ THÂN 780-846 người Vô Tích tỉnh Giang Tô , tiền sĩ làm quan Tiết độ sứ Hoài Nam , bạn của Bạch Cư Dị , đề xướng Tân nhạc phủ dẫn dắt Bạch Cư dị .
- 14.LÝ THIỆP trước sau 806 người Lạc Dương tỉnh Hà Nam , lúc đầu cùng em ở ẩn núi Lô Sơn , sau ra làm quan bị giáng chức .
- 15.LỖ ĐÔNG 790-835 , tỉnh Hà Nam ẩn cư núi Thiếu Thất , có tập thơ Ngọc xuyên tử thi tập
- 16.LƯ' LUÂN 748-800 , người đất Bồ tỉnh Sơn Tây . Loạn An LỘC Sơn ông chạy xuống miền Nam trốn tránh , thi hồng tiền sĩ nhiều lần , sau nhờ người nâng đỡ ra làm quan đến chức Giám sát ngự sử . bị vu cáo vì trong thơ có sự phẫn uất bất bình , lời thơ hào phóng .
- 17.LƯƠNG HOÀNG chưa rõ thân thế
- 18.LƯU VŨ TÍCH : 772-842 , người Bành Thành . Giang Tô , tiền sĩ năm 21 tuổi , chức Thái tử tân khách , làm quan nhiều lần bị biếm , Thơ châm biếm bọn quý tộc . Bài Trúc chi từ dung hòa những cái hay đẹp trong dân ca , đặt ra lối hát trúc chi từ
- 19.MẠNH GIAO ,751-814 , người Chiết Giang , được Hàn Dũ tán thưởng . 50 tuổi mới đỗ tiền sĩ . chức quan nhỏ nên chẳng ham , chỉ thích rong

- chơi ngâm vịnh . thơ về cảnh nghèo túng , đời chìm nổi . bài Chúc Phụ Từ thác lời người đàn bà dệt vải châm biếm xã hội khá chua cay .
20. NGUYỄN CHẨN , tự Vi Chi , ưa làm ca thi , cùng Bạch Cư Dị xướng họa . Tác giả truyện ngắn tự thuật Hội Chân Kí (tức Oanh Oanh truyện) .
 21. TIỀN KHÔI 722-780 tỉnh Chiết Giang , tiến sĩ , sống biên thủy lâu năm , làm quan chức Khảo Công lang trung , một trong 10 tài tử thời Đại Lịch .
 22. TIẾT OÁNH chưa rõ thân thế
 23. TRƯƠNG TỊCH : quê An Huy , đỗ tiến sĩ , được Hàn Dũ biết, tiến cử quan Quốc Tử bác sĩ sau lại Quốc Tử tư nghiệp , giỏi thơ cổ phong và nhạc phủ , kết bạn với Lệnh Hồ Sở , Bạch Cư Dị , Bùi Độ và Nguyên Chấn . Thơ ông tố cáo xã hội đen tối , châm biếm chiến tranh nổi khổ nhân dân , nạn tô thuế , thơ tình yêu ngợi ca tình chung thủy của người phụ nữ .
 24. TƯ KHÔNG THỤ một trong mười tài tử thời vua Đại Lịch
 25. VI ỨNG VẬT : quê Trường An , tỉnh Thiểm Tây , tiến sĩ , buổi đầu hào phóng khác thường , làm quan chức Tô châu thứ sử , về sau khiêm nhường , ham đọc sách như Đào Tiềm đời Tống , văn nhân đạm nhưng tư tưởng trong thơ phức tạp , có người nói mỗi bài thơ tả cảnh của ông như một bức tranh đẹp .
 26. VƯƠNG KIẾN 768-830 , quê Hà Nam , tiến sĩ , quan nhỏ , sau ra biên cương , cuối đời độc thân không con , cuộc sống vất vả , thơ hiện thực , đề cao đức tính tốt đẹp của người dân .

VĂN ĐƯỜNG

(Năm Khai Thành 836 vua Văn Tông đến năm Thiên Hữu 905 vua Chiêu Tuyên Đế)

1. BÌ NHẬT HỮU 833-883 , nông dân , đỗ tiến sĩ , làm quan , rồi tham gia khởi nghĩa Hoàng Sào , làm Hàn lâm học sĩ cho Hoàng Sào . Chết khi Hoàng Sào rút lui . Thơ hiện thực đậm đà
2. CÁP GIA VẬN chưa rõ thân thế
3. CHU PHÁC chưa rõ thân thế
4. CHUƠNG KIẾT , 837- ? quê Tiền Đường tỉnh Chiết Giang , thi tiến sĩ hỏng , lưu lạc giang hồ
5. ĐỖ QUANG BÌNH chưa rõ thân thế
6. ĐỖ MỤC : tiến sĩ làm quan Trung thư xá nhân , cương trực khí tiết . Tài thơ ngang với Lí THƯỜNG ẨN
7. ĐỖ TUẦN HẠC tỉnh An Huy , hàn vi , đỗ muộn . làm hàn lâm học sĩ cho lãnh tụ Chu Toàn Trung được 5 ngày thì mất , thơ hiện thực , cũng có những bài ca tụng bọn quyền quý .
8. ĐƯỜNG NGẠN KHIẾM chưa rõ thân thế
9. HẠNG TƯ chưa rõ thân thế
10. HOÀNG SÀO ,?-884 , quê Sơn Đông , lãnh tụ khởi nghĩa nông dân , xuất thân nhà buôn muối giàu có . thi tiến sĩ không đỗ , lãnh đạo tới 50 vạn quân khởi nghĩa , đã chiếm được kinh đô Trường An , thất bại , tự sát .
11. HỨA HỒN ?-? người Đan Dương , đỗ tiến sĩ , làm quan giám sát ngự sử , thứ sử các nơi

12. LÍ THƯỜNG ẨM :813-870 , người Thái Nguyên tỉnh Hà Nam , tiến sĩ , làm quan , bị biếm vì đấu tranh chính trị . nổi tiếng về thơ vô đề - những bài thơ tình hàm súc , trang nhã , chân thành chống lễ giáo phong kiến đòi tự do yêu đương tiến sĩ năm Khai thành , chức Công bộ viên ngoại .
13. LÍ HÀM DUNG chưa rõ thân thế
14. LÍ TẦN chưa rõ thân thế
15. MÃ ĐÁI chưa rõ thân thế
16. NGÔ DUNG tiến sĩ năm Long Kỉ vua Chiêu Tông , chức Hàn Lâm Thừa Chỉ
17. NHIỆP DI TRUNG 837- ? người Hà Đông thuộc tỉnh Sơn Tây , nghèo , tiến sĩ , làm quan nhỏ , bất mãn với lối sống quý tộc .
18. ÔN ĐÌNH QUÂN :813- 870 ? người Thái Nguyên tỉnh Sơn Tây , cháu nội tể tướng , sống phóng đãng rượu chè bài bạc , thanh sắc , thi mãi không đỗ , làm thơ tình , giỏi từ phú , thi tiến sĩ không đỗ . Thơ ông nặng chất văn nhiều tình ít .
19. TÀO ĐUỜNG , trước làm đạo sĩ , sau thi tiến sĩ không đỗ , làm quan ở sứ phủ
20. TÀO NGHIỆP 816- ? quê Quế Lâm tỉnh Quảng Tây , tiến sĩ , làm quan đến thứ sử , thơ hiện thực rất tự nhiên .
21. TĂNG LINH NHẤT chưa rõ thân thế
22. THÔI ĐỒ : tiến sĩ năm Quang Khải vua Hi Tông
23. THÔI LỖ chưa rõ thân thế
24. TRẦN NGỌC LAN , nữ sĩ vợ Vương Giá
25. TRẦN (TẦN) THAO NGỌC tiến sĩ năm Trung Hòa vua Hi Tông
26. TRẦN ĐÀO trước sau 850 , quê Giang Tây , thi tiến sĩ hỏng , sau ẩn cư ở Hoàng Châu , tỉnh Nam Xương . Bài Lũng Tây hành ý thơ biên tái . Nhà thơ Nguyễn Du mượn một câu trong bài đó khi viết : Ngẫm từ đây việc binh đao , đồng xương Vô Định đã cao bằng đầu .
27. TRỊNH CỐC : lúc trẻ thông minh , làm quan Đô quan lang trung
28. TRIỆU HỖ chưa rõ thân thế
29. TRƯỞ TỰ TÔNG chưa rõ thân thế
30. TRƯƠNG BẬT ?-? người Hoài Nam làm quan ở Nam đường , giữ chức Xá nhân .
31. TRƯƠNG HỮU ?- 853 , người Nam Dương , không ra làm quan , thích ngao du sơn thủy , cuối đời chơi thân với Bạch Cư Dị
32. TỰ KHÔNG ĐỒ theo học Trương Tích , tiến sĩ , ẩn cư ở Vương Quan Cốc
33. VU LƯƠNG SỬ chưa rõ thân thế .
34. VƯƠNG GIÁ 851- ? người Hà Trung , tỉnh Sơn Tây , đỗ tiến sĩ , làm quan tới Viên ngoại lang bộ Lễ , có tiếng hay thơ .

Phụ lục 3

BẢNG ĐỐI CHIẾU NIÊN ĐẠI TRUNG QUỐC VÀ VIỆT NAM

VIỆT NAM	TRUNG QUỐC
Nước Văn Lang - cách đây 4000 năm	Nhà Hạ (tk 21-17 tr.C.N) Thương (17-11tr .CN) và Ân Tây Chu (11-

<ul style="list-style-type: none"> o Văn hóa Phùng Nguyên o Văn hóa Đồng Đậu , Gò Mun o Văn hóa Đông Sơn <p>Nước Âu Lạc Vua An Dương Vương Thục Phán Nửa sau thế kỉ 3 tr. C.n Chiến tranh xâm lấn của Triệu Đà Âu Lạc diệt vong (179 tr.C.N) Thuộc Triệu (179- 111 tr.C.n) Thuộc Tây Hán (111- 24 sau c.n) Thuộc Đông Hán (25- 204) Cuộc k/n Hai Bà Trưng (40) Thuộc Ngô / Tam quốc (244-280)</p> <p>Khởi nghĩa Bà Triệu (248) Thuộc Tấn (280-420)</p> <p>Thuộc Tống (420- 479) Thuộc Tề (479-505) Thuộc Lương (504-543) Nước Vạn Xuân : (544-603) Thuộc Tùy (603-617) Thuộc Đường (618-906) Cuộc khởi nghĩa Mai Thúc Loan (722) Cuộc khởi nghĩa Phùng Hưng (766-791) Họ Khúc giành quyền tự chủ (905-930) Dương Đình Nghệ (931-937) Ngô Quyền chiến thắng Bạch Đằng(938) Ngô Vương (939-967) Đinh (968-980) Tiền Lê (980-1009) Lê Hoàn và k/c chống Tống lần 1 (981) Nhà Lý (1010-1225) K/c chống Bắc Tống lần 2 (1075-1077) Nhà Trần (1225-1400) K/c chống Nguyên Mông (1258) K/c chống Nguyên Mông lần 2 (1285) K/c chống Nguyên lần 3 1287-1288) Hồ (1400-1407) Quý Ly Hậu Trần (1407-1413) Thuộc Minh (1414-1427)</p> <ul style="list-style-type: none"> o Kháng chiến chống Minh (1406-1407) o Khởi nghĩa Trần Ngỗi (1409-1413) o K/ngĩa Trần Quý Khoáng(1409-1413) o K/ngĩa Lam Sơn (1418) và đại thắng quân Minh 1427 . <p>Nhà Lê (1428-1527 , trước Lê -Trịnh) Nhà Mạc (1527-1595) Hậu Lê (Lê -Trịnh) :1533-</p>	<p>8 tr.CN) Đông Chu (8-3 tr.CN) :</p> <ul style="list-style-type: none"> o Xuân Thu (8-5 tr.CN) o Chiến Quốc (5-3 tr.CN) <p>Nhà Tần (221-206 tr CN) Tây Hán (206trCN-24 sau CN)</p> <p>Đông Hán (25- 220)</p> <p>Tam Quốc (220-280) :</p> <ul style="list-style-type: none"> o Ngụy 220-265 o Thục 221- 265 o Ngô 222-280 <p>Tây Tấn (265- 316) Đông Tấn (317-420) Nam Bắc triều (420-589) Nam triều (420-589) Tống (420-479) Tề (479-502) Lương (502-557) Trần (557-589) Tùy (581-617) Đường (618- 907)</p> <p>Ngũ Đại (907- 960) Bắc Tống (960-1127) Nam Tống (1127-1279) Nguyên (1271-1368)</p> <p>Minh (1368- 1644)</p> <p>Thanh (1644 - 1911) Thuận Trị , Khang Hy , Ung Chính Càn Long , Gia Khánh, Hàm Phong (chồng Từ Hy) , Đồng Trị ,Tự Hi , Quang Tự & Phổ Nghi . Trung Hoa Dân Quốc (1911-1949) Cộng Hòa Nhân dân Trung Hoa từ 1949</p>
---	--

<p>1788 (Đàng Ngoài & Đàng Trong chúa Nguyễn)</p> <p>Tây Sơn (1788-1802) Nguyễn Huệ Kháng chiến chống Mãn Thanh (1788-1789)</p> <p>Nhà Nguyễn (1802-1945) (*) Cánh mạng Tháng Tám 1945 Việt Nam Dân chủ Cộng hòa(1945-1975) Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam (từ 1976)</p>	
---	--

(*) Ghi thêm về nhà Nguyễn :

<p>Gia Long (1802-1819), Minh Mạng (1820), Thiệu Trị (1841), Tự Đức (1848), Kiến Phúc (1883),</p>	<p>Hàm Nghi (1885), Đồng Khánh (1886), Thành Thái (1889), Duy Tân (1907), Khải Định (1916), Bảo Đại (1926-1945).</p>
---	---